VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Võ Đình, "Sắc hoạ", mục xạ, 1994

số 101 • tháng 9 năm 1994

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY

HOÀNG KHỞI PHONG	gối đầu lên chữ nghiã	2
VIÊN LINH	hai mươi năm văn học hải ngoại	11
HỒ MINH DŨNG	*đại nội*	21
TRẦN VĂN TÍCH	cùng một lứa	22
HUY TƯỞNG	*đêm trăng chia tay cùng em mọi nhỏ — để nhớ ngày em nhận lời yêu tôi*	35
HOÀNG CHÍNH	cầu tre lắt lẻo...	36
LƯU HY LẠC	*lên chùa*	55
SONG THAO	phận người	56
NGUYỄN CHÍ KHAM	*ngày mới*	68
QUỲNH GIAO	clara và robert schumann	69
THƯỜNG QUÁN	*nói và gởi*	82
ĐẶNG PHÙNG QUÂN	tiếng nói	83
LUÂN HOÁN	*đi thăm quê tình hà nguyên dũng*	89
CỔ NGƯ	khoảng trống trước mặt	90
PHAN LÊ THỨ	*tâm động*	95
PHẠM CHI LAN	ý thức về dòng sông	96
THẠCH HÃN	tiếng nói việt nam: *where the ashes are* và *south wind changing*	107
VĂN HỌC	toà soạn với bạn đọc	126
	sách mới trong tháng	127

HOÀNG KHỞI PHONG

gối đầu lên chữ nghĩa

phỏng vấn nhà văn Mai Thảo

Căn phòng rộng chừng mười mét vuông. Một giường nhỏ, một bàn viết, một ghế ngồi, một chăn, một gối... Nói tóm lại đồ vật trong căn phòng này có đơn vị là một, không hai. Ngoại trừ sách thì chất từ sàn gác lên tới trần nhà. Hàng ngàn quyển sách và báo. Sách nằm trong các thùng giấy, trong các kệ, các hộc. Sách vương vãi khắp nơi, trên giường, gậm bàn. Xó xỉnh nào cũng đầy sách. Trên tường là vài bức hình. Một bức hình chụp đã khá lâu, dễ chừng cũng ba bốn chục năm qua đi giữa người và ảnh. Tôi nhận ra ngay hai nhân vật trong bức hình này: Gia chủ và một người bạn thân nhất của ông. Người bạn vong niên hơn ông đúng một giáp. Người bạn ông đã có thời dậy học và là thầy bất đắc dĩ với kẻ đang viết những dòng chữ này. Bất đắc dĩ bởi vì nghề chính của ông không phải là dậy học mà là làm thơ. Điều đáng tiếc là ở một nơi tên là Việt Nam không có nghề nào mang tên là thi sĩ. Gia chủ có tên là Nguyễn Đăng Quý, người bạn vong niên chụp chung với ông trong tấm hình có tên là Vũ Hoàng Chương.

Cái tên Nguyễn Đăng Quý hầu như chỉ được dùng để làm giấy tờ, trên thẻ kiểm tra khi còn ở trong nước, hay trên thẻ xanh kể từ khi lưu lạc xứ người. Tên Nguyễn Đăng Quý hiện nay chỉ còn dùng duy nhất trên các quyển check book. Kỳ dư không một ai gọi ông bằng cái tên cha sinh mẹ đẻ này. Bởi vì người ta thường gọi ông bằng một cái tên khác do ông tự chọn cho mình khi hành nghề ***"nhà văn"***. Tên do ông tự chọn là Mai Thảo. Tấm hình chụp khi cả hai người còn trẻ, còn cả một con đường thật dài để đi. Con đường còn đó nhưng một trong hai người đã nằm xuống. Thấm thoắt mà Vũ Hoàng Chương đã nằm xuống được hơn mười lăm năm. Phần ông tuy còn sống, còn ăn và còn thở nhưng mà là một cuộc sống càng ngày càng lạ lẫm, càng thu hẹp. Năm nay ông gần bảy chục. Có sá kể gì một hai năm giữa sáu tám và bảy mươi. Cái tuổi thất

thập chớp mắt mà đã tới. Ông vẫn là một kẻ ăn ở các hàng cơm, đi ra khỏi nhà thì ngồi xích lô. Nơi đây không có xích lô thì ngồi xe buýt, xe hỏa hay máy bay để đi xa, gần thăm bằng hữu. Ông vẫn là kẻ hơi lành lạnh với người lạ mặt, nhưng thật ân cần với những người thân. Thân đây không có nghĩa là máu mủ ruột rà.

Tôi nhớ cách đây vài năm, khoảng năm năm trở về trước tôi không mấy có thiện cảm với Mai Thảo. Tính hơi lành lạnh của ông cộng với tính không thích bắt quàng làm họ với những người sang của tôi, làm cho nhiều năm dài tôi trông thấy ông như trông thấy một người nào đó trong siêu thị. Mai Thảo thì đâu có lý gì tới chuyện đó, phần tôi cũng ít thì giờ tìm hiểu những người mà tôi nghĩ là chỉ có tiếng không mà thôi. Cho tới một ngày trong một bữa tiệc sinh nhật ở nhà một người cả hai chúng tôi cùng quen, tôi được sắp ngồi bên cạnh ông. Chẳng lẽ cả hai đều không nói một lời. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi thật sự nói truyện với Mai Thảo. Trong bữa tiệc Mai Thảo ăn rất ít, ông uống khá nhiều. Khi đã ngà ngà Mai Thảo nói về thơ. Tất nhiên không phải là thơ của ông. Tôi bị Mai Thảo chinh phục ngay trong lần nói chuyện đầu tiên giữa hai người. Tôi chưa thấy ai ứng khẩu về thơ hay hơn ông. Ông nói về thơ của Quang Dũng, Thâm Tâm, Hồ Dzếnh, Trần Huyền Trân... Hình như ông thuộc không sót một nhà thơ tiền chiến nào, miễn là những nhà thơ đó chỉ cần có một bài thơ hay. Không hiểu làm thế nào ông chứa được nhiều thơ của người khác trong khi lượng rượu đã bão hòa trong người ông. Những lúc đó ông là một Mai Thảo khác, không hề có một chút lành lạnh nào. Trái lại giọng ông sang sảng, nồng nhiệt tựa như chính ông là tác giả đang đọc cho bằng hữu nghe những sáng tác mới nhất của ông. Không bao giờ Mai Thảo đọc thơ xuông mà thôi. Bao giờ ông cũng giải thích, nói tới những giai thoại vì đâu bài thơ ông sắp đọc được hoàn thành. Những lúc đó nhiều khi ông độc thoại. Đôi lúc tôi tưởng chừng ông không màng tới những ai có mặt. Ông miên man nói về thơ, ông đọc những bài thơ tuyệt hay của nhiều thi sĩ đã không còn trong cõi đời này nữa. Mai Thảo có một giọng đọc thơ trầm, ấm, không hùng tráng nhưng rất truyền cảm. Khi ông đọc những bài thơ buồn, người đa cảm chỉ nghe thơ ông đọc cách một bức vách có thể khóc được.

Trước khi đứng dậy để đi làm ca ba tôi nói với Mai Thảo một câu: *"Giả dụ những người cầm bút đều là anh em một nhà, thì tôi là một đứa em ngỗ ngược, ít nhất là đối với Mai Thảo. Kể từ nay tôi thôi không còn*

là đứa em ngỗ ngược nữa". Kể từ đó tới nay năm năm đã qua, tôi giữ được những lời đã nói, tuy vậy tôi vẫn dứng hơi xa Mai Thảo. Trước kia tôi hay tránh Mai Thảo, bây giờ tôi không tìm tới ông nhưng cũng không đến nỗi phải lánh mặt mỗi khi tình cờ gặp gỡ trong các nhà người quen, trong các tiệm ăn, trong các bàn nhậu. Có lần Mai Thảo và tôi gặp nhau trong một quán nhậu. Khi tiệc tan mọi người dùn cho tôi việc đưa Mai Thảo về nhà. Mãi sau này tôi mới biết những người quen đi uống rượu với ông ai cũng sốt sắng đi đón, nhưng ngại đưa về. Tôi nhớ như in lần đầu tiên đưa ông về sau một cữ rượu lớn. Lúc đó đã hơn một giờ đêm. Tôi đưa Mai Thảo về đến khu chung cư của ông. Chung cư của những người già bao giờ cũng vắng vẻ yên tĩnh sau mười giờ đêm. Cái bóng của hai chúng tôi vẽ lên trên tường những hình thù buồn bã. Tôi dìu nhẹ ông đi trong cái hành lang của chung cư dài và sâu như một cái hầm. Bước qua cái cổng ngách, vừa đặt chân lên nấc thang đầu tiên, đột nhiên quay phắt người lại ông nói:

– Về nhà giờ này làm cái gì nhỉ? Nó lạnh như một cái nhà mồ. Hay là mình đi chỗ nào uống tiếp đi. Lấy chai rượu xong đi chỗ khác uống. Tôi vội can ông:

– Giờ này các quán Việt Nam đóng cửa hết rồi, chỉ còn tiệm Mỹ thôi anh ạ.

– Hay là Phong lên ngồi chơi một lát rồi hãy về. Ngủ lại đây cũng chẳng sao.

Phải lò mò một hồi Mai Thảo mới tra nổi cái chìa khóa vào trong ổ. Ông lầu bầu nói những câu vô nghĩa trong khi mở cánh cửa vào nhà. Trong phòng của Mai Thảo mọi thứ đồ vật chỉ có một, tôi lơ láo ngồi dưới sàn. Ông lấy ra chai rượu và hai cái ly, ông không bao giờ ép rượu một ai, uống được bao nhiêu thì tùy ý. Rượu trong nhà Mai Thảo có bao giờ hết được. Bây giờ tôi chợt nhớ ra ở nhà Mai Thảo đồ vật nào cũng chỉ có một, ngoại trừ rượu và sách. *"Sách vẫn ngàn pho lẻ một tờ"*. Và rượu thì vẫn ngàn chung vẫn còn thiếu, cho dù có tri kỷ hay không. Có tri kỷ uống cách khác, không tri kỷ thì uống một mình. Trong khoảng không gian mười mét vuông đó là giang sơn của riêng ông. Nơi ông ở là một bầu không khí trộn lẫn giữa rượu và thơ. Ở nơi đây ông không làm rộn đời sống, tôi chỉ mong rằng đời sống cũng không làm rộn ông. Đêm đó tôi ngồi lại nghe ông nói chuyện thơ, gần sáng ông mệt nhoài, lăn ra ngủ. Tôi lặng lẽ ra về khi trời gần sáng.

2- Gần đây tôi có ý định viết một số bài về các người đi trước tôi một thế hệ. Mới đó mà tôi đã bước vào tuổi năm mươi, những người trước tôi một thế hệ nghĩa là bước vào tuổi bẩy mươi bây giờ cũng chẳng còn nhiều. Phải chi tôi làm việc này sớm hơn nhiều năm thì tôi đã có dịp viết về Vũ Khắc Khoan, vị thầy dậy Sử của tôi trong Đệ Nhất B1 Chu Văn An niên khóa 1961, tôi có thể gặp gỡ và viết về Bình Nguyên Lộc, một nhà văn chưa kịp hít luồng khí tự do cho đầy phổi, đã ra người thiên cổ nơi xứ người. Hiện nay những người còn lại tôi có thể nhẩm đếm trên đầu ngón tay. Một Phạm Duy của âm nhạc, một Tạ Tỵ của hội họa, một Võ Phiến của văn, một Mai Thảo... Còn những ai nữa thuộc vào lớp bẩy mươi, một Nghiêm Xuân Hồng, một Nguyễn Khắc Kham, một Như Phong... Đó là những con người của một thời khác. Thời đó dường như người ta xử với nhau có tình hơn bây giờ. Thời đó dường như người ta sống với nhau ít giả dối hơn bây giờ, ít nguỵ tín hơn bây giờ. Mới có hai mươi năm sau, mới chỉ có một thế hệ mà hình như chúng tôi đang sống trong một bầu không khí khác. Chỉ còn vài năm nữa thế kỷ 20 chấm dứt, cho nên thế hệ chúng tôi sống như những cơn lốc của âm thanh. Thế hệ của Mai Thảo chỉ cách chúng tôi có hai mươi năm. Ông nói về những người đồng thời với ông. Ông nói về cuộc đời của ông, ông nói về các bạn ông. Chỉ lạ một điều là giọng nói hệt như là một người đang kể chuyện cổ tích. Khi nói về quá khứ xa xôi mấy chục năm giọng ông xúc động như lạc đi. Đôi mắt ông long lanh, mơ màng và thỉnh thoảng rực lên những ánh mắt kỳ lạ. Ông cúi xuống lặng thinh vài phút. Ngửng mặt lên, ông cất giọng sau một cái đằng hắng. Giọng ông trầm và ấm. Ông nói về tiểu sử của ông:

... Tôi cùng quê với Tú Xương và Trần Cao Lĩnh. Tôi sinh năm Mão, nhỏ hơn Vũ Hoàng Chương chẵn tròn một giáp. Nếu bạn có ý định viết một bài về những người thất thập cổ lai hy gì đó thì tôi chưa tới bẩy chục. Hai năm nữa bạn hãy tới, tôi chỉ mong rằng ngày đó tôi còn hiện diện trong căn phòng này, giữa những quyển sách đang dọc dở, những chai rượu đang uống nửa chừng. Trong trường hợp bạn muốn viết một bài về tôi, nhà văn Mai Thảo thì không nhất thiết phải đợi tới bẩy, tám chục mà làm gì. Đối với tôi điều quan trọng là khi anh "**Ở với Đời**" anh làm được gì? Anh chơi với ai? Anh sống như thế nào? Có nhiều người

càng sống càng bé lại, "**Ông bình vôi**" của cụ Phan Khôi chẳng hạn, càng thọ thì ruột càng đặc lại có ích gì.

Thật tình ra tôi không muốn phát biểu điều gì. Nhưng tôi nể và quý Hoàng Khởi Phong, vả lại do sự thông tin không đầy đủ, có nhiều điều tôi không nói mà hiện nay người ta cứ nghĩ là tôi nói. Có nhiều bài báo viết về tôi mà khi đọc xong tôi không nhận ra chính tôi, thành thử nhiều khi không nói cũng không phải. Thôi thì nói một lần cho xong, để còn có thì giờ làm việc khác... Chính quán tôi là Bắc Ninh, quê hương của quan họ, của những cô gái Nội Duệ, Cầu Lim. Nhưng sang đến đời song thân tôi, ông cụ tôi lập nghiệp phương xa, rồi dời sang Nam Định. Do đó toàn thể mấy anh em tôi cùng sinh ra và lớn lên ở Nam Định. Như thế tôi cùng quê với Tú Xương, với Trần Cao Lĩnh. Hồi nhỏ tôi học ở tỉnh lỵ, khi ra học ở Hà Nội thì chiến tranh Việt Pháp đang diễn ra dưới rất nhiều hình thức. Lúc mới ra học ở Hà Nội, gọi là đi học nhưng kỳ thực không khí thời chiến tranh đã phủ trùm lên đất nước, thành thử vừa học vừa ngóng. Tôi có vài người bạn thân, tôi còn nhớ tên, hiện họ còn ở Hà Nội. Chúng tôi có một giấc mơ mà nói theo cách nói của Đinh Hùng là giấc mơ "ngoài cửa lớp" chúng tôi trở thành những người làm văn nghệ. Khi Pháp quân tái chiếm Hải Phòng thì toàn quốc đi vào một trận chiến dai dẳng. Lệnh tiêu thổ kháng chiến được ban ra. Ở Hà Nội bọn thanh niên, sinh viên, học sinh chúng tôi ngày ấy được thúc đẩy bởi lòng yêu nước ngùn ngụt, chúng tôi thành lập những đội quân gọi là "**Tự Vệ Thành**". Đội quân đó tuy chẳng ghê gớm gì, song những người thanh niên yêu nước vô ngần đó đã làm đoạn hậu cho một cuộc triệt thoái. Toàn bộ quân chính quy rút ra chiến khu Việt Bắc. Khoảng thời gian Tự Vệ Thành chiến đấu với quân Pháp trong cố đô Thăng Long không dài, song có nhiều người trong chúng tôi cho đến chết không bao giờ quên thời khoảng ngắn ngủi đó. Nó hằn vào trong óc chúng tôi như đường điêu khắc trên những đồ cổ.

Giấc mơ ra khỏi cửa lớp sẽ trở thành những người làm văn nghệ đến với chúng tôi khá sớm. Cùng với hai người bạn là Xuân Thiêm và Trung Nguyên, chúng tôi làm tờ báo đầu tiên của chúng tôi là tờ "**Dòng Việt**". Tờ báo sống được vỏn vẹn bốn số thì ba anh em chúng tôi cũng phải ra chiến khu. Cũng phải nói thêm khi đó chúng tôi không hề có một chút nhỏ kinh nghiệm làm báo nào. Năm năm ở ngoài đó tôi là một người hoạt động trong lãnh vực văn nghệ. Giản dị thì gọi là văn công. Thời đó

tôi là một thanh niên tràn trề sức sống. Tôi làm nhiệm vụ được giao phó một cách cẩn trọng, bởi tôi biết đánh Tây không phải chỉ trong một sớm một chiều. Chữ trường kỳ kháng chiến ở cửa miệng mọi người. Tất cả mọi người đều biết trước mặt có một trận chiến dài. Một trận chiến mà dân tộc không thể thua. Đó là trận chiến dành quyền tự trị cho giống nòi. Tôi không chú tâm đến chính trị, song những người chính trị viên lại chú tâm tới tôi. Thời gian cuối thập niên 40, nếu anh là người chỉ thích làm văn nghệ như tôi thì không có những bận tâm lớn, nhưng nếu anh là người có chút máu chính trị chẩy trong huyết quản thì sẽ có khá nhiều rắc rối. Hồi đó Quốc với Cộng còn dâu lưng vào nhau cùng chống quân xâm lăng. Phe Cộng còn náu mình khiêm tốn dưới cái vỏ Việt Minh, phe Quốc thôi thì Duy Dân, Đại Việt, cùng hàng hàng, lớp lớp những người yêu nước thuần túy, không ở trong một đảng phái nào như tôi. Như tôi đã nói, tôi không chú tâm tới chính trị, không hẳn là chính trị buông tha tôi. Anh chính trị viên trong đoàn của tôi cho tôi biết là tôi có đủ điều kiện để vào Đảng. Chúng tôi đang hoạt động tuyên truyền trong những vùng sát với vùng bị quân Pháp chiếm đóng, những ai được tuyển chọn phải về Việt Bắc làm lễ kết nạp, tuyên thệ. Phần tôi có thể gia nhập Đảng ngay tại chỗ công tác. Nghĩa là tôi có giá dưới con mắt của anh chính trị viên. Anh ta nói với tôi là vào Đảng sẽ được dãi ngộ đủ điều, những cái xe đạp tốt nhất, những loại thuốc quý nhất. Gần như là muốn gì được nấy. Tôi nghĩ lại trong thời gian đó kháng chiến dần dần lộ hình tích Cộng Sản, những buổi phê và tự phê hằng đêm, những buổi học tập chính trị. Sách vở của Lenin, Karl Max, Mao Trạch Đông đầy dẫy khắp cơ quan. Người nào người nấy bí bí, mật mật. Tôi là người văn nghệ, thần trí bay trên vòm trời xanh trên kia như một con đại bàng. Đâu có thể là đà như ngọn cỏ. Tôi nói với anh chính trị viên định kết nạp tôi là cho tôi vài ngày suy nghĩ. Chuyện tuyên thệ gia nhập Đảng không thể là một quyết định vội vã được. Đó là một chuyện quan trọng nhất cho một đời người. Trong ba đêm liền tôi ngồi soi mình bên một dòng sông, lặng nhìn con nước chẩy, láng nghe tiếng lòng mình. Đối với nhiều người gia nhập Đảng là một ân sủng lớn. Song tôi là một người văn nghệ. Công tâm mà nói, việc vào đảng làm tăng giá trị tinh thần của chính tôi. Tôi nhấn mạnh chữ tinh thần này, bởi vì có đáng gì đâm ba món đồ vật của một đồng, công một nén đó. Nếu tuyên thệ từ nay tôi là người chân liền, không phải chân rời. Từ nay sau lưng tôi là cả một lực lượng đang bành

trướng. Mặt khác những buổi học tập chính trị, những buổi phê và tự phê, những buổi truy nhau đến đỏ mồ hôi trán, những ánh mắt dò xét nghi kỵ. Kháng chiến càng ngày càng để lộ bản chất đấu tranh giai cấp. Thế mà ông cụ tôi thì giầu có tiếng ở Nam Định, gia đình tôi theo kiểu định nghĩa của cộng sản thì hiển nhiên là thành phần bóc lột dân lành, sống trên thặng dư kinh tế và lao động của người. Tôi hiểu tôi là ai. tôi muốn gì? Tôi cũng biết tính tôi không thể là một người phản bội một khi đã tuyên thệ. Suốt ba ngày liền tôi dõi mắt qua bên kia sông, cái vùng "*địch tạm chiếm*" hiện giờ không biết ra sao. Có điều chỗ này không phải là chỗ của tôi. Tôi nói với người chính trị viên có lòng ưu ái tôi là tôi muốn về nhà. Anh ta nhìn tôi và nói:

– Như vậy là anh xóa hết không còn gì. Công lao mấy năm của anh bù cho tội này cũng vừa đủ. Thế là tay trắng, sạch sành sanh.

Thuở đó những người chính trị viên chưa ghê rợn như sau này, vì guồng máy mới hoạt động chưa lâu, các bánh xe chưa trơn mỡ. Ví thử những năm 50, 60 mà nói như thế e rằng không có chỗ mà chôn. Thành thử tôi còn có mạng mà về thành. Năm đó là năm 1951. Lúc quay lưng lại mà đi đau lắm, khóc được. Tôi có cảm giác như là người bị tình phụ.

Năm năm đi kháng chiến, tôi dõi mắt qua bên kia sông, nơi mà trong thơ tiền chiến các thi sĩ lớn của thời đó gọi là "*vùng địch đóng*". Giờ đây ở trong thành tôi dõi mắt ngược lại, nơi những người bạn cũ của tôi đang thở bầu không khí của chiến tranh. Nơi tôi ở cái gì cũng có vẻ tạm bợ. Tôi là một người làm văn nghệ, sớm nhìn thấy cái giả và thực trong mọi sinh hoạt nơi tôi đang ở. Chính vì vậy mà tôi bỏ về thành. Hai năm ở Hà Nội tôi nhìn thấy trước có một đêm nào đó tôi phải giã từ. Không khí của những năm 51, 52, 53 là một không khí ngùi ngùi của việc chia ly. Tôi là nhà văn nên tôi cảm nhận được điều này. Bây giờ ngồi đây tôi nghiệm lại là cái không khí chia ly đó bàng bạc khắp ngọn cỏ khóm cây.

Từ năm 1951 cho tới năm 1954 tôi làm một vài việc với gia đình. Những việc có tính cách sinh kế. Cũng chỉ là những chuyến đi buôn bán ấm ớ, qua lại hai bờ của một đòng sông. Lén lút đi lại giữa hai vùng đất "**tự do**"và vùng "**địch đóng**". Đó là cái thời một nhạc sĩ nào đó đã viết trong một bản nhạc :"*...Bên đây là phía tự do, máu người dân Việt còn cần cho luống cầy. Bên kia là phía sầu u, có người dân Viết gục đầu bên quân thù...*" Những chuyến đi buôn này cho tôi có cảm giác tôi đang

làm một cái gì đó, một công việc nào đó hơn là những thúc bách của sinh kế. Năm 1954, hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết do sự sắp xếp của các đại cường. Tôi nấn ná mãi cho tới những ngày sau cùng mới đi cư. Vào Nam vào đầu năm 1955. Tôi cảm nhận thật rõ ràng ra đi là không có ngày về. Trong vùng đất mới ở miền Nam tôi may mắn gặp gỡ vài người có lòng yêu văn chương, chữ nghĩa. Đó là các anh Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sĩ Tế. Cả ba đều là người Bắc di cư như tôi, nhưng tôi không hề biết khi còn ở Hà Nội. Năm 1956 tôi hoàn thành tập truyện đầu tay của một đời văn nghiệp Mai Thảo. Đó là tác phẩm "**Đêm Giã Từ Hà Nội**". Cũng trong năm này, cùng với mấy người bạn vừa kể chúng tôi cho ra đời tạp chí "**Sáng Tạo**". Trước sau cả hai bộ Sáng Tạo cũ và mới gồm 56 số báo. Công tâm mà nói đó là tạp chí thuần túy văn chương đầu tiên của miền Nam. Nó thổi một luồng gió mới vào sinh hoạt chữ nghĩa của miền Nam. Khi tạp chí Sáng Tạo đình bản, tôi trông coi tờ Nghệ Thuật một thời gian trước khi lo lắng cho tờ Văn.

Năm 1975 ập tới tôi kẹt lại ở Việt Nam. Tôi trốn lánh suốt ba năm liền, năm 1978 tôi thành công trong một chuyến vượt biên. Thoạt kỳ thủy tôi tới Seattle, nơi đó tôi có vài người bạn cũ đang làm một tờ báo cho người Việt tị nạn. Tôi làm tờ **Đất Mới** cùng với Vũ Đức Vinh, Thanh Nam, Túy Hồng. Khi tờ Đất Mới đình bản, tôi về định cư tại vùng này và làm lại tờ **Văn** ở hải ngoại. Thấm thoát mà tờ Văn hải ngoại đã góp mặt với chữ nghĩa 14 năm qua . Có một điều tôi muốn nói về tạp chí Văn. Tờ Văn và tôi là hai thực thể không thể chia cắt. Tôi nghĩ rằng trong một tương lai không xa tôi sẽ cho đình bản tờ Văn. Hiện nay điều kiện sức khỏe của tôi còn cho phép. Khi nào nó không cho phép tôi sẽ biết. Tôi hiểu những biến đổi bên trong lục phủ, ngũ tạng của tôi. Rất nhiều bằng hữu của tôi không muốn tờ Văn bị đình bản, họ có thể lèo lái cho nó sống. Nhưng đó là một tờ báo khác, chỉ có cái vỏ là tờ Văn mà thôi, còn cái ruột có thể là một tờ nào đó. Tôi không để cho tờ Văn mang hình ảnh của một *con ốc mượn hồn*.

3- Năm 1956 khi tạp chí "**Sáng Tạo**" xuất hiện ở miền Nam, nó hệt như những cây lúa nhú lên trong một khoảnh đất phì nhiêu không người khai phá. Mỗi số báo là một bước đi tới. Những người chủ trương hăm

hở tiến lên, không nhìn lại những con đường đã cũ. Thời đó ở miền Nam chỉ có những tờ báo, năm thì mười họa mới có một quyển sách ra đời. Ngôi "*chợ văn chương*" hết sức tiêu điều, tịch mịch. Sáng Tạo đem một luồng gió mới đến cho văn học miền Nam nói riêng. Nói chung thì là cả hai miền, bởi vì ở miền Bắc lúc đó là lúc những người cầm bút nhìn nhau dôi khi còn tệ hơn là cầm thú trong vụ án "**Nhân Văn Giai Phẩm**". Có không ít nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ chết chỉ vì muốn làm một người chân thật, một người mà Phùng Quán đã viết:

"*...Yêu ai cứ bảo rằng yêu*
Ghét ai cứ bảo rằng ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao
Khắc văn trên đá."

Đứng trên phương diện chữ nghĩa thì những câu thơ này không hay, nhưng nó lớn bao trùm cả thời đại đó. Ảnh hưởng của Nhân Văn Giai Phẩm cho tới ngày nay, gần bốn chục năm qua đi mà vẫn chưa hoàn toàn tan biến. May mắn hơn những người cầm bút ở miền Bắc, những ngôi sao vừa lóe lên trên vòm trời văn chương của miền Nam trong giai đoạn này, những Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên... như những con ngựa phi nước đại trên những đồi cỏ mênh mông, những khu rừng bát ngát. Nếu "**Tự Lực Văn Đoàn**" là một hiện tượng của văn học Việt Nam trong thập niên 30, 40 thì hai mươi năm sau, Sáng Tạo là một hiện tượng khác. Nó làm mới văn chương. Nếu coi văn học như những đợt sóng của một giòng trường giang cuồn cuộn, thì Tự Lực là một con sóng lớn và đi trước, Sáng Tạo là một con sóng nhỏ hơn, đi liền ngay sau đó. Tự Lực là một khoảng đất mới vỡ, Sáng Tạo là hoa và trái đầu mùa.⊙

(còn tiếp một kỳ)

hoàng khởi phong

VIÊN LINH

hai mươi năm văn học hải ngoại

(Trả lời cuộc phỏng vấn của tạp chí Văn Học)

Văn Học: *Trước 1975 tại Sài gòn, anh từng viết văn, làm thơ, làm báo, am tường mọi sinh hoạt liên quan tới chữ nghĩa của miền Nam. Từ kinh nghiệm quí giá đó, anh có thấy văn học hải ngoại là dòng nối dài của văn học miền Nam hay không?*

Viên Linh: Những "sinh hoạt liên quan tới chữ nghĩa" là những sinh hoạt của "viết, đọc,và phê bình". Tôi thu hẹp câu trả lời trước hết vào việc đọc, thứ nhất trên quan điểm thu hoạch được của một độc giả, sau đó mới là quan điểm của một người viết. Phần phê bình sẽ không nhiều. Trong câu hỏi đầu của anh, có mấy chữ "văn học hải ngoại" và "văn học miền Nam". Câu hỏi của anh là văn học hải ngoại có phải là dòng "nối dài" của văn học miền Nam không? Tôi sẽ trả lời song song với một câu hỏi suy diễn để so sánh do tôi đặt ra: Văn học trong nước có phải là dòng "nối dài" của văn học miền Bắc hay không?

Trong trí nhớ chủ quan, mấy chữ "Văn học miền Nam" chỉ được dùng khoảng mười, mười lăm năm sau thời điểm chia cắt đất nước 1954. Trong khoảng 1968-1972, khi điều khiển tuần báo *Khởi Hành* của Hội Văn nghệ sĩ Quân đội, tôi khởi thảo loạt bài "Sơ thảo 15 năm văn xuôi miền Nam" với các anh Cao Huy Khanh (biên niên sử), Nguyễn Nhật Duật, Lê Huy Oanh, Huỳnh Phan Anh, và tôi (từng tác giả). Khi rời *Khởi Hành* để dựng bán nguyệt san *Thời Tập* (1973-1975), chúng tôi đổi thành "Hai mươi năm văn học miền Nam Việt Nam", cũng vẫn từng ấy người viết. Loạt bài này đã được nhiều người dùng, đặc biệt là anh Doãn Quốc Sỹ lấy để giảng dạy tại Đại học Văn khoa Sài gòn.

Cùng trải qua hai thời điểm ấy, tôi thấy những năm đầu tiên sau 1954 và những năm đầu tiên sau 1975, người cầm bút ở miền Nam và người cầm bút ở hải ngoại có một tâm trạng chung: mất quê hương, lạc loài, lưu vong. Sau 1954, chính những người này đã khiến văn học miền Nam tương phản rõ rệt với văn học miền Bắc (dù miền Nam lúc đó vẫn đang có những Bình Nguyên Lộc, Tam ích, Hồ Hữu Tường, Sơn Nam,

Thanh Nam, Kiên Giang...). Sau 1975, cũng chính tâm trạng này đã khiến văn học hải ngoại tương phản rõ rệt với văn học quốc nội (dù ở hải ngoại từ trước đã có những Thi Vũ, Nhất Hạnh, Phạm Công Thiện, Đặng Tiến, Võ Đình, Linh Bảo...(1).

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh (cả giai đoạn ở miền Nam lẫn giai đoạn đã rời miền Nam) các tác giả tiêu biểu của miền Nam vẫn là các tác giả tiêu biểu ở hải ngoại, cộng thêm một vài người mới nổi ở ngoài như Nguyễn Ngọc Ngạn, nhưng những Nguyễn Ngọc Ngạn ở hải ngoại cũng vẫn có tâm trạng chung nói trên. Các tác giả của miền Nam nếu bị kẹt lại, phần lớn bị tù đày. Ra khỏi nước sau đó, họ nhập chung vào dòng văn học hải ngoại, không một chút xa lạ. Vậy thì theo tôi, văn học hải ngoại thời chiến tranh lạnh chính là văn học miền Nam. Nói một cách khác, dòng văn học hải ngoại chính là dòng văn học miền Nam nhưng thiếu những người bị miền Bắc cầm tù và những người tự nguyện gia nhập dòng văn học miền Bắc. Mà trong khi văn học miền Nam trở thành văn học hải ngoại thì văn học miền Bắc trở thành văn học quốc nội. Cùng một phút, cùng một giờ. Chỉ có một thay đổi: biên giới. Thành ra chữ "miền Nam', "Hải ngoại", "Miền Bắc", "Quốc nội" chỉ có một ý nghĩa là ý nghĩa địa lý, lại là địa lý chính trị: miền Nam hay Hải ngoại là văn học Việt Nam Quốc gia; miền Bắc hay Quốc nội là văn học Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Cho tới phút tôi đang viết câu trả lời này, Việt Nam vẫn là một nước xã hội chủ nghĩa. Chưa ai thấy một nhà văn nào, một tạp chí văn học nào hay một nhóm nhà văn nào ở trong nước thuộc dòng văn học miền Bắc phủ nhận chủ nghĩa xã hội, phủ nhận thể chế xã hội. Cho nên tôi không thể nghĩ khác được rằng văn học của một nước xã hội chủ nghĩa lại không phải là văn học xã hội chủ nghĩa. ở đây xin không nói tới những nhà văn hiện ở trong nước nhưng thuộc dòng văn học miền Nam, những người mới đây in *Mười hai tác giả Sài gòn, mười hai truyện ngắn 1993* (2).

Mấy chục năm nay, chúng ta hay dùng chữ "nối dài" một cách liều cợt. Chữ ấy sở dĩ có là để bài bác các tờ *Văn hóa Ngày nay* (1958), *Tân Phong* (1959) trong cố gắng muốn khôi phục ảnh hưởng của Tự lực văn đoàn ở miền Nam. Nhất Linh là một ngôi sao bắc đẩu trong vận động sinh hoạt văn học báo chí thời tiền chiến, nhưng vận động ấy hồi giữa thập niên 50 không thể khôi phục vai trò của Tự lực văn đoàn như vai trò họ có thời tiền chiến. Các tác giả do Nhất Linh đề bạt vào TLVĐ sau

1958 (khi *Văn hóa Ngày nay* ra đời) không có cái vóc dáng của thời Đệ nhất TLVĐ, giống như cái khúc đường Lê văn Duyệt từ Hòa Hưng xuống Ngã Tư Bảy Hiền không phải là cái khúc đường Lê văn Duyệt nguyên thủy - gọi là Verdun - từ Hòa Hưng lên tới Ngã Sáu Sài gòn. Cho nên tôi không muốn dùng chữ này, dù chỉ thêm một lần nữa.

Ở một đoạn trên, tôi có dùng mấy chữ "trong chiến tranh lạnh". Những nhận định trên của tôi cũng chỉ nói đến các nền văn học Việt Nam trong thời kỳ ấy. Khi cuộc chiến tranh lạnh chấm dứt, các nền văn học ấy khởi sự thay đổi: Hải ngoại trước chỉ có Bắc Mỹ và Tây Âu, nay thêm Đông Âu. Trong nước trước chỉ có Xã hội chủ nghĩa, nay thêm Cởi trói. Chính do biến cố chính trị ấy mà chúng ta mới có chuyện để nói. Không có biến cố chính trị ấy thì không có đổi mới hay cởi trói, cái cày văn và cái bừa thơ vẫn buộc vào vai trâu, và con trâu được vất ngang ruộng đất thì cày ngang ruộng đất, được vất dọc cải cách thì bừa dọc cải cách; con trâu vẫn là con trâu dù ruộng đất có cải cách hay không cải cách.

Văn Học: *Theo ý anh, nên lấy tiêu chuẩn nào để xác định một tác phẩm là thuộc về dòng văn học hải ngoại? Địa lý (tác giả ở trong nước hay ngoài nước), chính trị (Cộng sản, Quốc gia), ngôn ngữ (trường hợp các tác giả viết bằng ngoại ngữ), nơi xuất bản sách (tác phẩm từ trong nước gửi ra in ở hải ngoại) ?*

Viên Linh: Như câu trước, tôi cũng sẽ trả lời song song với những câu hỏi suy diễn, bởi mục đích chính của cuộc phỏng vấn này là gì? Sơ thảo văn học sử một giai đoạn, hay xem xét những điều kiện giao lưu? ở đây tôi không thấy có mục đích văn chương. Câu hỏi thứ ba các anh gửi cho tôi: "dựa trên những tiêu chuẩn nào để thưởng thức hay phê phán một tác phẩm xuất bản trong nước", tôi thấy nó lạc lõng. Nhưng tôi xin dùng cái chỗ lạc lõng này để từ đó nói về các tiêu chuẩn Văn Học đã chỉ danh: nơi tác giả sống, nơi cuốn sách xuất bản, ý thức hệ và ngôn ngữ (viết bằng tiếng Việt hay ngoại ngữ).

Tôi bắt đầu bằng cuốn *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương. Chọn nói về cuốn này không phải vì nó hay nhất, mà bởi vì cô là tác giả có liên hệ đến người Việt hải ngoại, người Việt miền Nam và các thứ khác, nhiều nhất. *Những thiên đường mù* là một phó sản của văn học

miền Nam. Không có biến cố 1975, không "ngấu nghiến đọc văn chương miền Nam trong khi các bạn gái khác đi mua sắm son phấn, đồ lót" như cô từng xác nhận (tôi không nhớ nguyên văn), Dương Thu Hương không viết được cuốn sách đó. Và nếu không được cởi trói, cô cũng không có đủ tự do để viết cuốn sách đó. Nhờ biến cố 1975, các nhà văn miền Bắc mới được thở không khí của thế giới tự do, qua cửa ngõ Sài gòn, và luồng không khí này thổi một sinh khí hồi sinh cho những người cầm bút miền Bắc. Mỗi tháng trước 1975, miền Nam in khoảng 2000 tựa sách mới, kể cả sáng tác dịch thuật đủ loại. Hai mươi năm ở miền Nam, bao nhiêu cuốn sách ra đời! Những cuốn sách ấy mở cửa thế giới cho những người vào từ trên vĩ tuyến 17. Sau 20 năm, những công trình sáng tác dịch thuật của miền Nam là một Đại Thư viện Văn học (không kể các ngành khác) cho các "tân sinh viên" miền Bắc. ở đây, họ đọc được tất cả các danh phẩm quốc tế, không phải chỉ có sách của Liên xô, Đông Âu và Trung quốc. Lần đầu họ thấy được tâm hồn và đất nước người, cũng như tâm hồn và đất nước miền Nam. Lần đầu họ thấy sản phẩm của nền văn học tự do. Từ sự mở mang này mà có *Những thiên đường mù*, có Dương Thu Hương và các thứ. Nền móng của văn học phản kháng chính là văn học miền Nam (đương nhiên cũng chỉ xảy đến cho những người cầm bút ý thức).

Không nhằm phê bình cuốn sách này, tôi chỉ lấy nó để đưa ra một nhận định. Có thể có hơn một cuốn như thế. Câu hỏi vẫn còn đó là :"Lấy những tiêu chuẩn nào để xác định một cuốn sách thuộc dòng văn học này hay dòng văn học kia". Có thể dùng tạm chữ "tiêu chuẩn thời thế". Theo tiêu chuẩn thời thế, một tác phẩm có thể được xếp vào bên này hay bên kia, dù tác giả sống ở đâu, hay viết bằng thứ ngôn ngữ nào. Mà khi thời thế đổi thay, tức là có "giao lưu", có chính có tà, còn có ngụy. Có chính qua tà, tà qua chính, có cả chính lẫn tà, tà qua ngụy, còn có cả ngụy chính và ngụy tà.

Tiêu chuẩn thời thế cũng sẽ giải quyết được vấn đề thời điểm. Hoàng Xuân Hãn ở hải ngoại 3, 40 năm, được kể như thân miền Bắc, cụ thuộc dòng văn học nào? Hoàng văn Chí ở hải ngoại 3, 40 năm, được kể như thân miền Nam, cụ thuộc dòng văn học nào? Nhất Hạnh cũng vậy. Cũng vậy với Đặng Tiến, Thi Vũ, Trần Thanh Hiệp, Thụy Khuê, Võ Đình...những người ra hải ngoại trước 1975. Thời Lê, Trần ích Tắc chạy qua Tầu ngồi viết *An Nam chí lược*. *An Nam chí lược* thuộc dòng văn

học hải ngoại hay văn học Tầu? Rồi Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh ở Thượng hải, ở Đông kinh, viết hồi ký, làm thơ? Sau 1956, Nguyễn Chí Thiện ở miền Bắc viết *Tiếng vọng từ đáy vực* (nhan đề này do tôi đặt), tác phẩm do *Thời Tập* xuất bản ở Washington D.C. năm 1980, *Tiếng vọng từ đáy vực* thuộc dòng văn học nào? Miền Bắc? Hải ngoại? Trong nước? Bùi Giáng đang sống ở Sài gòn, *Thơ Bùi Giáng* do anh em Việt Thường ở Canada xuất bản, *Thơ Bùi Giáng* thuộc dòng văn học nào? Miền Nam, Hải ngoại, Trong nước? Thân thị Ngọc Quế đang sống ở Pháp, thơ bà in trong nước, tác phẩm của bà thuộc dòng văn học nào? Trong nước hay Hải ngoại? Phạm thị Hoài đang ở Đức, in truyện ở Bolsa, tác phẩm của Phạm thị Hoài thuộc "dòng văn học Bolsa" (chữ của Đặng Tiến qua bài phỏng vấn của Thụy Khuê đăng trên Diễn Đàn) chăng?...

Thế thì theo thiển ý, ranh giới địa lý là ranh giới hành chánh, chính trị, không phải ranh giới văn học. Văn học vốn chẳng là vượt thời gian và không gian ư? Chữ "Hải ngoại" cũng là một chữ địa lý chính trị, không được hoàn toàn chính xác. Đặng Tiến viết cho Đoàn Kết, Diễn Đàn, anh ở hải ngoại nhưng là hải ngoại Việt kiều, không phải hải ngoại lưu vong. Hai tờ báo anh viết phổ biến ở quận 13 Paris, dù thế ai dám bảo văn chương đó là văn chương quận 13? Bùi Giáng ở miền Nam nhưng không thuộc văn học quốc nội hiểu theo dòng miền Bắc-Quốc nội, mà thuộc dòng miền Nam-hải ngoại, là dòng văn học chống văn học xã hội chủ nghĩa. Thành ra dùng tiêu chuẩn thời thế, ta có văn học Nam Bắc triều chẳng hạn, đúng hơn là văn học Đàng Trong, văn học Đàng Ngoài...

Tới đây, cần nói sơ tới thời điểm chiến tranh lạnh kết thúc. Chính từ lúc đó mà sinh hoạt văn học miền Bắc-Quốc nội (Văn chương minh họa) chuyển hướng, để mở ra một hướng văn học mới: tìm về dân tộc. Nhưng cũng từ căn bản cá nhân lẻ tẻ, tùy tài năng, ý thức từng người (những Lưu Quang Vũ, Nguyễn Huy Thiệp...). Cho nên nếu không thể nói văn học hải ngoại là văn học miền Nam nối dài thì cũng không thể nói văn học trong nước là văn học miền Bắc nối dài, vì văn học miền Bắc đã được khơi mở khi tiếp xúc với miền Nam, được dẫy tới khi bức tường Bá linh bị phá sụp. Những rúng động ấy được nhìn thấy trong văn phong các tác phẩm sau này. Đó là văn phong miền Nam nơi một số tác giả miền Bắc ở lớp tuổi còn có thể "đổi mới" khi vào Sài gòn năm 1975, lúc

họ khoảng trên dưới 30 tuổi. ở hai nhà văn nữ nổi tiếng miền Bắc, tôi nhìn thấy ảnh hưởng lóng lánh của Trần thị NgH., của Nguyễn thị Ngọc Minh. ở hai nhà văn nam khác, tôi nhìn thấy tiểu thuyết phóng sự của báo chí Sài gòn trước 1975. Không phải họ không có tài. Họ có tài. Tài năng đó chỉ phát triển khi văn học miền Nam mở cho họ những cánh cửa nhìn vào văn chương thế giới.

Văn chương hải ngoại bây giờ cũng khác văn chương miền Nam, vì ra nước ngoài, những cánh cửa hai mươi năm trước vừa mở ra cho những nhà văn miền Bắc thì cũng đóng lại với họ; họ mở ra những cánh cửa khác trực tiếp hơn, bao la hơn, thô bạo hơn. *Thơ Nguyệt Động* của Nguyễn Đức Sơn 20 năm trước bạo tợn thế, nay thật là thơ mộng, vì Nữ thần Thi ca của Sơn đến từ thiên cổ, không phải những Nữ thần da latex đến từ Hongkong hay Cựu Kim Sơn.

Văn Học: *Nếu có giao lưu giữa văn học hải ngoại và văn học quốc nội, sự giao lưu ấy phải xảy ra trong điều kiện nào? Theo anh, khi đọc một tác phẩm xuất bản trong nước, nên dựa theo những tiêu chuẩn nào để thưởng thức hay phê phán?*

Viên Linh: Tôi đã ba lần lên tiếng về giao lưu văn hóa, giao lưu văn học, lần đầu tháng 9.1992 trên đài RFI qua cuộc phỏng vấn của Thụy Khuê lúc tôi qua Pháp. Cung Trầm Tưởng lúc ấy ở Sài gòn, anh có nghe, và đồng ý với tôi. Lần thứ hai qua cuộc phỏng vấn cho chương trình của anh Nguyễn Hữu Trí trên đài V.O.A. tháng 12.1993, và lần vừa rồi lúc Thụy Khuê qua Mỹ, mang về phát trên đài RFI vào tháng trước. Xin tóm tắt:

Hãy giao lưu với bằng hữu của chúng tôi hiện còn ở trong nước trước. Đó là những người đồng chí hướng và từng thuộc vào một dòng văn học với chúng tôi. Khi những Doãn Quốc Sỹ, Tuệ Sỹ, Vương Đức Lệ, Mai Trung Tĩnh, Hoàng Hải Thủy, Cao Huy Khanh, Bùi Giáng chưa in được tác phẩm ở trong nước, chưa viết được trên báo chí xuất bản ở trong nước, thì thế nào là giao lưu? Cho tới giờ phút này tôi vẫn chỉ thấy họ muốn giao lưu với những người họ chưa bỏ tù được, còn với những người họ bỏ tù được, thì vấn đề tự nhiên triệt tiêu, đối tượng đã không còn thì làm gì còn vấn đề mà đặt ra nữa. Một sự thật lớn lao như thế mà không chịu nhìn nhận, thì là lấn lướt, giả trá, không có gì nên bàn đến

nữa. May thay, cách đây 6 tháng, (trên tạp chí *Văn Học* Hà nội, tháng 2.1994), ông Nguyễn Huệ Chi, phó viện trưởng Viện Văn học, đã can đảm viết ra điều này: "Điều cần yếu...trong xu thế hòa hợp, giao lưu hôm nay, giữa những người Việt trong nước với trong nước...". Chỉ vài chữ thôi, ít ra ông Nguyễn Huệ Chi cũng có cái gan của một kẻ sĩ. Ngay ở trong nước mà không hòa hợp giao lưu được, thì giao lưu với hải ngoại nghĩa là gì? Chỉ là một khía cạnh kiều vận, kiều vận trên mặt trận văn hóa. May hơn nữa là Đặng Tiến khi trả lời báo *Diễn Đàn* (tháng 5.1994) cũng đã ở cái lúc nói ra được điều này: "Tôi chỉ sợ rằng...sẽ rơi vào kế hoạch kiều vận của chính quyền nhà nước V.N. đang ve vãn Việt kiều..." Theo tôi, không bao giờ có giao lưu văn học giữa văn học Việt Nam hải ngoại và văn học xã hội chủ nghĩa V.N.. Khi những người cầm bút trong nước được tự do, tự do viết và tự do xuất bản, tự do đi lại, thì lúc ấy làm gì còn cần đến giao lưu nữa. Không vì lý do gì để người cầm bút tự do, lại có đến "hai lần tự do", lo nghĩ giao lưu hòa hợp. Mấy năm nay tôi cứ thấy buồn cười và bực mình. Nếu có vài cánh chim ca hát ngoài lồng đến gần những con chim trong lồng, là để an ủi, giúp đỡ, khích lệ, mở cửa cho những con chim chẳng may ở trong lồng, không lẽ lại muốn chui vào lồng như những con chim kia (3).

Phần hai của câu hỏi này, tôi thấy lạc lõng. Tuy nhiên ta cũng nên trở lại với văn chương thôi. Nên dựa trên những tiêu chuẩn nào để thưởng thức hay phê phán những tác phẩm xuất bản trong nước? Theo tôi, ta cứ dựa trên tiêu chuẩn chung. Đã là một tác phẩm thì phải hay cái đã, dù trong nước hay ngoài nước. Nhưng trong nước, thiếu tự do, người viết đi vào ẩn dụ. ẩn dụ là đặc thù của tất cả mọi nền văn chương bị trói buộc. Ngay cả khi được cởi trói, nhà văn trong nước vẫn viết với tâm trạng bị trói, sẽ bị trói, hay tạm thời không bị trói. Họ không thể quên cái gương Nhân văn Giai phẩm. Cũng vẫn còn nhớ tai nạn xe hơi xảy ra cho Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh. (Về chính trị thì cũng không nên quên những tai nạn chết người xảy ra cho mấy ông tướng, cho Đinh Bá Thi). Cho nên từ văn phong của cô Dương Thu Hương lúc viết bài tham luận đọc ở một buổi họp Đảng đến văn phong của cô khi viết cho ông lang Tây sau vụ đi chơi sông Đà, ta thấy rõ sự biến chuyển nơi một tác giả trong nước khi ta đọc hay phê phán bài viết của họ. Nếu người đọc là ông bác sĩ, có thể người đọc tự giận mình đã cư xử ra sao, có thi hành bổn phận đúng mức của một chàng trai hành hiệp bốn phương lão luyện giang hồ chăng,

để có sự xảy ra eo xèo như thế. Nếu người đọc là người đã viết trên một nhật báo ở đây, hãnh diện nhận mình cùng quê Thái Bình với cô Hương, viết rằng "Tôi uống từng lời của chị", thì trước sau phải thấy rằng đọc thơ văn trong nước – của dòng văn học miền Bắc – là cần "giải hoặc" trong khi đọc. Giải hoặc ẩn dụ, giải hoặc văn phong, giải hoặc chiến dịch và giai đoạn.

Văn Học: *Anh qua Mỹ từ 1975, chứng kiến sự thành hình của văn học hải ngoại ngay từ thuở ban đầu. Anh nghĩ thế nào về tiến trình của nền văn học ấy, từ đó đến bây giờ?*

Viên Linh: Anh Nguyễn Mộng Giác có lần đã tìm hiểu ảnh hưởng của phong trào vượt biển lên biến chuyển của văn học hải ngoại. Anh bảo lớp người vượt biển qua từ cuối 1978 trở đi đã mang cho lớp đi tản đi trước một lý do để sống: chúng ta có chính nghĩa để ra đi, thay cho tâm trạng lưu vong lưu đày trước đó. (Đó là lúc Võ Phiến, Lê Tất Điều làm tờ *Văn Học Nghệ Thuật*, Nguyễn Hữu Hiệu và tôi đăng bài "Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa", Phạm Duy phổ thơ Vũ Hoàng Chương trên tờ *Thời Tập* ở D.C., 1978). Tới 1980 với tập *Tiếng vọng từ đáy vực* do Nguyễn Hữu Hiệu xuất bản, với cuộc ra đi ồ ạt, với sự bắt bớ giam cầm văn nghệ sĩ trí thức miền Nam của chính quyền Hà nội được loan truyền sâu rộng, khí hậu văn học lại đổi khác nữa.

Tại hải ngoại, thời kỳ "xét lại" ban đầu thực đau đớn: Thời kỳ kể xấu, ném đá, lỗi tại tôi lỗi tại tôi mọi đàng. Lớp tướng lãnh bị ném đá. Lớp công chức cao cấp bị kể xấu. Lớp trí thức dằn vặt, tủi nhục vì sự thất bại của mình. (Nhà văn Mặc Đỗ, cột trụ của nhóm Tự Do và Quan Điểm, người tôi còn may mắn thư từ, là kẻ sĩ điển hình của lớp này. Anh vẫn không muốn gặp ai, không muốn phổ biến chữ nghĩa, vì lòng tự trọng này). Cuối cùng, những gì tương đối nhất mà người Việt di tản còn chấp nhận được, chính là văn chương báo chí, văn học miền Nam. Có thể chỉ vì người ta đã tới lúc so sánh được hai nền báo chí, hai nền văn chương, hai nền văn học. Có thể vì gương tù đày chết chóc của các cây bút miền Nam trong các nhà tù của Hà nội. Có thể vì nhạc vàng và văn chương Sài gòn là những bảo vật trân quí người miền Bắc vồ vập tìm kiếm. Báo chí văn học hải ngoại, may thay, là kẻ nối đõi chính thống, do đó được yêu mến, dù đó chỉ là lòng yêu mến một thái tử con quí phi,không

phải lòng yêu mến một hoàng tử con hoàng hậu, dù đứa con đó, tự nó, sau khi miếu đường đổ vỡ, đã lăn lộn truân chuyên với ngoại đạo tà phái. Cũng được thôi. Nó vẫn là kẻ nối dõi của chính phái. Tuy vậy, phải hiểu rằng ngày mai nó trở về, triều đại phải thay đổi. Có những người đã nửa thế kỷ (1945-1995 chẳng hạn), những người ra đời trong vùng kháng chiến bên kia vĩ tuyến 17 trước 1954 và sau 1954, bị hạn chế bởi vĩ tuyến 17, chưa bao giờ vào Sài gòn đọc tiểu thuyết thơ nhạc miền Nam sau 1975. Những người ấy cho tới giờ này chưa biết tí gì về Nhất Linh, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Hồ Trường An, Nguyễn Ngọc Ngạn, Cao Tần..., những người ấy phải qua một lớp nhập môn. Có thể gọi lớp học này là "50 năm Văn học Quốc gia", để so sánh với 50 năm văn học xã hội chủ nghĩa.

***Văn Học**: Năm 1975, một đợt các nhà văn nhà thơ di tản sang định cư ở Hoa kỳ, Pháp, Anh, Canada...Phần lớn những nhà văn nhà thơ nói trên ít tham gia trực tiếp vào sinh hoạt chữ nghĩa ở hải ngoại, sáng tác cũng ít hơn so với lớp vượt biển sang sau. Theo anh, đâu là nguyên nhân tạo ra tình trạng ấy?*

Viên Linh: Tôi được sống qua nhiều lớp sóng phế hưng. Lớp Sáng Tạo đánh vào bãi Tự Lực Văn đoàn, lớp Hiện sinh đánh vào bờ Lãng mạn. Tôi đã thấy lớp Hiện tượng, lớp Cơ cấu. Cuộc tung hoành của Nguyễn văn Trung, Lê Tôn Nghiêm và Phạm Công Thiện, Tuệ Sỹ, Ngô Trọng Anh trên các tờ Đại học, Đất nước và Tư tưởng, Vạn Hạnh. Cái trung dung của Bách khoa, Văn, cái xông xáo của *Khởi Hành*...Lớp ra đi năm 1975, chúng tôi cùng một con tàu, nghĩa bóng cũng như nghĩa đen, là con tàu American Challenger, rời Phú quốc đêm 29.4.75. Có Võ Phiến, Thanh Nam, Lê Tất Điều và tôi. Thanh Nam đã ra đi, Lê Tất Điều im lặng, Võ Phiến vẫn giơ cao ngọn cờ. Thế thì cái tâm trạng chung (ít tham gia trực tiếp, ít sáng tác) chỉ là những hoàn cảnh riêng: người nhiều tuổi nhất trong đám (Võ Phiến) vẫn viết hăng, kẻ ít tuổi nhất (Lê Tất Điều) thì ...ở ẩn . Thanh Nam đã chết, anh được yên phần. Riêng tôi được anh hỏi, phải trả lời ra sao?

Nền văn học nào cũng có lúc lên lúc xuống, lúc ra khơi, lúc bế tắc; song sự bế tắc ấy, nếu có, là thảm kịch của nhà văn, chứ không phải là

tội lỗi của nhà văn. Có khi chỉ vì anh ta tự trọng. Có người cả đời cầm bút, sống nhờ ngòi bút, không thể trở thành tác giả của loại báo chợ, là thứ báo không trả nhuận bút; hay báo nửa chợ nửa quê, tức là không những không có nhuận bút mà còn phải bỏ tiền ra giúp in tờ báo đó. (chính tôi đã làm một tờ báo nửa chợ nửa quê như thế). Và giữa thủ đô tị nạn, các tiệm sách không nhận thi phẩm của các thi sĩ gửi bán, nhưng hắn vẫn hãnh diện với người nước ngoài: dân tộc chúng tôi là một dân tộc thi sĩ! Tôi cũng không may mắn rảnh rang như Mai Thảo, để viết cho tờ báo của mình và rong chơi đây đó (hãy tưởng tượng Mai Thảo 40, 50 tuổi và có vợ con). Cho nên điều Đặng Tiến nhận xét trên tờ *Diễn Đàn* không đúng (người viết văn hải ngoại được hai lần tự do, muốn viết gì thì viết và viết không vì cơm áo địa vị). Không phải kiếm sống bằng ngòi bút là tự do à? Ngược lại, người cầm bút hải ngoại bị tha hóa chính vì mưu sinh không do ngòi bút. Đó là nguyên nhân chính tạo ra tình trạng ít sáng tác, ít tham gia. Ngày nào chính ngòi bút có thể cho mình phương tiện để viết, tôi sẽ trở lại tham gia trực tiếp hơn, sáng tác nhiều hơn. ⊙

Chú Thích

(1). Đặng Tiến: "Tôi là một trong những người đầu tiên sử dụng nó (cụm từ Văn học Việt Nam Hải ngoại)...Mãi đến 1985, nhà xuất bản Sông Thu ở Mỹ mới xuất bản cuốn *Truyện ngắn Hải ngoại*..." . Đặng Tiến không biết đến *Tuyển tập Thơ Văn 90 Tác giả Việt Nam Hải ngoại* (1975-1981) do Văn Hữu của Hoàng Ngọc ấn in năm 1981-1982 .

(2). *12 Tác giả Sài gòn, 12 Truyện ngắn* (Sài gòn, 1993), Truyện của Vương Hồng Sển, Sơn Nam, Ngọc Linh, Choé (Nguyễn Hải Chí), Nguyễn thị Minh Ngọc, Lê văn Duy, Võ Phi Hùng, Bùi Chí Vinh, Trần Hữu Dũng, Lưu thị Lương, Lý Lan, Lê Đỗ Quỳnh Hương.

(3). Cuối thập niên 80 (khoảng 1987, 88 trở đi), nhiều phái đoàn văn nghệ cũng như văn nghệ phẩm trong nước xuất hiện ở hải ngoại. Tại hải ngoại, nhiều "nhà xuất bản", nhiều tạp chí tự động chối bỏ vai trò chủ bút của mình khi ghi ở cuối sách hay đầu tạp chí những chữ này:"Chịu trách nhiệm xuất bản", "Tổng biên tập". Chịu trách nhiệm xuất bản, tổng biên tập là những chữ phải có trên sách báo dòng văn học miền Bắc-Quốc nội, Xã hội chủ nghĩa, chỉ định một vài cá nhân nào đó chịu trách nhiệm đường lối về một ấn phẩm. Họ không có tư cách một chủ bút toàn quyền quyết định ấn phẩm theo truyền thống báo chí xuất bản V.N. từ thời tiền chiến, qua thời văn học miền Nam và văn học hải ngoại thời kỳ 15 năm đầu.

HỒ MINH DŨNG

đại nội

Gió ở nơi nầy đã mấy nghìn năm
dơi một đời bay vòng quanh cửa khuyết
đêm nay gió nói dợi Nguyễn Du về
bỏ những ngày rong chơi bên bờ Anh Vũ.

Dâu có phải ngàn năm lông hạc mới đen
mà trăng chờ ai bên gốc sứ
sứ nở bao lần, rêu đã phai
đêm nay trăng nói giấc mộng chưa thành
biết nương thân dâu giữa trời rộng.

Từ Hoàng hạc lâu Nguyễn Du về
áo gấm vua ban sao mặt mày ngơ ngác
đã mấy ngàn năm dâu phải một ngày
còn gì nữa, xin hỏi hàng cây
lá rụng, gươm cùn, lòng xơ xác
nhờ mảnh trăng soi tìm bia đá bên đường.

Dâu phải ngàn năm hoa mộc lan mới nở
mây chờ ai đáy hồ vọng nguyệt bao đời
lục viện tam cung quạ kêu rát cổ
thương rêu ngoi ngóp dưới thu phòng.

Hồn cửu đỉnh đã bao lần ruớm máu
cuội đá làm sao ngửa mặt kêu trời
ta về đứng lặng dưới thành quách
nhìn sen thoi thóp nở nhớ người.

TRẦN VĂN TÍCH

cùng một lứa

Mang tài hay sắc vào cuộc đời, tài tử và giai nhân tuy dường như được tạo hóa ưu đãi, nhưng số phận của họ lại không tương xứng với cái mà họ có; và vì là *nòi tình* nên họ càng cảm nhận định mệnh sâu sắc hơn, do đó, đau khổ, ê chề hơn. Như một thứ đồ chơi của kiếp vận trong tay con tạo hay đố kỵ, kẻ đa tài và khách hồng nhan thường gặp nỗi phong sương, phiêu bạc, giang hồ, viễn trích. Dường như người tài sắc hay sống cảnh ngộ hẩm hiu. Cho nên giữa họ tự nhiên có mối ràng buộc tương liên, đặc biệt là khi xét về thi tài và thanh sắc.

Anh cả Nguyễn Du, Nguyễn Khản "*thích nghe hát xướng, sành âm luật, thường mang những bài hát nhạc phủ đặt thành điệu hát mới, viết xong bài nào thì những nghệ sĩ ngoài giáo phường tranh nhau truyền tụng. Ta có câu thơ 'Án phách tân truyền Lại bộ ca' (1) chính là chỉ việc ấy (...). Gặp khi con hát tang trở, cũng cứ cho tiền bắt hát, không lúc nào bỏ tiếng tơ tiếng trúc. Khi ông cư tang quan tư đồ (2) ngày rỗi cũng cố sai con hát đồ khúc gọi là 'ngâm thơ Nôm'.*" (Phạm Đình Hổ. *Vũ Trung tùy bút. Nhà họ Nguyễn ở Tiên Điền*). Nguyễn Khản không những sành âm luật, ông còn giỏi thơ Nôm. Ông và chúa Trịnh Sâm xướng họa, rồi giao cho giới đào hát trình bày các sáng tác ngâm vịnh của mình. "*Khi chúa Trịnh thưởng ca, thường sai Nguyễn Khản chầu hầu. Ông được đội khăn lương, mặc thường phục, ngồi ngay bên cạnh chúa cầm chầu điểm hát*" (*Vũ Trung tùy bút*, nt.). Những đoạn văn trích dẫn này không những cho chúng ta biết là Nguyễn Khản làm thơ cho ca nhi hát, mà bản thân Phạm Đình Hổ cũng gõ phách ca xang theo dõi những bài hát do anh cả cuả Nguyễn Du soạn; hay nói cách khác, tác giả *Vũ Trung tùy bút* cũng từng tham dự thú vui thưởng thức giọng hát đào nương.

Thời nào thi sĩ cũng thường giao thiệp gắn bó với ca nhi như thế. Ca nhi giữ địa vị nhiều khi rất quan trọng trong thi ca. Họ có công gợi hứng cho thi nhân, họ trình bày những sáng tác của thi sĩ. Mỹ nhân đàn tỳ bà cho Vi Tiểu Bảo nghe trong *Lộc đỉnh ký* là ca kỹ Trần Viên Viên, đối tượng mô tả của kiệt tác *Viên Viên khúc* mà tác giả là Ngô Vĩ Nghiệp.

Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà v.v... có thói quen làm thơ để cho các cô đào Lựu, Hồng, Tuyết, Cúc v.v... nhịp phách ngâm nga. Đó là một khía cạnh sinh hoạt rất quen thuộc của nhà nho, mà đa số vốn sính làm thơ. Và khi làm thơ xong thì hoặc các tác giả cùng bè bạn tự ngâm để thưởng thức với nhau hoặc giao cho ca nhi hát. Vào những buổi tối mua vui ở xóm cô đầu, nhiều nhà văn, nhà thơ hay soạn sẵn những bài thơ hay những bài tập Kiều để cô đầu trình bày. Đã có những mối tình trăng hoa chim chuột lá gió cành chim nơi hành viện ca lâu, nhưng cũng đã có những duyên nợ keo sơn bền chặt với có khi con đàn cháu đống. Thân mẫu Tố Như xuất thân là ca kỹ. Mẹ và em gái Tản Đà đều là ả đào. Thời vua Lê chúa Trịnh, từng có ca nhi được phong vương phi. Trên danh nghĩa, các bà các cô là nữ ca sĩ, nếu muốn nói theo tiếng Việt hiện đại, nhưng trong thực tế, cung cách hành nghề của chư vị thường đi rất xa câu ca tiếng hát. *Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi*, nhưng hành trạng của nàng đã cung cấp cho một nhà nho khắc nghiệt đủ dữ kiện để gay gắt gọi nàng là *con đĩ Đạm*.

Thực ra giai nhân vốn đã sẵn ẩn mình trong sách đọc của nhà nho. *Thư trung hữu nữ nhan như ngọc* (Trong sách có cô gái mặt tựa ngọc). Vấn đề chỉ do là lòng chí thành và tính say mê: hễ có hai yếu tố đó thì sẽ được hội ngộ cùng người đẹp trên những dòng chữ vuông vức, cân đối. Huống chi nền văn chương cổ đâu thiếu bóng hình phụ nữ. Từ bà Âu Cơ mở đường, qua Tiên Dung, Mỵ Châu, Phương Hoa, Ngọc Hoa, nữ Tú Tài, đến Thúy Kiều, Nguyệt Nga, bên cạnh biết bao chinh phụ, cung nữ và kỹ nữ!

Đau đớn thay phận đàn bà! Hai lần Nguyễn Du đã thống thiết kêu lên như thế, một lần trong *Văn chiêu hồn*, một lần trong *Truyện Kiều*. Và vì văn học vốn có chức năng nhận thức cùng thể hiện cuộc sống nên trong quá trình sáng tác, tùy theo vốn sống, sở trường và niềm quan tâm của bản thân, thống thuộc những đòi hỏi của thời đại, nhà thơ hay có xu hướng thiên về một phạm vi nhất định của cuộc đời, lấy phạm vi ấy làm chất liệu chủ đề sáng tạo. Mà đề tài về phụ nữ như là chất liệu sáng tạo thì dâu thiếu phần hấp dẫn. Bởi thế họ đã được văn học dành cho nhiều giấy mực, họ đã đặt chân vào những *ngâm khúc*, những *ca hành*, những *đoạn trường tân thanh*. Đặc biệt là giới sống về nghề ca xướng.

Hãy lấy Nguyễn Du làm chứng. Trong thơ chữ Hán, Tố Như xót

thương cho số phận người đào hát cũ của em:

Hồng tụ tằng văn ca uyển chuyển,
Bạch đầu tương kiến khốc lưu ly.
Phúc bồn đĩ đĩ nan thu thủy,
Đoạn ngẫu thương tai vị tuyệt ti!
(Ngô gia đệ cựu ca cơ)
(Từng nghe giọng ca uyển chuyển khi mặc áo hồng,
Nay đầu bạc gặp nhau, khóc than nỗi lưu ly.
Chậu nước đổ thế là thôi, khó lòng vét lại,
Ngó sen đứt, thương thay, tơ vẫn còn vương)

Hồng tụ là ống tay áo màu hồng, trang phục đào hát, kỹ nữ hay mặc; cũng như *thanh y* là áo những thị tỳ, con đòi, người ở.

Ca ngợi nhan sắc người ca nữ đất La thành (Nghệ An) chỉ là cái cớ để Nguyễn Du xót xa cho phận số của nàng, sống chẳng biết cậy nhờ vào ai nên đành xuống tuyền đài tìm khách tri kỷ:

Nhất chi nùng diễn há bồng doanh,
Xuân sắc yên nhiên động lực thành.
Thiên hạ hà nhân liên bạc mệnh,
Trủng trung ưng tự hối phù sinh.
(Điếu La Thanh ca giả)
(Cành hoa đẹp thấm từ cõi tiên xuống,
Nhan sắc lộng lẫy rung động sáu thành.
Thiên hạ có ai thương kẻ bạc mệnh,
Dưới mồ chắc cũng hối hận cho kiếp phù sinh).

Tấc lòng trắc ẩn trìu mến đối với cô Cầm đã khiến nhà thơ khi gặp lại người cũ phải rơi nước mắt. Vì có chút nhan sắc và giọng hát điêu luyện, người ca kỹ đó đành đem nhan sắc tài hoa làm trò chơi cho thiên hạ:

Kỳ thời tam thất chính phương niên,
Hồng trang yểm ái đào hoa diện.
Đà nhan hám thối tối nghi nhân,
Lịch loạn ngũ thanh tùy thủ biến.
(Thuở đó nàng lối hai mươi mốt tuổi,
Áo hồng ánh lên khuôn mặt hoa đào.
Má đỏ vì rượu, vẻ ngây thơ rất dễ thương,
Năm cung réo rắt thay đổi theo ngón tay).

để rồi khi cao tuổi thì chỉ còn lại cảnh chìm châu nát ngọc, nhạt phấn phai hương:

Lang tạ tàn mi bất thức trang,
Thùy tri tựu thị đương thời thành trung đệ nhất diệu.
(Long thành cầm giả ca)
(Đôi mày phờ phạc không điểm trang,
Ai biết đó là người tài hoa nhất thành thuở bấy giờ?)

Ngay khi nhìn đài Đồng Tước, suy tưởng mông lung về sự nghiệp công danh ở đời, Nguyễn Du cũng không bỏ qua những người vũ nữ ca nhi ngày nào hầu hạ Ngụy Vũ đế:

Ngọc Long, Kim Phượng tẫn mang mang,
Hà huống đài trung ca vũ kỹ!
(Đồng Tước đài)
(Lầu Ngọc Long, lầu Kim Phụng đều không còn dấu vết,
Huống hồ các vũ nữ ca nhi ở trong dài!)

Rồi trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã chan hòa nước mắt nhỏ lên cuộc đời gian truân luân lạc của Thúy Kiều và qua Thúy Kiều, Nguyễn Du cũng nhỏ nước mắt lên cuộc đời hồn ma bóng quế Đạm Tiên. Trong *Văn tế thập loại chúng sinh*, Nguyễn Du đề cập đến những phụ nữ từng là nạn nhân của cuộc sống ăn chơi trong xã hội; họ là những người *lỡ làng một kiếp* đến nỗi *liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa*, họ chẳng còn cái vẻ đầu sao thì cũng cao sang đài các của Thúy Kiều, Đạm Tiên; họ có vẻ là những cô gái hành nghề mãi dâm thực sự:

Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa.
Ngẩn ngơ khi trở về già,
Ai chồng con tá biết là cậy ai?
Sống đã chịu một đời phiền não,
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa.
Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế, biết là tại đâu?

Nguyễn Du không tự dưng thương vay khóc mướn, chính Nguyễn Du đã từng tìm thú vui nơi xóm yên hoa, nghiêng nghiêng ngả ngả bên cô đầu nên tự nhiên dâm ra có lòng lân tuất đối với giới ca kỹ:

Tịch thượng hữu kỹ kiều như hoa,
Hồ trung hữu tửu như kim ba.

Thúy quản ngọc tiêu hoãn cánh cấp,
Đắc cao ca xứ thả cao ca.
(Hành lạc từ)
(Trên tiệc có gái đẹp như hoa,
Trong vò có rượu quý như nổi sóng vàng.
Tiếng quản tiếng tiêu khi mau khi chậm,
Được dịp hát to, cứ hát cho to)

Cùng các thân hữu tìm đến giới ca nương để thưởng thức cung đàn giọng hát, danh sĩ và giai nhân thường cảm mến nhau qua những giờ phút tao ngộ vừa nặng tính cách nghệ thuật vừa vương sắc màu tính dục. Những mối tình chớm nở nơi hành viện ca lâu như vậy tuy thường là ngắn ngủi hay muộn màng nhưng trong rất nhiều trường hợp, đã tạo được những cảnh đời của những đôi *lứa bên trời lận đận* đi vào văn học thiên thu. Nhân tiễn đưa một ca kỹ về Hà thành Tùng Thiện Vương bày tỏ lòng quyến luyến vấn vương đối với nàng và khắc khoải tự hỏi trong chia ly nàng có nhớ mình như mình nhớ nàng chăng?

Tây hồ yên nguyệt cổ Dương châu,
Ca vũ gia gia bất đới sầu,
Thử biệt tri quân nan vong khước,
Kỳ Vương trạch lý lạc hoa thu.
(Tống ca giả quy Hà Nội).
(Trăng khói Tây hồ nhớ Dương châu,
Nơi ca múa không vương sầu.
Xa nhau chẳng biết người có quên mất,
Nơi lầu Kỳ Vương hoa thu rụng đầy)

Thân phận bạc mệnh của khách má hồng, những con người đem nghệ thuật xướng ca trang trải nỗi buồn thương cho giới tìm hoa là đề tài ngâm vịnh của nhiều thi nhân, đại gia. Người xưa không giấu mối liên lạc giao thiệp với tầng lớp chị em son phấn; trái lại các ngài còn coi đó là một phong cách hào hoa của văn nhân tài tử. Điển hình cho lề lối suy nghĩ này là trường hợp Phạm Đình Hổ. Ông chỉ trót nghiện chè tàu, "*khay chén không đủ, tiền không đủ mua chè mà vẫn nghiện; nghiện quá, các thứ chè tùng quế thơm tho, thứ nào cũng mua nếm qua cả; đã nhiều lần muốn chừa hẳn mà chẳng chừa được. Vì thế nên đêm thanh vắng suy xét, hối hận vô chừng*" (*Vũ Trung tùy bút*). Ấy vậy mà ông lại rất thản nhiên công khai xác nhận là chính mình từng gõ phách cầm

chầu cho ca nhi hát những bài do Nguyễn Khản soạn!

Đoàn Nguyễn Tuấn thưởng thức những âm hưởng tiêu tao của tiếng hát họa mi mà ái ngại xót xa cho nàng ca sĩ phố Hòe Nhai (gần phố Hàng Than, Hà Nội), sau khi rút ruột tơ tằm hiến dâng cho khách, liệu có cõi lòng nào đồng điệu với nàng? Nhà thơ thông cảm sâu sắc cùng tâm trạng giới xướng ca, sau những giờ phút say mê si cuồng trên chiếu tiệc, trong nhịp phách điệu đàn, là những canh dài đơn chiếc, lẻ bóng, khi khách du đã ra về hết, chỉ còn lại một mình chốn phòng không, thực sự trực tiếp đối diện với chính mình để thấy rõ hơn cái thực tế giá băng phũ phàng mà mình đang sống:

Bách chuyển oanh hầu xảo lộng ca,
Khả lân mỹ mục quán thu ba.
Tiên sơ lư xá trì ty, trúc,
Uyển diễm kiều nương cưỡng ỷ la.
Triền chuyển xuân tình sầu dạ nguyệt,
Thê lương cổ điệu yết minh già.
Động nhân tối thị phong lưu xứ,
Nhất khúc Nam âm dật xướng hòa.
(Hòe Nhai ca nữ)

(Giọng oanh trăm chiều khéo lựa lời ca,
Mắt đẹp đáng yêu thường gợn sóng thu.
Nhà cửa thanh nhã, tay nâng đàn sáo,
Dáng dẹp yêu kiều, gượng khoác gấm vóc.
Tình xuân trăn trở buồn bã đêm trăng,
Điệu cổ thê lương nghẹn ngào sáo trúc,
Rung động lòng người nhất là những chốn phong lưu,
Một khúc hát phương Nam thảnh thơi xướng họa)

Nỗi sợ hãi cảnh cô độc đó là một trạng thái bất thường mà môn tâm lý học y khoa từng nghiên cứu, nó có khả năng gây bệnh tâm thần suy nhược:

Lấy ai làm khách đồng tâm,
Lấy ai làm khách tri âm với nàng.
Đêm khuya luống những bàng hoàng,
Người đi đâu mất mà đàn còn đây.
(Dương Khuê, *Tặng cô đào góa*)

Nhiều tác giả khác vẽ lên những cảnh đời trôi dạt, những mối tình

duyên lỡ làng, những tài hoa bị bán rẻ nhằm mua vui cho các bậc vương tôn công tử để rồi ngày tháng phôi pha, sắc tài tàn tạ. Nét bút thấm đượm tình người, ý thơ cảm thông sâu sắc:

Trải nắng mưa gầy biết mấy phần xuân,
Mà son phấn cũng phong trần thế nhỉ.
(Dương Khuê. *Tặng cô đào Phẩm*)

Giới cầm ca có người, có lúc sống chật vật, quẫn bách, Tết nhất phải chạy vạy vay mượn, tính toán từng đồng kẽm:

Chị hỡi chị năm nay túng lắm,
Biết làm sao Tết đến nơi rồi (...)
Chị cùng em sắm sửa lo toan,
Muốn mua chịu e nhà hàng ngại lạ (...)
(Tú Xương. *Cảnh Tết cô đầu*)

Nhưng hào hứng, sảng khoái là giọng thơ ca tụng thú xướng ca.

Của một Nguyễn Công Trứ cuồng nhiệt, say mê, chơi ả đào một mình không thấy đủ, còn muốn quyến rũ, lôi kéo người khác vào cuộc truy hoan:

Thú tiêu sầu rượu rót thơ đề,
Có Yến Yến, Hường Hường mới thú.
Khi đắc ý mắt đi mày lại,
Đủ thiên thiên thập thập thêm nồng.
(Ca tụng ả đào)

Hơn nữa, bản thân cậu Kép Trứ còn là một nghệ sĩ đàn đáy có hạng trong nhiều nhóm ca công và câu chuyện *thuyền quyên ứ hự anh hùng nhớ chăng* chỉ là một trong nhiều giai thoại đã được truyền tụng xung quanh những *cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm* thời trai trẻ của Hi Văn.

Của một Cao Bá Quát phong lưu đào hoa, hào mại phóng khoáng:

Thú nguyệt hoa là nợ sẵn với cầm thư,
Cuộc thi tửu để riêng người phong nhã.
(Cuộc thi tửu)

Của một Dương Khuê đa tình bay bướm, trăng gió lả lơi:

Ai nhớ ai luống những tần ngần,
Để quạt ước hương nguyền chờ đợi đó.
Hỏi thăm lối phù dung đường cũ,
Hẹn hoa này chớ phụ với đông quân.

Nào ai ngăn đón vườn xuân.
(Tặng cô đào Cầm)

Của một Trần Tế Xương ngất ngây cả tâm hồn, lăn mình vào chốn yên hoa, uống rượu, đóng chầu cho thỏa ý:

Nhân sinh quí thích chí,
Còn gì hơn hú hí với cô đầu.
Khi vui chơi năm ba ả ngồi hầu,
Chén rượu cúc đánh chầu đôi ba tiếng.
(Chơi ả đào)

và:

Cái thú cô đào nghĩ cũng hay,
Cùng nhau dan díu mấy đêm ngày.
Năm canh to nhỏ tình ma chuột,
Sáu khắc mơ màng chuyện nước mây.
(Thú cô đào)

Phê bình xác thực và sâu sắc về những lời thơ của ông Tú, phải là người đã hằng sống qua nơi hành viện ca lâu, đã từng trải, kinh lịch, sành sõi giọng ca tiếng phách. Bởi vậy chúng ta hãy nghe Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc trong *Nam thi hợp tuyển*: "*Ông Tú làm bài này thực đã rõ cái thú cô đầu lắm. Ông vẫn biết cái thú ấy là cái chốc nhát không bền, là cái thú ma chuột không thực, là cái thú nước mây không vững, nhưng khốn vì cái thú ấy nó có phần êm ái, dễ làm cho mê mẩn, nó đàn ngọt hát hay, nó say tỉnh tỉnh say, mà thành kết lại (...)*".

Cũng vì say tỉnh tỉnh say như thế nên mới có câu chuyện tương truyền ông Tú mất ô một cách thực khôi hài:

Đêm qua anh đến chơi đây,
Giầy dôn anh diện, ô tây anh cầm.
Rạng ngày sang trống canh năm,
Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ trơ,
Hỏi ô, ô mất bao giờ,
Hỏi em, em cứ ậm ờ không thưa.
Sợ khi rày gió mai mưa,
Lấy gì đi sớm về trưa với tình?
(Đi hát mất ô)

Ra bến Tầm Dương tiễn bạn, người khách áo xanh đã ngỏ ý cùng kỹ nữ:

Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca.
(Tỳ bà hành)

Các bài ca được cha ông chúng ta soạn cho đào nương hát là *ca trù* và *hát nói*. Sau đây, tôi sẽ không viết về cấu trúc, thành phần của hai thi loại này. Điều đó Dương Quảng Hàm đã trình bày tạm đầy đủ trong *Văn học Việt Nam*. Tôi xin đề cập đến những dữ kiện Dương tiền bối chưa ghi nhận.

Ca trù, hát nói là những hình thức ca nhạc thính phòng, những lề lối sinh hoạt nhạc học kiểu câu lạc bộ. *Ca trù* vốn là một thể thơ kết hợp với nhạc, chủ yếu được sáng tác để mà hát. Từ chốn cung đình lầu các, từ nơi dinh thự quan viên, nó lan ra ngoài công chúng dân gian nhưng ngừng lại ở tầng lớp thượng lưu có học và là một thú vui ít nhiều đài các. Nữ ca sĩ ca trù gọi là *đào*, nam nghệ nhân là *kép*. Người thưởng thức – cũng giữ vai trò tích cực– gọi là *quan viên*. Không những chỉ ca sĩ, ca công thành thạo nhạc lý mà quan viên cũng rất sành sõi âm luật, thể cách, thi luật, thanh nhạc, vũ khúc v.v... Quan viên ngồi *cầm chầu*. Mỗi lần diễn viên múa hát xuất sắc thì quan viên cầm chầu gõ một hoặc hai tiếng trống. Cứ một lần gõ trống lại có một cái thẻ ném vào hộp; tan buổi, đào kép theo số thẻ mà lãnh thưởng. Ả đào khi hát thì đánh *phách*, tức là hai thanh tre dùng để gõ vào nhau theo tiếng đàn và giữ nhịp cho câu hát. Đàn sử dụng nơi cầm ca là *đàn đáy*, do các kép gảy khi ca nhi hát ả đào, cao thấp mau chậm, nhặt khoan thưa dày tùy theo điệu hát. Đệm cùng câu hát, điệu đàn, tiếng phách là âm trống *tom tom* khi đánh lên mặt trống hoặc *chát chát* khi gõ lên tang trống.

Đặc biệt trong ca trù có điệu *hát nói* rất độc đáo. Đó là một thể thơ dân tộc mà khi trình bày phải vừa hát vừa nói, trừ những câu mào đầu (*mưỡu*) hoặc kết thúc (*hãm*) thì phải ngâm hoặc ca. Do cấu trúc không gò bó như Đường luật mà cũng không đơn điệu đều đều như lục bát và song thất; lại dễ dàng biến thái về nhịp, về vần nghĩa là giàu nhạc tính, có âm điệu rất dịu dàng, mang màu sắc trữ tình nồng đượm nên hát nói ở vào thế mạnh diễn đạt được những tình cảm phức tạp, nhất là tình cảm lãng mạn hoặc tâm trạng u buồn. Nhà nho khi cao hứng mượn hát nói để

giải tỏa nỗi lòng hay trình bày quan điểm, cho nên qua những sáng tác theo thi loại này, chúng ta có thể đọc được tâm hồn nhà thơ và thấy rõ hơn tư tưởng, hoài bão, tính tình của các tác giả. Ở những phút tiêu dao cùng tiếng tơ tiếng trúc, với giọng yến giọng oanh, nho gia thoát khỏi mạng lưới nghi lễ, vượt ra ngoài vòng câu thúc của đạo đức và trong nhất thời, tự giải thoát để đi vào nơi viễn mộng. Vả lại, trong các thể thi văn, chẳng có thể nào cùng một lúc lại kết hợp cả *cầm*, cả *xướng*, cả *thi*, cả *ngôn*, cả *cách*, cả *cổ* như thể ca trù / hát nói.

Vì thế trên cái phông buồn thương quen thuộc, với khung nhạc thường khi ký âm sầu lắng mênh mang, hát nói vẫn có thể cá biệt mang dáng dấp hào sảng phóng túng, đĩ chí ngông nghênh ngang tàng.

Nhìn chung, hát nói tuy cùng quốc tịch với Việt ngữ nhưng vẫn là một thể loại thơ hỗn hợp các yếu tố thi ca Việt và Hán trên con đường phát triển của thi ca Việt tộc nhằm tìm một cung cách diễn đạt phóng khoáng hơn. Nó vay mượn các thi tố của từ khúc, Đường luật, lục bát và song thất. Nó là thơ để mà hát, như *từ* ở bên kia Ngũ Lĩnh, trên quê hương của những người tuy là tể tướng trọng thần như Hàn Kỳ, Âu Dương Tu hoặc tuy là đại nho đức độ như Phạm Trọng Yêm, Tư Mã Quang mà vẫn cứ từng làm thơ làm từ tả tình ái của ca nhi và ái tình của chính mình đối với ca nhi, để cho ca nhi hát. Nhạc Phi, kiên cường là thế, ái quốc không ai bằng, mà trong một bữa tiệc cũng làm một bài từ để giới âm ca trình diễn. Đệ nhất từ gia đời Tống, Tô Đông Pha, không tham gia bữa tiệc nào mà không có ca nhi và họ bao vây lấy ông xin ông đề thơ trên quạt. Nhưng thanh sắc đã gợi ý góp công cho Tô Thức giải phóng thể *từ*, buông lơi niêm luật, mở rộng phạm vi đối tượng, đìu đưa *từ* dời bước khỏi lãnh vực lượt là hương phấn để tiến vào địa hạt khoáng đạt hào hùng.

Tùy nhiên giao lưu ca nhi – thi sĩ mang nét diễm tình nhất là trường hợp Liễu Vĩnh đời Tống. Đó là một khách làng chơi khét tiếng – ông còn nổi danh hơn Ôn Đình Quân đời Đường nhiều –, lấy quán Sở lâu Tần làm nhà, mê mải cuộc sống ở chốn lầu hồng, miệt mài hưởng lạc nơi xóm bình khang; tự xưng là *bạch y khanh tướng*, xem công danh như phù vân, liên lạc mật thiết với kỹ nữ. *Từ* của Liễu Vĩnh nói nhiều đến chuyện trăng hoa phong lưu diễm lệ nhưng đồng thời cũng trình bày tâm sự buồn giận và cảnh đời khổ nhục của kỹ nữ ca sĩ cùng khách giang hồ có tài mà không gặp vận, bị chà đạp, dập vùi. Cho nên tích cũ kể là khi

Liễu Vĩnh chết, giới chị em đã góp tiền lo việc tống táng và tổ chức hội viếng Liễu, ngày viếng Liễu. Nguyễn Du trong bài *Điếu La thành ca giả* đã nhắc đến Liễu Kỳ Khanh tức Liễu Vĩnh:

Tưởng thị nhân gian vô thức thú,
Cửu tuyền khứ bạn Liễu Kỳ Khanh.
(Chắc nghĩ rằng ở đời không ai hiểu mình,
Nên đành xuống suối vàng bạn cùng Liễu Kỳ Khanh)

Từ Liễu Vĩnh có nhiều câu thật đẹp nhưng ý thật buồn, ví dụ những câu trong bài theo điệu *Vũ lâm linh:*

Dương liễu ngạn,
Hiểu phong tàn nguyệt,
Thử khứ kinh niên,
Ứng thị lương thần hảo cảnh hư thiết.
(Bên bờ dương liễu,
Gió sớm trăng tàn,
Lần đi này trải hàng năm,
Những ngày vui cảnh đẹp mai đây dù có cũng bằng thừa).

Trên vùng đồng bằng sông Nhị, *từ* lưu dấu ấn lắm khi sắc nét vào ca trù, hát nói. Nhiều bài hát nói mang những đoạn có dáng dấp *từ*, nhất là theo điệu *Trúc chi*, mà tôi xin dẫn hai bài của Lưu Vũ Tích làm thí dụ:

Sơn đào hồng hoa mãn thượng đầu,
Thục giang xuân thủy phách sơn lưu.
Hoa hồng dịch súy tự lang ý,
Thủy lưu vô hạn tự nùng sầu.
Dương liễu thanh thanh giang thủy bình,
Văn lang giang thượng xướng ca thanh.
Đông biên nhật xuất tây biên vũ,
Đáo thị vô tình hoàn hữu tình.
(Hoa đào hồng trên núi nở ngập đầu,
Nước sông mùa xuân vỗ vào rặng núi.
Ý tình người thương nhạt theo sắc hồng hoa,
Nước chảy triền miên như nỗi buồn của ai đó.
Dòng sông chảy giữa những rặng liễu xanh ngắt,
Nghe giọng người thương hát trên sông nước.
Bên bờ đông mặt trời mọc bên bờ tây lại mưa rơi,
Tuy dẫu vô tình nhưng thực vẫn hữu tình)

Đây là một lối thơ thất ngôn tứ cú chủ yếu dùng vần bằng, theo dạng *bão vận* (vần ôm) mà chúng ta thỉnh thoảng bắt gặp bóng hình trong các bài ca trù, chẳng hạn bài *Cảnh xuân* của Nguyễn Công Trứ:

Mái đông phong mày liễu xanh rì,
Đám tàn tuyết đầu non trắng xóa.
Buổi hòa hú khí trời êm ả,
Hội đạp thanh xa mã dập dìu.

Một hình thức phô diễn khác của ca trù là thể loại *biền ngẫu*. Văn biền ngẫu không có vần mà có đối, câu dài ngắn không gò bó; khi một cặp hai vế đối nhau thì gọi là một *liên*. Chúng ta có thể gặp cách *bình đối*:

Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị,
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường.
(Nguyễn Công Trứ. *Nhân sinh thế ấy*)
hoặc:
Châu Nam Hải thuyền chìm sông Thúy Ái,
Sóng Tiền Đường cỏ áy bến Ô Giang.
(Tản Đà. *Đời đáng chán*)
hay *tiểu đối:*
Ăn thì ăn ở thì ở đứng thì đứng đi thì đi.
(Trần Tế Xương. *Ngẫu chiếm*)

Ru hồn mình trong *ca trù, hát nói* hay *từ*, thi nhân phương Đông đã nương theo nốt nhạc để dùng vần điệu nói chuyện yêu đương, thương nhớ, chè chén, ca hát, *hoa gian tôn tiền* (trong hoa, trước rượu). Dường như phối hợp *thơ* với *nhạc* theo cung cách này, nhà nho có thiên hướng phủ định giáo lý chính thống. *Thơ* vốn dùng để thuyết minh, giáo dục chí hướng; còn *ca* -tức *nhạc*- là để vĩnh hằng những lời thuyết minh giáo dục. Ấy vậy mà cả ba thi loại vừa kể hầu như phổ biến là để bộc bạch tâm trạng, biểu lộ tâm tình, tuy rằng không phải là không có một ít ngoại lệ tương đối hiếm hoi. Và tự một phương trời ngoại quốc (trường hợp của *từ*) hay từ một quá vãng xa xôi (ca trù có thể có tiền thân là hai bài thơ còn truyền lại của Lê Đức Mao (3)); *ca trù, hát nói* đã đi vào cuộc sống văn học dân tộc qua những ngòi bút với phong cách tâm hồn,

với lời ăn tiếng nói thường khi quen thuộc, lắm lúc bình dị. Sự vận dụng các yếu tố vừa kể với giá trị biểu cảm cao, nồng độ trữ tình đậm, phối hợp cùng kết cấu âm hưởng nhạc điệu phong phú đã góp phần khắc họa được quan niệm tình cảm của nhiều ngòi bút lông, giúp họ giới thiệu cái "tôi" tinh nhạy. Ở đây đã có sự góp một phần không nhỏ vào bước chuyển mình của thi ca Việt Hán trong tiến trình phát triển hướng về chủ nghĩa lãng mạn. Để thi đàn Việt Nam có được những danh tính có tầm cỡ Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Dương Khuê, Trần Tế Xương. ⊙

trần văn tích

Chú thích:

(1) Gõ phách truyền tụng bài hát mới của quan Lại bộ (Nguyễn Khản).

(2) Tức Nguyễn Nghiễm, thân phụ Nguyễn Khản, Nguyễn Du.

(3) Hai bài thơ của Lê Đức Mao (1462-1529) được ghi lại trong *Văn đàn bảo giám* của Trần Trung Viên.

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn
Bà Quả Phụ NGUYỄN TOẢN
nhũ danh CÔNG TÔN NỮ LỆ CHI
thân mẫu của họa sĩ Nghiêu Đề đã thất lộc tại Sài Gòn
ngày 14 tháng 8 năm 1994 vừa qua hưởng thọ 82 tuổi

Ban Chủ Biên và các văn hữu cộng tác của tạp chí Văn Học xin thành thật phân ưu cùng Anh Chị Nghiêu Đề và cầu chúc linh hồn Cụ Bà được sớm tiêu diêu miền cực lạc,

Trịnh Y Thư, ÔB. Nguyễn Mộng Giác, ÔB. Lê Thọ Giáo, ÔB. Cao Xuân Huy, Nguyễn Xuân Nghĩa–Quỳnh Giao, ÔB. Mai Kim Ngọc, ÔB. Nguyễn Xuân Hoàng, ÔB. Châu Văn Thọ, ÔB. Tôn Thất Khoát, ÔB. Võ Phiến, ÔB. Lê Tất Điều, ÔB. Bùi Hồng Sĩ, Hoàng Khởi Phong, ÔB. Hoàng Xuân Sơn, ÔB. Luân Hoán, ÔB. Nguyễn Khai, ÔB. Đinh Cường, Võ Đình, Hồ Thành Đức–Bé Kỳ, ÔB. Nguyễn Đức Quang, ÔB. Phạm Quốc Bảo, ÔB. Võ Thắng Tiết, ÔB. Lê Tất Luyện

HUY TƯỞNG

đêm trăng chia tay cùng em mọi nhỏ

Mưa nghiêng xuống kè đá
Em gùi trăng xuống phố tìm ai
Mà chiều va lên từng ngọn sóng
Cánh chim về trào bóng nào hay

Mưa vẫn nghiêng bên kè đá
Thầm tím hoa
Con chim buồn kêu inh rừng khép nắng
Tôi nằm nghe dời ngát ngực rằm xưa...

Mưa đã thôi nghiêng trên kè đá
Em gùi trăng xuống phố nhớ ai
Cho chiều xanh bo vơ khôn kể
Cho tôi về xuôi hoa thầm tím
Chim của rừng kêu tắt lửa một ngày mai!...

để nhớ ngày em nhận lời yêu tôi.

Lá trôi xanh
Rung khẽ những mầm chồi mới hé
Tiếng chim gù sóng sánh chuỗi cườm nâu...

Lá trôi xanh
Em trôi miết hồn tôi vàng nắng cúc
Lăm răm hình cánh cung
Tầm tã huyền cầm hanh hanh nụ...

Lá trôi xanh mê thiếp ngực về xanh
Vàng nắng cúc thuở cườm nâu vừa mới gửi...

HOÀNG CHÍNH

cầu tre lắt lẻo...

Người hành khất già ngồi bên bờ đất, co ro như một con mèo thiếu ăn. Những nếp da nhăn nheo đùn đẩy lên hai đuôi mắt. Hai gò má nhô cao như hai ngọn đồi chênh vênh dòm xuống hai triền thung lũng sâu và hẹp, thuôn thuôn và gặp nhau ở chiếc cằm vênh vẹo như một mảnh bom nhặt được trong thời chiến. Đôi mắt đục lờ những vẩy cá trắng màu mỡ đông trong những ngày đông giá, nhìn vào thăm thẳm của hư không ở đâu đó phía trước. Toàn thân người hành khất như một đống xương khô bọc ngoài bởi lớp da nhăn nheo khô khốc. Đống xương bất động như một mô đất, một gốc cây bỏ quên bên lề đường, chỉ có cái miệng và những ngón tay là còn thở ra làn hơi của đời sống. Cái miệng meo méo, nhăn nheo những vết hằn khốn khó; cái miệng hát ra những lời vọng cổ buồn tái buồn tê. Và hai tay ôm hờ hững cần cây đàn guitar cũ kỹ mốc ngời bụi đường. Những ngón tay xương xẩu gỡ ra từ cần cây Tây ban cầm những mảnh âm thanh rụng rời cảm xúc. Người hành khất già mê man với tiếng ca trầm buồn như gã phù thủy bị mê hoặc bởi những câu thần chú của chính mình.

"Đi chưa thày."

Con nhỏ học trò thúc cùi chỏ vào cạnh sườn hắn, nhắc nhở, làm hắn bừng tỉnh.

"Ông già ca hay quá."

"Bài *Xuân này con không về* đó, thày biết hôn?"

Con bé cố không đọc tên bản nhạc thành "Xuân này con hỏng dzìa," làm hắn buồn cười.

"Biết chớ."

Con bé xoay qua nhìn hắn.

"Thày thích bài đó hôn?"

"Sao không?"

"Mai mốt rảnh, em ca cho thày nghe."

Hắn hít một hơi dài, cố nén những nhịp hân hoan của trái tim.

"Cô cũng biết ca nữa sao?"

"Sao hỏng biết. Đi chưa thày?"

Con nhỏ học trò khẽ chạm những ngón tay vào tay hắn. Một chút thôi, rồi rút ngay về. Con nhỏ này lộn xộn. Hắn nghĩ. Coi chừng nghe cô. Nguyên tắc đạo lý Quân-Sư-Phụ thời nào cũng đúng hết ráo.

"Mắc mớ gì thày buồn thiu vậy?"

Con nhỏ hỏi bất ngờ, làm hắn không tìm đâu ra ngay được câu trả lời.

"Bộ nhớ nhà hả?"

"Ừ."

Hắn trả lời đại cho qua. Đúng ra, hắn nhớ nhà thật, nhưng đó chỉ là một trong muôn ngàn lý do đã làm nét mặt hắn lúc nào cũng buồn buồn như bầu trời những ngày giông bão, tìm mờ mất cũng không ra một chút nắng hân hoan.

Hát xong những lời cuối cùng của bài hát, người hành khất già cúi đầu nhìn xuống nền đất đen xỉn. Ông ta thấy gì trong những thớ đất màu tối ám ấy nhỉ, hắn tự hỏi. Mà ông ta có nhìn thấy không đã chứ. Đôi mắt ấy; đôi mắt kéo những đám mây mù, ám tối. Có gì trong cõi nhìn của người đàn ông già nua không nhà không cửa ấy. Những nấm mồ vô vọng. Cánh cửa mở vào cõi sống khác. Sự chết. Thần linh. Những xác thân rữa mục. Mảnh xương khô. Trước mắt hắn, những mảnh xương khô trên thân thể người hành khất còn chan hòa sự sống.

"Ông già đó mù phải hôn thày?"

"Chắc vậy."

"Em thấy ổng quờ quạng trên cần đờn."

Những ngón tay người đàn ông mò mẫm trên cần đàn, vặn lại những chốt dây bị dãn ra sau khi đã rung lên một cách tận tình những tiếng kêu than não nuột.

Một đứa bé gỡ tay mẹ, chạy lại thả vào chiếc lon sữa bò rỉ sét đặt bên cạnh cái đầu gối khẳng khiu của người hành khất những đồng xu cũ. Tiếng kim loại chạm vào nhau nghe lao xao như khuấy động chút niềm vui mỏng manh trong không gian xao xác tiếng cười nói của người đi đường và tiếng xe cộ rầm rĩ chung quanh. Người hành khất cúi đầu thật thấp biểu tỏ sự biết ơn đối với kẻ đã có chút lòng nhân, rộng tay bố thí.

"Thày có cho ông già tiền hôn?"

"Thấy kỳ kỳ làm sao đó."

"Thày nói sao?"

"Khi bỏ những đồng xu vào chiếc lon người hành khất, thấy áy náy

lạ lùng."

"???"

"Có cảm tưởng mình vừa xúc phạm đến một con người nghệ sĩ."

"Thày lãng mạn thấy mồ!"

Con nhỏ bắt đầu làm xao động lòng hắn. Hắn liếc nhìn khóe môi cong cong của đứa học trò.

"Cô mới là lãng mạn."

"Xí!"

"Cô nghịch ngợm phá phách bị lên trình diện hết giám thị tới tổng giám thị, rồi tới cả hiệu trưởng nữa mà cuối cùng cũng chẳng bị phạt gì hết ráo, làm các giáo viên khác hết dám phạt cô luôn."

"Thày nói vậy là oan cho em rồi đó."

"Chứ không đúng sao?"

"Hổng đúng."

Hắn ngước mặt nhìn bầu trời của buổi chiều tà xanh ngăn ngắt trên cao, vướng vít những sợi mây trắng nõn. Gió dưới sông thổi lên phủ vào mặt hắn cái mùi rơm rạ, bùn ướt pha lẫn với mùi thịt nướng thơm nồng khứu giác từ cửa tiệm ăn uống bên lề đường. Hắn lục lọi trí nhớ để tìm một dẫn chứng cho những lời buộc tội đong đưa. Mãi, hắn mới nhớ ra.

"Cô nhớ vụ tập nhạc Phạm Duy không?"

"Dạ, nhớ chớ."

"Lần đó cô có bị phạt gì đâu."

"Sao hổng bị, em mất tiêu tập nhạc kỷ niệm của đứa bạn tặng."

Tập nhạc ấy hắn còn nhớ. Dạo ấy, đang có phong trào xóa bỏ văn hóa đồi trụy. Con bé học trò của hắn lại đem ngay tập nhạc *Ngày đó chúng mình yêu nhau* vào lớp học mà chép cho một đứa bạn khác. "Để xử lý, tôi phải tịch thu tập nhạc đồi trụy này và báo cáo em lên chi đoàn; lên giám thị trường." Cô học trò của hắn lúc ấy hai mắt đỏ hoe. Không một giọt nước mắt nào ứa ra được trên khóe mắt lạnh khô, nhưng cái nhìn căm hận thì như mũi kim nhọn găm trên phiến trí nhớ hắn; gã thày giáo làng nửa thằng nửa ông ngu ngơ tội nghiệp.

Cái liếc mắt của cô học trò sắc như phiến gió lạnh lẽo cắt da xẻ thịt. Vẫn đôi mắt ấy; đôi mắt rủ rê hắn đi hoang.

"Thày... thiệt tình!"

Nghĩa là sao nhỉ. Hắn không hiểu đứa học trò muốn nói lên điều gì trong cái liếc sắc cạnh và câu nói ỡm ờ buông thả ấy.

"Cuốn nhạc của em đâu rồi?"

Con bé chợt hỏi. Hắn bối rối cuống cuồng. Loay hoay như đứa bé không thuộc bài một hồi với những ngón tay bấu thành ly lạnh ngắt trên mặt bàn gỗ thô nhám màu đen xỉn, hắn mới tìm ra được một câu nói dối.

"Đốt rồi."

"Thày... thiệt tình!"

Tiếng thở dài của đứa con gái mới lớn nghe dài và man mác một nỗi niềm không thể đặt tên. Sư phụ nói đóc đấy, đệ tử ơi. Thực ra sư phụ còn giữ kỹ, sư phụ vùi tập nhạc tình ấy tận đáy cái túi hành lý với vài ba bộ đồ cũ kỹ có những màu sắc không thể gọi tên được nữa và mấy cuốn sách học cũ, lẫn lộn với những tờ giáo án luộm thà luộm thuộm. Sư phụ lòng nào có thể phần thư khanh nho như cái người bạo chúa họ Tần ngày trước.

"Tập nhạc ấy em thích nhất."

Giọng trách móc của cô học trò mềm và ngọt.

Sư phụ cũng thích tập nhạc ấy thấy mồ. Nhưng làm sao được. Cả lớp đều thấy đệ tử chép nhạc đôi trụy trong lớp học. Sư phụ đâu có thể giả câm giả điếc để mang họa cho cả thày lẫn trò. Hãy hiểu giùm ta, đệ tử ơi. Hắn nghĩ nhưng không nói ra ý nghĩ ấy mà chỉ nhìn con bé học trò đang ngồi trước mặt hắn, phía sau ly nước mía đã gần cạn, còn đóng đầy những bã trắng nhờ nhờ trên thành ly.

"Em nhớ bài Nghìn trùng xa cách quá."

Sư phụ cũng vậy, đệ tử ơi. Nghìn trùng xa cách, người đã đi rồi, đường dài hạnh phúc, cầu chúc cho người. Sư phụ đã từng ăn ngủ với những lời nguyền da diết ấy năm xưa, khi phải tiễn đưa một người con gái.

"Sao thày hổng nói gì hết trơn vậy?"

"Tại cô không nghe thấy chứ bộ."

"Thày... Kỳ cục thấy mồ!"

Tiếng đàn guitar biến chế thành lục huyền cầm của người hành khất lại vọng đến, xoắn lấy không gian của hai người. "Điệp ơi, mai anh lên chốn thành đô nhà xe rực rỡ, xin anh đừng quên..." Hắn lặng người đi vì cảm xúc. Chao ơi, tiếng lục huyền cầm và những câu vọng cổ. Âm thanh xoắn lấy lòng hắn như những đường xoắn ốc trên mũi chiếc đinh vít nhọn. Xoắn sâu, gài chắc vào từng thớ mềm của lá gan, vào những sợi cơ trơn đai nhanh nhách của ruột non ruột già hắn. Xót xa chi lạ lùng.

"Thày Bắc kỳ mà mê vọng cổ."

Cô học trò châm chọc hắn.

"Thì sao?"

"Quê một cục."

Đứa con gái nói, với một nụ cười.

"Tôi yêu âm nhạc của cả ba miền."

"Vậy là thày yêu nước, yêu đồng bào... Sao hổng được làm giáo viên tiên tiến vậy?"

"Ai biết đâu."

Hắn trả lời vu vơ. Và tiếp tục để hồn chìm theo tiếng lục huyền cầm và những lời trách móc của cô Lan gửi cho anh chàng Điệp bạc tình. Bất giác, hắn cảm thấy như những lời trách móc ấy gửi đến cho hắn từ một người con gái nào đó, sống ở đâu đó, trong một gia đình nào đó, làm một cái nghề gì đó... bị hắn phụ rẫy.

"Mai mốt thày sẽ phải bồi thường cho em."

"Cái gì?"

Hắn chợt bừng tỉnh.

"Tập nhạc."

"Không sao."

"Dễ gì thày còn kiếm được tập nhạc đó."

Không biết con nhỏ có gài bẫy hắn không, vì trong mắt nhìn của nó, hắn không đọc nổi những gửi gấm âm thầm không tên gọi. Đệ tử ơi, đệ tử ra vào phòng tổng giám thị như cơm bữa. Cả trường ai cũng biết đệ tử làm biếng học, đệ tử chỉ ham chép thơ T.T.Kh., ham chép nhạc Phạm Duy, (những thứ lạc hậu ấy!) nhưng ai biết đâu được đệ tử làm gián điệp cho hiệu trưởng nhằm theo dõi và báo cáo mọi hành vi của sư phụ. Sống ở đây riết rồi sư phụ đâm ra nghi ngờ mọi thứ; cả đôi mắt đen nhánh đang chớp chớp long lanh cái nắng của một ngày đầu tháng tám oi oi trên bến bắc Vàm Cống đinh tai nhức óc vì tiếng động cơ những chiếc xe lôi và xe đò này.

"Muốn là được."

Hắn nhìn vào mắt học trò, thăm dò.

"Dễ đâu gì."

"Sao không?"

"Thày... thiệt tình!"

Thiệt tình! Thiệt tình sư phụ cũng không biết phải nói làm sao với

đệ tử trong buổi chiều hiu hiu gió sông, gió đồng quấn quyện từ những làng thôn rải rác hai bên bờ sông Cửu này. Sư phụ xa nhà đã lâu. Ba bốn năm rồi đâu có dịp về thăm. Thiệt tình! Thiệt tình cái nỗi gì. Tình cũ bay theo những cánh diều thời thơ ấu. Người con gái da thơm có đôi mắt lá răm ở thành phố giờ này đang làm gì nhỉ. Người con gái không muốn theo người tình về cái miền kinh rạch ngổn ngang, trên khắp các ngả đường này. Người con gái ấy bây giờ đang làm gì chứ? Có còn chút nhớ nhung nào dành cho người bạn tình của những năm tháng quấn quýt bên nhau?

"Thày... Kỳ cục thấy mồ!"

Tiếng than của cô học trò lẫn vào tiếng lục huyền cầm da diết, nghe như khúc cuối một câu vọng cổ não nuột. Kỳ cục thấy mồ là sao nhỉ. Hấn thầm hỏi. Đệ tử ơi. Sư phụ đã cố gắng tránh nhìn vào đôi mắt đong đưa đen nhánh ấy, nhưng bây giờ thì đã muộn mất rồi. Đệ tử đã đánh thức dậy hết những mê muội ngủ quên trong đáy lòng gã đàn ông hai mươi tám tuổi. Đệ tử ơi là đệ tử ơi!

"Khanh!"

Con bé tròn xoe mắt nhìn hấn.

"Dạ?"

"Tính về Sài Gòn bao lâu?"

"Ở hết mấy tháng hè."

"Nhà bà con?"

"Dạ."

Hấn bước dần xuống khỏi bục giảng trong trí tưởng.

"Có quen ai trên thành phố không?"

"Hổng có. Mà sao?"

Con bé nhìn hấn dò hỏi.

"Vậy mà cứ tưởng Khanh có bạn trai trên đó."

Hấn lẩm bẩm như cầu kinh.

"Hổng có đâu."

Con bé trấn an. Hấn thích những chữ "hổng có" của cô học trò quá đỗi. Hổng sao đâu Khanh ơi. Hổng ai biết đâu... Hấn nghĩ ngợi lăng nhăng. Một cặp tình nhân dắt díu nhau đi ngang qua chỗ ngồi của hai người. Người con gái mặc áo bà ba hoa hòe hoa sói ăn cần ríu rít như con chim nhỏ, bẻ một miếng bánh tráng đưa lên miệng người con trai. Tiếng bánh tráng bể dòn rụm nghe vui tai. Người con gái trẻ đôi môi cười với

tình nhân. Đôi môi làm hắn nhớ những nụ hôn thời còn đi học. Ôi sao bỗng dưng thèm chết một nụ hôn thế này. Hắn thầm than trong trí tưởng. Đệ tử ơi, chắc sư phụ chết mất... Đệ tử ơi; Khanh ơi... Khanh ơi... Hắn nhìn sâu vào đáy mắt cô học trò. Cô chống hai tay lên cằm, nhìn lại hắn không chớp mắt. Hai con mắt long lanh có bóng hắn nghiêng nghiêng trong đó. Cặp lông mày cạo sửa kỹ lưỡng thẳng tắp như hai nét phẩy trên một bức tranh tàu. Con mắt một mí lót nhìn hắn kỹ lưỡng. Sóng mũi hơi nghiêng, khóe miệng mở hé những chiếc răng trắng bóng lấp lánh bên dưới đôi môi hồng tự nhiên. Chiếc áo sơ mi khép hờ một nút áo quên cài (quên thật hay giả vờ). Màu hồng của vải áo ánh lên đôi má cái sắc mịn màng của làn da tươi mát. Cái cằm thanh thanh tựa trên hai bàn tay có những ngón thon dài đan lấy nhau thấp thoáng bóng một chiếc nhẫn vàng có nhận hột xoàn (giả hay thiệt làm sao sư phụ biết được, mà có biết thì cũng chẳng ăn nhằm gì tới sư phụ). Hai cánh tay chống trên mặt bàn che hờ khung ngực. Kín bưng. Nhưng sư phụ thấy rất rõ trong tâm linh hai trái ngực săn cứng. Đệ tử ơi, sư phụ chết mất thôi. Hèn chi trong trường không có một chức sắc nào mà không có cảm tình với đệ tử. Đệ tử chép nhạc vàng, đệ tử hát nhạc đồi trụy, đệ tử lưu bút ngày xanh bằng thơ tình ướt át như mưa nguồn lũ lụt, vậy mà cả ban giám hiệu trường chẳng ai đề nghị được một hình phạt nào cho xứng đáng. Chỉ khổ cho mấy cô giáo già lỡ thời trong trường, mỗi lần nghe tiếng guốc đệ tử lóc cóc gõ nhịp trên thềm xi măng lởi lói, là những cặp lông mày cau lại, những hàm răng nghiến sát nhau, những nắm tay run run đè nghiến mặt bàn giáo viên vô tội. Cái đồ chằng ăn trăn quấn. Thiên hạ nổi cơn ghen với đệ tử chứ có gì lạ đâu. Đệ tử như dòng suối mát mà không một kẻ lữ hành nào không muốn vục mặt vào mà uống cho đã cơn khát, sau khi đã rong ruổi suốt một đoạn đường dài thăm thẳm. Sư phụ cũng chỉ là một gã bộ hành trong cơn nắng hạn. Năm sáu năm trời nay sư phụ không ôm (dù chỉ ôm thôi) được một người nữ nào trong vòng tay. Nhớ lắm rồi, thèm lắm rồi. Chết mất đệ tử ơi. Khanh ơi là Khanh. Sư phụ chắc phải mời cụ Khổng đi chỗ khác chơi và dẹp ngay ba cái vụ quân sư phụ của thời phong kiến lạc hậu đi càng sớm càng tốt. Khanh ơi, tại sao bé lại không là người tình của anh nhỉ. Hắn gào lên trong trí tưởng. Mình sẽ là một đôi tình nhân lý tưởng của nhân loại.

"Thày!"

Con bé đánh thức hắn.

"Gì Khanh?"

"Thày nhấm chừng người ta sửa xe kịp hôn?"

"Chẳng biết nữa..." Hấn ngập ngừng, buông tia nhìn thăm dò sâu xuống đáy mắt người con gái. "Nhưng chắc là không quá."

Chút lo âu vẩn đục lên trong tia nhìn cô học trò. Hai cánh tay rơi xuống mặt bàn. Những ngón thon quấn quýu hoang mang.

"Rồi... tối nay biết làm sao."

"Thì đành thuê nhà... ngủ chứ sao."

Đôi môi người con gái trễ xuống.

"Ghê thấy mồ."

"Có sao đâu. Mình có giấy di đường đàng hoàng mà."

"Nhưng mà... kỳ cục làm sao đó..."

"Sao kỳ?"

Tia nhìn đứa con gái lăng quăng trên nền đất đen xỉn. Chút ngại ngần, nhẫn nhịn vương trên đôi mắt nàng.

"Như vậy giống bồ bịch, kỳ chớt."

"Thì đã sao. Khanh cũng lớn rồi chứ bộ."

Hấn ném ra trái bóng thăm dò sau khi đã giam Đức Khổng tử vào một ngăn ở tuốt trong đáy sâu trí tưởng, và khóa lại kỹ càng. Hấn tự hứa sẽ cố gắng không nhớ tới Đức Khổng tử và ba cái điều người dạy học trò thuở xưa ít nhất là trong ngày hôm nay.

"Nhưng mà... thày trò ai lại đi... thuê phòng ..."

Con bé bỏ lửng câu nói, gợi lên cho hấn không biết bao nhiêu là háo hức, cuồng mê. Hấn lì:

"Bộ thày trò không... yêu nhau được sao?"

"Kỳ thấy mồ!"

Đôi má con bé từ từ hồng lên. Trong mắt nhìn của hấn, đôi má ấy càng lúc càng đỏ muốn đậm hơn cả màu áo nàng đang mặc. Cái e thẹn của người con gái; chao ơi là mời mọc! Hấn nghe lòng mình hồi hộp, xôn xao như gã thí sinh sắp bước vào phòng thi vấn đáp. Cái phòng thi trần tục có chiếc giường tre ọp ẹp; và một thày, một trò... Khỉ quá! Hấn tự mắng mình. Tại sao cứ phải nhớ tới cái quan hệ thày trò không cần thiết ấy chứ. Một người con trai thương một người con gái, thì mắc mớ gì đến cụ Khổng cụ Mạnh. Nhất định tối nay phải đi thuê phòng ngủ ở bến đò rồi. Cầu trời cho cái đám lau nhau tài xế và lơ xe kia đừng mò ra lý do của cái sự tự nhiên nằm ì ra giữa đường của chiếc xe đò cọc cà cọc

cạch. Mà không chừng đó là đòn phép của họ cũng nên. Chỉ cần tuyên bố hư xe. Hành khách nản vì chờ đợi, đón xe khác, là có chỗ đón thêm khách mới ở dọc đường. Hắn nghĩ vậy, chẳng biết có oan cho ai không.

"Thày."

"Gì?"

"Sao tự nhiên thày gọi em bằng tên?"

"Tại... tại..." Hắn ngập ngọng như đứa bé bị bắt quả tang ăn vụng trong bếp. "Thì đã sao?"

"Hổng sao hớt... nhưng..."

"Nhưng gì?"

"Thấy thày hiền khô, hơn những lúc ở trong trường một trời một vực."

Con bé nói một thôi và toét miệng ra cười.

"Bộ trong trường tôi dữ lắm sao?"

"Dạ. Thày nghiêm hơn thày giám thị Râu kẽm nữa."

Ớ, học trò thời nay. Con bé dám đặt biệt danh cho ông giám thị già đáng tuổi ông ngoại nó là "Râu kẽm", thì hắn nghĩa lý gì đối với cái đám chỉ đứng sau quỷ và ma này nhỉ.

"Sao gọi ông ấy là Râu kẽm?"

"Thày hổng thấy ổng có hàm râu cá chốt sao?"

Hắn chỉ biết lắc đầu, lơ đãng cúi nhìn vệt nắng chiều vươn dài đến chân ghế. Vệt nắng phủ sắc vàng nhạt lên đôi bàn chân mang guốc cao của con nhỏ học trò. Cái quai guốc lấp lánh hình những con bướm kim tuyến muôn màu. Sợi gân xanh lờ mờ ẩn dưới lớp da mỏng trắng mướt. Sợi gân xanh gợi lên trong lòng hắn một ham muốn nhẹ nhàng nhưng vô cùng quay quắt.

"Thày hổng bao giờ cười."

"Vậy sao?" Hắn giật mình vì nhận xét của đứa học trò. "Chắc cái mặt tôi dễ ghét lắm."

"Cũng tàm tạm."

Con bé vừa nói vừa rụt chân lại, giấu dưới gầm bàn. Mất hắn mất đi một điểm nhìn gợi cảm. Người chủ quán nước chợt đến bên hắn, lạnh lẽo hỏi:

"Cô cậu dùng chi thêm không?"

Cô học trò hắn lắc đầu vội vã. Còn hắn bừng tỉnh và loay hoay móc túi lấy tiền trả.

Nhét tờ giấy bạc cũ mềm nhão do người chủ quán thối lại vào trong túi áo xong, hắn chậm rãi đứng dậy. Khoác cái ba lô cũ kỹ lên vai. Cô học trò cũng xách cái túi xách đứng dậy theo. Hai người lững thững đi xuống phía bến bắc nhộn nhịp xe cộ. Người hành khất già vẫn ngồi bên vệ đường thở than những lời vọng cổ cửa da xẻ thịt. Nhưng những lời than van không còn khuấy động lòng hắn như lúc trước. Lòng hắn đang bị xâm lăng bởi một lũ lâu la tối ám từ lâu yên ngủ trong đáy sâu trí nhớ vừa bị khuấy động cho thức giấc vì những mời mọc của một làn da trắng nõn, của một đường gân xanh chạy dài từ mu bàn chân lên ẩn dưới lớp vải quần màu xanh thẫm của biển cả mênh mông, tất cả khởi đi từ một người con gái.

Hai thày trò rảo bước về phía chiếc xe đò liệt bại đang được tài chính, tài phụ và lơ xe bu quanh loay hoay sửa chữa. Hắn nhìn cái mặt trời tròn vàng rực tóe lửa trên những ngọn dừa đen đúa, vươn trên những mái nhà san sát bên kia sông, thở dài vô nghĩa. Đêm nay chắc chắn là ngủ đường rồi. Hắn khẽ liếc nhìn cô học trò. Khanh lạng lẽ đi bên cạnh hắn, môi trên mở hé một nụ cười không trọn vẹn. Con mắt đong đưa lúc này đang nhìn vào khoảng không xa vắng nào đó. Chợt cô đề nghị: "Mình hỏi mấy người sửa xe thử xem nghe thày."

Hắn lạng lẽ gật đầu. Cái túi đeo trĩu nặng trên vai. Hành trang của cả một thời tuổi trẻ ăn nằm với sách vở. Cuối cùng được những gì. Đã bao lần hắn tự hỏi đam mê đèn sách để làm gì. "Một ngày công lao không cho biết đến hương đêm." Lời một bài hát của Phạm Duy, đã bao lần làm hắn suy nghĩ. Hắn đang ở bên cạnh cô học trò đẹp nhất trường; người bị từ hiệu trưởng, hiệu phó, tổng giám thị đến giám thị trồng cây si. Việc gì phải suy nghĩ vẩn vơ. Nếu muốn biết người con gái phản ứng thế nào khi bất ngờ bị ôm hôn thì không gì chính xác cho bằng cứ ôm cô gái mà hôn đại thử xem. Bạn hắn ngày xưa đã "lên lớp" với hắn như thế.

"Chừng nào mới sửa xong vậy, bác tài?"

Người tài xế ngồi vắt vẻo trên mỏm đất cao, phì phèo điếu thuốc rê, sảng khoái thả khói vào khung chiều lộng gió.

"Sớm nhứt là chiều mơi."

"Sao vậy?" Hắn hỏi.

"Con heo đầu bị hư. Chờ dzìa Sài Gòn mua con heo đầu khác để thai."

"Giờ tụi tui làm sao dây?"

Một người hành khách ngồi bên vệ đường nôn nóng hỏi.

"Cô bác gáng chờ. Nếu gấp thì nơn đón xe khác dzìa thành phố. Tụi tui cũng gáng lắm nhưng đành chịu thua."

Vậy là hắn hiểu. Xe không hư. Người ta cần đón thêm khách dọc đường mới đủ sống. Hắn hiểu nỗi khó khăn của họ. Cũng như hắn, trước kia có bao giờ đến nỗi phải băn khoăn với mấy ký gạo, dăm củ khoai, vài miếng thịt heo bầy nhầy những mỡ?

"Kỳ quá là kỳ!"

Cô học trò cằn nhằn một cách bực bội. Hắn trấn an:

"Thôi Khanh. Biết làm sao khác hơn được."

"Vậy là phải thuê nhà ngủ rồi!"

Câu nói vang lên như một lời trách móc tội tình.

"Đành vậy."

"Mác cở chớt mồ."

Hắn lặng thinh, để mặc cho cô học trò cằn nhằn.

"Mấy cái xe như vậy sao hổng dục đzô thùng rác cho rồi."

Cái phụng phịu của cô gái làm hắn thích thú. Hắn chọc:

"Quăng vào thùng rác rồi đi bộ hả?"

"Thà đi bộ còn hơn phải ngủ đường ngủ chợ."

Ngủ đường ngủ chợ. Cô học trò xài chữ chính xác quá chứ. Đêm nay hắn ngủ đường, ngủ chợ. Hắn đã nhiều phen phải ngủ đường ngủ chợ rồi. Nhưng chưa bao giờ với một cô gái như thế này. Bỗng dưng tim hắn đập hoang hơn, hai tay hắn run run, hai chân hắn mỏi rời mỏi rã. Hắn bước lên bậc thềm một căn nhà bên đường, trước cửa treo một tấm bảng viết nguệch ngoạc chữ "Cho mướn ghế bố." Đêm ở bờ sông, lạnh lẽo thế này; lại thêm cái nạn muỗi mòng vo ve canh thâu chắc không thể chỉ mướn ghế bố không thôi được. Hắn gõ vào cánh cửa khép hờ. Khanh lủi thủi đứng lùi ra phía sau lưng hắn.

Một người đàn bà đẫy đà như trái dưa gang mở rộng cánh cửa, thoáng ngó hắn rồi chăm chú nhìn cô học trò đứng nép sau lưng hắn.

"Chào bà."

"Cô cậu muốn gì?"

Giọng nói của người đàn bà thô nhám, lạnh lùng.

"Tụi tôi muốn thuê... phòng ngủ."

"Hết phòng rồi."

"Vậy sao?"

Hấn xớn xác quét tia nhìn ra phía sau lưng người đàn bà. Căn nhà lờ mờ tối nhưng hấn cũng thấy được bốn chiếc ghế gỗ lỏng chỏng xếp quanh một chiếc bàn có những chân bằng ván gỗ khẳng khiu. Trên tường treo sơ sài một bức tranh lãnh tụ đã cũ. Hấn toan lui bước quay đi, chợt người đàn bà lên giọng:

"Nếu cô cậu chịu nằm đỡ trên sàn nhà qua đêm, tui ăn rẻ hơn..."

"Dạ cũng được."

Hấn trả lời vội như sợ cả người chủ nhà lẫn cô học trò của hấn đổi ý.

Người đàn bà mở rộng cánh cửa. Hấn vừa bước một chân vào ngạch cửa, người đàn bà đã chận hấn lại:

"Khoan đã. Phải cô cậu là dzợ chồng không dzậy?"

Hấn còn đang luống cuống thì tiếng cô học trò đã lấp đầy khoảng trống của không gian nhá nhem chập tối.

"Dạ phải."

"Vậy tốt," người đàn bà lách qua một bên nhường chỗ cho Khanh và hấn bước vào. "Nếu không phải vợ chồng, tui hổng dám cho mướn. Năm ngoái cho cặp trai gái lại ngủ trong nhà xui xẻo không biết bao lâu mới qua khỏi."

Khanh ngừng lại xớ rớ nhìn hấn. Cố tìm cách che giấu những bối rối, hấn nhìn xuống nền nhà.

"Thím có chiếu trải dưới đất không?"

"Có chớ, tui cho mượn chiếu mượn mùng. Chờ chút đi."

Lúc người chủ nhà đi ra phía sau, hấn nhìn cô học trò bằng một cái nhìn nhẫn nhịn. Cô nhìn lại hấn bằng cái nhìn áy náy, băn khoăn. Không ai nói nổi với ai một lời nào. Hai túi hành lý trĩu nặng trên vai mỗi người. Mệt ơi là mệt. Hấn nghe tiếng cô thở dài.

Tiếng chân người đàn bà lẹt quẹt trên nền nhà xi măng tróc lở. Bà ta ôm một đống những chiếu, chăn, mền, gối. Hấn vội vã đưa tay tay đón lấy đống đồ.

"Nhớ tấn mùng cho kỹ kẻo chuột cống chui dzô mùng."

Hấn thấy đôi mắt Khanh mở lớn kinh hãi, miệng nàng tròn ra như một chữ O đỏ thẫm. Trong bóng tối nhá nhem, hấn thấy rõ những chiếc răng trắng bóng lấp lánh dưới hai cánh môi mịn màng (mà hấn muốn được cắn lên đó vô cùng).

"Chuột hả thím?"

"Ừa."

"Trời Phật ơi."

Cô học trò rên rỉ.

"Đưa giấy đi đường tôi trình phường khóm."

Người đàn bà nói như ra lệnh. Hấn đặt đống mền gối xuống đất, lục túi quần tìm tờ giấy đi đường. Khanh cũng lúng túng làm theo hấn. Đón lấy hai tờ giấy nhàu nát từ tay hấn và Khanh xong, người đàn bà nói tiếp:

"Cô cậu cho tiền trước."

"Bao nhiêu thím?"

"Năm chục."

Năm chục. Hấn điếng người kín đáo đưa mắt nhìn Khanh. Cô học trò chớp mắt với hấn, nhanh nhảu:

"Em có đây."

"Khỏi... Anh... có tiền lẻ đây rồi."

Hấn run run cố đóng cho trọn vai chính trong vở tuồng cặp vợ chồng mới cưới. Cô Khanh này lơ đãng quá. Vợ chồng có ai lại dành nhau mà trả tiền thế này. Coi chừng chủ nhà nghi ngờ không cho mướn chỗ ngủ thì tiêu tùng. Đêm tối ở giữa đường giữa chợ thế này...

Người đàn bà nhận tiền, chỉ cho hấn sơ lược cách giăng mùng rồi lầm lũi biến đi vào bóng tối. Hấn phủ lên người con gái một cái nhìn nồng ấm, rồi buông chiếc chiếu trải xuống nền nhà. Khanh lặng lẽ phụ hấn móc những mối dây vào đầu những cây đinh đóng trên tường ván gỗ. Mùi hôi mốc tỏa ra từ chiếc mùng cũ làm ngưa ngứa hai vách mũi hấn. Tiếng loa phóng thanh từ một góc đường nào đó vọng lại xôn xao một nhịp quân hành quen thuộc. Giăng mùng xong, hấn chui vào trong, căng vách mùng ra bốn phía và xếp hai chiếc gối ngay ngắn lên phía đầu nằm. Lúc gài tấm mền vào vách mùng sát tường, hấn liếc thấy Khanh đứng xớ rớ bên ngoài, thẫn thờ như chiếc bóng đã bị hút đi hết sinh lực và những nét linh động của ban ngày. Mái tóc nàng rũ xuống lòa xòa trước mặt.

Hấn hít một hơi dài, cố nói thật tự nhiên với cô học trò,

"Khanh đói bụng không?"

"Dạ, hổng đói."

Hấn loay hoay tìm câu để nói cho bớt ngượng ngùng, nhưng những ý nghĩ trong đầu hấn cứ chạy loăng quăng như những con lươn trơn tuồn tuột, khó lòng tóm bắt.

Cô học trò chợt thì thào:

"Bộ thày đói bụng hả?"

"Trời ơi," hắn hoảng hốt. "Làm ơn đừng kêu thày nữa. Người ta không cho mướn chỗ bây giờ."

"Vậy chớ kêu gì bây giờ?"

Cô học trò vừa nói vừa di di mũi guốc xuống nền nhà như thể đang giết một con ong, con kiến nào đó. Hắn cố suy nghĩ thật nhanh tìm một câu trả lời hợp lý nhưng không được.

Sau cùng hắn nói dại:

"Gì cũng được. Chỉ cần đừng kêu thày."

"Thiệt là khổ! Em ghét thày..."

Cô chưa nói tròn hết câu thì bóng người đàn bà đã lù lù hiện ra bên khung cửa. Người đàn bà đứng sững lại nhìn Khanh. Hắn diếng người. Giọng người đàn bà xao xác:

"Xong rồi, cô cậu mướn chỗ này tới bảy giờ sáng mơi."

Hắn còn đang bần thần thì Khanh đã ngồi thụp xuống, vén mùng lên, chui ào vào, những sợi tóc quất ngang mặt hắn. Hương của tóc làm lòng hắn lâng lâng.

"Dạ, cám ơn thím," giọng nàng mềm và ngọt. "Anh à, mình ra bến bắc ăn cháo gà nhe."

"Ừ, anh cũng đói quá à."

"Sáng mơi nhớ nhắc tui đưa lại mấy tờ giấy đi đường."

"Dạ."

Cả hai cùng trả lời một lúc. Chờ người đàn bà đi khuất phía sau cửa, Khanh thì thào vào tai hắn,

"Ở đây muỗi quá trời quá đất, thày à."

"Ừ, nhưng bỏ chữ thày đi giùm."

"Kỳ thấy mồ."

Khép cánh cửa gỗ lại phía sau xong, hai người đắt díu nhau đi ra phía bờ sông. Đêm như đang lên từ những cụm lục bình tối thui dập dềnh trôi trên mặt nước. Giờ này nước lên hay xuống, hắn cũng không nhớ nữa. Gió như thổi đến từ khắp chung quanh. Lờ mờ những vì sao mọc sớm trên bầu trời. Tiếng nhạc quân hành vang vang chìm lẫn trong tiếng động cơ xe lôi rầm rĩ. Những quán ăn thắp sáng đèn măng xông hai bên đường thấp thoáng bóng những khách lỡ độ đường. Đời sống lao xao chung quanh, giống hệt nỗi lao xao đang dấy lên trong đầu hắn.

"Kỳ quá hà!"

Cô học trò thở ra một lời than phiền vô nghĩa. Cảm thấy đã đến lúc phải giáo dục tư tưởng cho đệ tử, hắn hít một hơi dài gió đêm mát lạnh hai buồng phổi, lên giọng ân cần:

"Chuyện gì cũng có thể xảy ra được hết, Khanh biết không. Tất cả mọi nguyên tắc chỉ đúng trong một giới hạn nào đó. Ra khỏi cái giới hạn thông thường của nó, những nguyên tắc sẽ trở thành sai trật."

Hắn liếc nhìn người con gái dang đi bên cạnh, chỉ thấy được đôi mắt đen lấp lánh ánh đèn măng sông, và vóc hình thiếu nữ đương thì căng đầy gió chướng.

"Chỉ có một nguyên tắc không bao giờ sai trật, đó là 'chuyện gì cũng có thể xảy ra được' Khanh tin không?"

Người con gái lặng thinh. Hắn triết lý:

"Đừng bận tâm suy nghĩ làm chi cho mệt. Mọi chuyện rồi cũng sẽ qua đi."

"Thày trò yêu nhau, kỳ thấy mồ."

"Chuyện gì cũng có thể xảy ra được."

"Kỳ cục!"

Trước khi bước lên bậc thềm quán ăn, hắn choàng tay qua vai cô học trò -Chao ơi là đôi vai mềm- bóp nhè nhẹ như cố truyền cho nàng cái chân lý ngàn đời:

"Nghe Khanh. Chuyện gì cũng có thể xảy ra được."

Dưới ánh đèn măng sông rực rỡ, nụ cười của Khanh đẹp hơn tranh vẽ của bất kỳ giai nhân nào đã từng sống trên mặt đất. Hắn ngây ngất như say rượu. Trong cơn say ngất ngưởng, hắn thấy đôi môi mỏng của nàng mấp máy, "chuyện gì cũng có thể xảy ra được, chuyện gì cũng có thể xảy ra được..." đôi môi để hé ra hai chiếc răng cửa trắng bóng và chóp lưỡi hồng hồng nghi ngại.

"Mai mốt gặp lại trong trường mình vẫn là thày trò à nghe."

Cô gái thổi vào tai hắn câu giao hẹn quan trọng. Đồng ý. Đồng ý. Học trò không còn chậm hiểu như lúc trước nữa. Hắn gọi hai chai bia quốc doanh để mừng chiến thắng. Khanh ơi, Khanh à. Ví đâu cầu ván đóng đinh, cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi... Hắn ngả nghiêng trên mặt bàn, và trước mặt hắn, cái bóng thân thương của nàng cũng lao xao hạnh phúc.

"Nhớ nghe Khanh. Chuyện gì cũng có thể xảy ra được hết, nghe."

Những cái gật đầu ngoan ngoãn. Những cái nhìn nhấp nhổm trong

khoảng không. Uống bia nhiều quá coi chừng xỉn à nghe. Nhằm nhò gì. Anh còn uống được cả xị đế. Dóc tổ, có thấy anh uống hồi nào đâu. Thật chứ. Anh đã từng cụng ly với ông hiệu trưởng, ông hiệu phó, ông giám thị, ông tổng giám thị. Dóc tổ. Cái mặt đỏ thấy ghê. Ghê gì mà ghê. Thôi đi, uống nhiều dữ rồi đó. Cụng với anh một ly đi Khanh. Bữa nay thôi. Bữa nay thôi. Cũng được nhưng mai mốt vô lớp vẫn thày trò như thường à nghe. Nghe! Nghe! Uống đi, cạn luôn. Uống say ngủ ngon. Nghe Khanh. Đừng ngại. Chuyện gì cũng có thể xảy ra được hết ráo. Ví đầu cầu ván đóng đinh, cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi, khó đi qua dẫn Khanh đi... Thành ra chẳng có chuyện gì quan trọng cả.

Hắn không nhớ rõ là mấy giờ thì bắt đầu giới nghiêm nhưng lúc hắn khất khưởng trở về nhà trọ thì trăng đã lên; một mảnh trăng mới hơi khuyết đi một miếng nhỏ. Hắn đếm những bước lâng lâng bên cô học trò gần gũi hơn cả những người thân nhất trong đời hắn. Cô gái thì thầm hát gì đó hắn cũng không rõ. Gió đêm thổi ù ù hai bên tai hắn. Chết mồ! Anh còn nhớ nhà trọ hôn? Nhớ chứ, kế bên nhà hàng ăn uống quốc doanh. À, đúng rồi. Say dữ rồi phải hôn? Đã biểu đừng uống nữa mà hổng chịu nghe. Coi chừng trúng gió chết mồ. Cô học trò vừa níu lấy tay áo hắn, vừa cằn nhằn. Hắn bay la dà trên lề đường lam nham đá vụn. Một chiếc xe lôi chạy vút qua, ném lại phía sau một cụm khói khét nghẹt và những âm thanh xé tung đêm tối. Vừa đẩy cửa bước vào, hắn đã nghe tiếng cằn nhằn của người chủ nhà. Đi đâu mà khuya khoắc dữ dzậy. Làm ơn gài cửa lại giùm tui.

"Dạ được, thím."

Hắn lè nhè trả lời và mò mẫm bước đi trong khoảng ánh sáng nhá nhem của ngọn đèn dầu nhỏ đặt ở phía bên trong cánh cửa của bức vách ngăn đôi căn nhà. Hình như người đàn bà ở trong đó. Hắn cảm thấy chóng mặt. Khanh lúng túng đỡ lấy vai, dìu hắn ngồi xuống. Bàn tay mát lạnh của nàng đở mép mùng lên, chạm khẽ vào má hắn, để lại cảm giác đê mê. Hắn nằm vùi đầu vào tấm chăn mỏng, thao láo hai mắt cay xè xăm xui vào bóng đêm, và mê thiếp đi trong một thoáng. Đêm trĩu nặng trên khoảng vuông xô lệch của chiếc mùng cũ hôi mùi mốc. Lúc sực tỉnh, hắn thấy Khanh vẫn ngồi co ro phía góc dưới chân hắn. Hai tay ôm vòng quanh đầu gối. Đầu gục trên cái vòng tay thắt chặt ấy. Tóc nàng rũ rượi phủ lòa xòa xuống trước mặt và hai bên vai. Trời ơi sao mà ngủ ngồi tội nghiệp thế này! Hắn chống tay ngồi dậy.

"Khanh à."

Nàng ngẩng đầu, rẽ tóc nhìn hắn. Bóng tối xóa nhòa khuôn mặt nàng, hắn chỉ thấy được lờ mờ tia sáng nhỏ trong đôi mắt khép hờ.

"Nằm xuống ngủ đi."

"Khanh ngủ... ngồi được rồi."

"Sao vậy?" Hắn thì thào.

"Kỳ quá hà."

"Coi chừng bà chủ nhà biết mình không phải vợ chồng, đuổi ra là kẹt lắm đó."

"Hổng sao đâu."

Hắn nặn óc suy nghĩ nhưng tìm không ra một lời thuyết phục khả dĩ nghe được. Chẳng lẽ lập đi lập lại cái câu cũ rích rằng chuyện gì cũng có thể xảy ra được. Hắn níu vai áo nàng, nàng trì lại, cứng cỏi, ngoan cố. Hắn cầm lấy bàn tay mềm mại của nàng (cái bàn tay thị thành chép thơ T.T.Kh; ghi nhạc Phạm Duy ấy,) nàng gỡ tay hắn ra bằng những móng sắc như lưỡi lam. Cuối cùng mệt quá, hắn lăn ra, xoay mặt vào vách gỗ, ngủ thiếp đi.

Nửa đêm, hay quá nửa đêm một chút, (hắn còn đâu óc nào mà nhớ chuyện giờ giấc cơ chứ, mấy chai bia quốc doanh cộng thêm một ngày quăng quật trên xe đò làm hắn mệt như bị tra tấn,) người con gái ngã nhào lên người hắn như một thân cây bị đốn ngang. Sức nặng của thân người gầy đổ làm hắn muốn tắt thở. Hắn mở choàng mắt, nhìn xoáy vào bóng đêm keo đặc. Khanh như một con ma cuống cuồng dở cái mền hắn đang đắp, lòn hai chân rồi cả thân người vào. Những móng chân dài cào sước bắp đùi hắn rát rạt. Người con gái ôm cứng lấy người hắn. Chân tay rời rã, hắn cũng cố xoay người lại, ôm nàng. Tiếng nàng hổn hển như sắp đứt hơi, "Anh ơi... con... chuột... cống bự quá..."

"Nó đâu? Nó đâu?"

"Nó cạp..." nàng ép sát thân thể vào người hắn. "Nó cạp... ngón chân em... ghê quá!"

Trong khoảnh khắc hắn bừng tỉnh. Tất cả con người hắn cùng thức dậy một lúc. Thân thể người con gái mềm mại. Hừng hực nóng. Con chuột cống. Đôi môi mềm ướt. Những con chuột cống sục sạo đi ăn đêm. Vòng tay khép chặt. Áo mỏng như tơ. Chiếc áo ngực tân thời không có dây, từ nước ngoài gửi về, chỉ ở thành phố mới có bán. Những con chuột cống dễ thương, mập mạp, bước đi ì à ì ạch. Chuyện gì cũng có thể

xảy ra được Khanh biết không. Hắn không bỏ phí một giây đồng hồ nào. Không một giây nào bị bỏ phí. Hắn sợ trời mau sáng. Hắn sợ những con chuột cống thôi đi ăn đêm. Nền xi măng cứng. Đôi mắt khép hờ. Trời ơi biết bao lâu nay chỉ dám nhìn Khanh mà mơ tưởng. Khanh mềm; Khanh cứng, Khanh co duỗi quanh co những vướng víu, có ai mà nề hà chút gian nan cố chấp. Những con muỗi vo ve bên ngoài chiếc mùng vá víu chằng đụp. Lưng em cấn cục gạch dau quá hà. Con chuột cống đi ăn đêm. Con chuột cống dễ thương. Những chai bia quốc doanh. Dĩa đồ nhậu toàn đầu tôm đầu tép khô. Chén cháo lòng lỡ tay bỏ nhiều ớt cay xé miệng môi, ăn hoài không hết. Kỳ quá hà. Không sao, không sao. Chuyện gì cũng có thể xảy ra. Chuyện gì cũng... Chuyện gì... Chuyện... Tất cả mọi chuyện...

Buổi sáng bắt đầu bằng tiếng xe gắn máy chạy ngang và tiếng người nói chuyện lao xao ngoài đường, nhưng hắn không cách nào thức dậy nổi. Mãi đến khi tiếng loa phóng thanh rộn ràng ngoài đường phố, hắn mới khe khẽ trở mình. Cánh tay trần người con gái vắt ngang ngực hắn nàng nặng. Chuyện gì xảy ra vậy nè. Đầu hắn nặng như đeo đá. Lần nào uống rượu, uống bia xong, hắn cũng thấy bần thần. Hắn hé mắt nhìn qua khe cửa. Bóng tối nhá nhem bên ngoài. Hình như còn sớm lắm. Hắn ngủ dã được bao lâu đâu. Hai mắt còn cay xè.

"Khanh à, thức chưa Khanh!"

Hắn khẽ lay nhẹ đôi vai tròn, trắng nhờ nhờ trong tầm tay của hắn. Đôi mắt người con gái hé mở. Những sợi tóc lòa xòa trước trán. Nụ cười nở hé trên môi. Nụ cười tối thui trong bóng tối nhòe nhoẹt.

"Còn sớm mà."

Nàng nói và ôm ghì lấy hắn. Đệ tử ơi là đệ tử ơi. Sư phụ lại chết thêm một lần nữa mất thôi. Hắn luồn tay xuống dưới mép tấm chăn mỏng. Nàng cong người rúc rích cười trong cổ họng như chuột rúc. Hắn sẵn sàng. Nàng chắc cũng sẵn sàng lắm rồi. Bỗng dưng, có tiếng guốc loẹt xoẹt phía nhà sau. Người đàn bà tròn như trái dưa gang lù lù bước ra từ bóng tối. Cây đèn dầu tỏa ánh sáng trên tay. Ánh sáng xuyên vào bóng tối gian nhà. Ánh sáng đục thủng làn vải mùng thưa vá víu chằng đụp, soi sáng nét hoảng hốt trên mặt nàng. Ánh sáng thắp sáng luôn cõi tăm tối lòng hắn.

"Thức được rồi, cô cậu."

Và người đàn bà làm một công việc bất lịch sự mà chưa hề một ai nỡ

làm với hắn: Sau khi đặt chiếc đèn dầu xuống đất, mụ thong thả gỡ những dây chăng bốn góc mùng buông xuống. Hắn và người con gái nhùng nhằng bên trong như hai con cá mắc lưới.

Thôi thì cũng được rồi. Hắn tự nhủ. Cả đêm hôm qua, còn muốn gì nữa chứ. Tham lam quá không tốt. Hắn lồm cồm ngồi dậy, cuốn mền trong lúc nàng cuống quýt mặc đồ. Những lúc tình cờ giáp mặt, hắn cố liếc nhìn khuôn mặt nàng và lúc nào cũng bắt gặp một nửa nụ cười thanh thản.

Lúc ngồi trên xe lôi, chạy ra bến xe, hắn choàng tay qua vai người con gái, nói bâng quơ, "Đêm qua ngắn quá là ngắn!" Cô gái chỉ lặng thinh với nụ cười nửa miệng. Xe chạy bon bon qua những đoạn đường lở lói, dằn xóc kinh hoàng. Hắn cố đoán xem cô học trò của hắn đang nghĩ gì. Cái im lặng nặng nề của cô có phải là một dấu hiệu của sự ăn năn, hối tiếc. Hắn khẽ bóp bóp bờ vai cô gái. Niềm thương cảm tràn ngập lòng hắn. Có gì đâu mà phải lo âu. Lỡ có gì, mình sẽ làm đám cưới. Chuyện gì cũng có thể xảy ra được hết. Qua cũng thương em lắm chớ bộ. Hồi đêm, qua dại quá. Khi không lại đi uống bia cho say mèm. Nhưng em đừng có lo. Qua có người bà con rất rành về thuốc nam. Chuyến này về dưới ấy, qua sẽ xin một số vị thuốc...

Chiếc xe lại vấp thêm một ổ gà khác, làm hai người muốn nhảy nhổm lên trong xe. Nàng bị quăng sát vào người hắn. Chao ơi cái thân thể mềm mại ấy! Nghĩ là cô gái buồn -sau cái lần đầu tiên ấy, người con gái nào cũng buồn tê buồn tái- hắn tìm lời an ủi.

"Sao không nói gì vậy Khanh. Nhớ lời anh dặn không? Chuyện gì cũng có thể xảy ra được hết. Đừng buồn."

Cô gái chợt vén cánh tay áo lên, đưa cánh tay trắng no tròn lấm tấm những vết đỏ cho hắn xem.

"Hồi đêm muỗi chích muốn chớt!"

"Uả, sao... anh không bị?"

"Thày lấn em ra tới sát vách mùng."

Hắn xoa nhè nhẹ lên những vết muỗi sưng tấy trên cánh tay người con gái. Da con gái sao lúc nào cũng mát rười rượi vậy nè!

"Vậy sao? Mai mốt không lấn nữa đâu." Hắn trấn an nàng, và tiếp bằng một câu chẳng ăn nhập gì đến chuyện muỗi mòng, "Đêm qua ngắn quá, phải không Khanh?" Cô gái chợt xoay qua nhìn hắn. Hai mắt mở lớn, đôi môi hé, ngập ngừng như đang ngậm một câu khó nói. Hắn kiên

nhẫn chờ. Im lặng một chút, cô quay ngoắt đi, nói; như nói với khoảng không:

"Thày... yếu xìu!"

Hắn chới với nhìn theo mái tóc chảy xuôi óng ả trên bờ vai thon của cô học trò, (chao ơi là bờ vai nuột nà!) Miệng hắn trễ xuống (in hệt những lúc bị học trò bắt bẻ một câu khó trả lời trong lớp học) để gió lùa vào mùi dầu xăng và khói xe khét lẹt.

Giọng cô học trò chìm trong tiếng xe lôi, tiếng người nói chuyện lao xao, nghe loáng thoáng như một tiếng thở dài ai oán:

"Thày... yếu xìu. Thua cả... thày... tổng giám thị nữa!"⊙

hoàng chính

LƯU HY LẠC

Lên chùa

Ngày em, về. Lễ sớm chiều
chỗ đời trọ, với ít nhiều mây, hoa
mỗi đêm đợi, tâm thật thà
nghe bài kệ lẫn tiếng gà, cơ mang

hóng, ơi cơm nước. Trễ tràng
kinh một máng, nắng hong vàng chữ, son
xuống suối đò lẽ mất, còn
em ngồi niệm ở chon von đốc, trời.

SONG THAO

phận người

Giả thử bạn có một tên bạn nối khố từ hồi còn đi học ba bốn chục năm về trước nay bạn gặp lại hắn ở thành phố Montréal này thì chuyện gì sẽ xảy ra? Mấy chục năm cách biệt dễ gì bạn đã nhận ra tên bạn từ thời xa xôi đó. Cái gọi là thời gian ít khi trễ nải bổn phận lắm. Thế nào nó cũng đẽo gọt chút đỉnh làm khuôn mặt tên bạn của bạn khác đi một chút. Lại nữa, sang tới bên đây tên nào cũng có khuynh hướng tăng thêm thể tích, nhất là những tên trên dưới năm chục tuổi đời. Chút thịt thêm thắt này đôi khi cũng sinh ra nhiều chuyện lắm. Nó là bằng chứng của một cuộc sống ổn định tự mãn. Vô phúc bạn lại là một anh HO vừa lớ ngớ mò sang hoặc bạn là một tên đi tản chậm chạp vừa rời đảo qua và bạn lại vừa tinh mắt vừa có tính nhanh nhẩu vồ vập tên bạn cũ thì bạn có thể sẽ hối hận. Nhiều phần bạn sẽ nhận được một cái bắt tay lỏng lẻo, một lời chào hỏi phải phép, vài câu xã giao nhạt nhẽo trước khi người bạn khéo léo vén tay nhìn đồng hồ rồi cáo từ trước cặp mắt ngỡ ngàng của bạn.

Trường hợp tôi gặp Ngọc lại khác hẳn. Tôi mới đặt chân tới thành phố này chưa được bao lâu, nước da chưa nhả hết cái nắng vùng nhiệt đới, khuôn mặt chưa xóa đi được nét khắc khổ của thời gian dài sống với các anh cối bên nhà, và đôi mắt vẫn còn ngơ ngác trước cuộc đời mới. Chung quanh tôi người ta đang rộn ràng ăn tết. Cả chục ngàn người quần là áo lượt đi lui đi tới khiến khu *Complexe Desjardins* thường ngày rộng là thế mà hôm nay co lại như một chiếc túi chật chội bí rị. Giữa trùng trùng lớp lớp những chiếc đầu đen nhấp nhô chuyển động đó tôi nhìn ra ngay cái đầu của Ngọc dù đã trên dưới ba chục năm chúng tôi không gặp nhau. Chẳng phải là vì tôi có một cặp mắt làm nản lòng những tiệm bán kiếng mà vì cái đầu ngày xưa chúng tôi vẫn giễu cợt là đầu cá trê cho tới bây giờ nó vẫn là cái đầu cá trê. Nhìn từ phía sau chiếc đầu như một bức tường có cây leo chằng chịt bị sóng gió thời gian xô nghiêng như có thể đổ được bất cứ lúc nào. Nhìn từ phía trước nó như mũi một chiếc tàu thủy vừa làm được một kỳ công là chui từ trong tường ra mà không hề bị sứt mẻ một chút xíu nào cả. Cái đầu mà hồi đi học chúng tôi vẫn giỡn là

chỉ cần nhìn vào đã biết ngay Ngọc là một dân di cư vô Nam bằng tàu há mồm một trăm phần trăm chẳng chệch đi đâu được.

Tôi cố chen chúc tiến tới gần cái đầu của Ngọc. Cũng khó khăn vất vả lắm. Như cố gắng lội trên mặt biển để bắt một trái banh đang bị sóng biển xô đi mỗi lúc một xa. Nỗi háo hức của tôi quả có làm phiền những người chung quanh. Bước chân tôi có lúc đạp lên giày người khác, cánh tay tôi có lúc mạnh bạo gạt ngang gạt dọc, cái lưng tôi có lúc húc càn như một người xa lạ với phép lịch sự. Kết quả là tôi cũng thu góp được không ít những khuôn mặt giận dữ, những cái liếc xéo thiếu cảm tình, những tiếng lầm bầm tức tối và đôi khi cả những câu mai mỉa tím người. Ngày tết mà ôm cả đống bực mình của thiên hạ vào người thì thật không vui. Nhưng biết làm sao được. Tôi phải nắm được cái đầu cá trê trước mặt bằng bất cứ giá nào. Cuối cùng tôi cũng ở bên cạnh cái đầu của bạn tôi. Tôi nhích lên phía trước nhìn ngược lại cho chắc ăn rồi nắm vai Ngọc hỏi như reo:

– Ngọc phải không?

Ngọc nhìn sững tôi. Ánh mắt chuyển từ ngạc nhiên sang mừng rỡ. Cánh tay nhúc nhích như muốn ôm chầm lấy tôi nhưng không được. Cả hai tay anh còn bận ôm một thùng các tông vuông vức nặng nề. Nhận ra đôi cánh tay vướng víu như bị trói chặt vào chiếc thùng mặt Ngọc bỗng đỏ ửng lên. Anh chàng ngượng. Tôi bắt gặp lại khuôn mặt dộng một chút là mắc cở thời xưa. Ngày xưa khuôn mặt này được chúng tôi gọi là khuôn mặt con gái. Và Ngọc có huê danh là cô Ngọc. Dĩ nhiên đường đường một đấng nam nhi râu mép đã lún phún đâm ra mà bị gọi là con gái thì ai mà chẳng tức tối. Ngọc đã từng liều lĩnh buông ra những câu chửi lại. Nhưng cái lối chửi của Ngọc dù liều lĩnh tới đâu cũng nhẹ hều. Lối chửi của những đứa con gái. Thấm gì với những tên đầu trâu mặt ngựa nhất lớp. Và cô Ngọc vẫn hoàn là cô Ngọc. Tôi còn nhớ mãi hồi đó chính phủ Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch truất phế Bảo Đại. Trường Chu Văn An tổ chức một buổi đưa học sinh đi vận động đồng bào bỏ phiếu truất phế tại khu Phú Thọ Hòa. Đêm đó chúng tôi phải ngủ đêm tại chỗ để tổ chức đốt lửa trại. Giữa khuya, lúc đồng bào đã giải tán, chúng tôi ngồi ăn cháo do nhà trường dãi. Chuyện qua chuyện lại, mũi dùi châm biếm lại chĩa vào Ngọc. Đứa tung đứa hứng mấy tên khu nhà lá trong lớp làm Ngọc tức phát điên người. Ngọc càng chửi chúng càng chọc tức. Ngọc đỏ mặt tía tai bất thần cởi thắt lưng tụt quần xuống giơ

chim ra tức tưởi nói: "Đây này, đứa nào bảo ông nội mày là con gái thì nhìn đây!" Cả bọn ôm bụng cười ngặt nghẽo. Tiếng cười oang oang vọng ra giữa đêm khuya làm mấy con trâu nằm ngủ trong chuồng gần đó nhớm nhác đứng lên kêu nghé ngọ ầm ĩ. Ngọc chạy vào một góc tối giữa những đống rơm đứng khóc ngon lành như một đứa trẻ.

Hàng ria mép lún phún mềm oặt nay đã thành những chân râu biếng cạo lấm chấm chỗ trắng chỗ đen. Khuôn mặt có những vết xếp nếp thời gian tuy vậy vẫn còn giữ nguyên vẻ lúng túng thuở xưa. Tôi cầm cánh tay Ngọc kéo ra một góc vắng người. Ngọc khó khăn cúi người thả chiếc thùng các tông xuống sàn nhà, đang hai tay lay hai vai tôi:

– Tôi đâu có ngờ gặp lại cậu ở đây. Bạn cùng lớp tụi mình ngày xưa biến đi đâu hết mà tôi chẳng gặp thằng nào cả. Gặp lại cậu mừng quá!

Ngọc bóp mạnh hai vai tôi lắc thêm một hồi nữa. Chiếc đầu cá trê gật gù cùng với nụ cười không nở ra trọn vẹn. Tôi liếc nhìn Ngọc. Chiếc áo lạnh dày cộm cũ kỹ đã ngả màu dài tới gần đầu gối phủ lên chiếc quần màu xanh nhạt nhầu nát. Đôi giầy bốt thô kệch lốm đốm những vết dơ trắng dục được cột bằng sợi dây dơ dáy. Ngọc có vẻ ngượng nghịu trước tầm mắt tôi. Anh lúng túng hỏi:

– Cậu qua hồi nào vậy?

Tôi thở dài:

– Chậm chân lắm. Mới được có tám tháng.

Ngọc nhích ra một chút để nhìn rõ từ đầu tới chân tôi:

– Mới có tám tháng! Thế mà trông bảnh chọe hơn cái thằng đã uống nước Montréal tới mười tám năm nay rồi.

Tôi đâm ngượng với chính mình. Chẳng là sáng nay trót dại dánh nguyên một bộ com–lê cà vạt cho có vẻ tết nhất. Tôi dánh trống lảng:

– Cậu còn nhớ thằng Tùng không nhỉ?

Ngọc lặng lẽ gật đầu. Tùng là tên đầu sỏ của đám bạn bè trêu chọc Ngọc ngày xưa. Huê danh cô Ngọc cũng là tác phẩm của tên này. Một thoáng lưỡng lự rồi Ngọc cười cười hỏi tôi:

– Bây giờ nó ở đâu?

– Nó qua Mỹ trước tôi hai tháng. Tuần trước có điện thoại cho tôi. Nó có nhắc tới cậu.

Ngọc đi đi đôi giầy trên sàn nhà, đầu cúi xuống, mất tự lự:

– Kể bây giờ gặp lại nó cũng hay!

Tôi nhếch miệng đùa:

– Cậu không sợ nó chọc cậu nữa à?

Ngọc cười. Không phải nụ cười tự tin của người đã thoát ra được cái mặc cảm bị trêu chọc mà là nụ cười giả lả của người an tâm vì tai họa còn nằm ở một nơi chốn rất xa xôi. Vả lại chắc đứng cạnh tôi Ngọc cũng vững lòng hơn. Ngày xưa tôi đã chẳng từng là bức tường chắn bảo vệ Ngọc khá hữu hiệu sao? Tôi và Ngọc ngồi cạnh nhau. Những lúc Ngọc bối rối khổ sở đều có tôi chống đỡ cho Ngọc. Ngọc cũng không để tôi thiệt thòi. Nhà Ngọc có một tiệm tạp hóa nho nhỏ, thỉnh thoảng Ngọc lại giúi cho tôi một bao thuốc lá thơm. Ở cái thời mà năm bảy đứa trốn ra sau hè chia nhau một điếu thuốc lá thì nguyên một bao thuốc kể ra cũng là một cách trả công khá hậu hĩnh. Tôi chỉ vào chiếc thùng giấy hỏi:

– Mua gì mà ôm một thùng lạc lè như vậy? Thuốc lá chăng?

Ngọc ngơ ngẩn không bắt được mảnh hồi ức của tôi. Anh lúng túng giải thích:

– Mua gì đâu. Bà xã tôi có một gian hàng trong này. Tôi ôm hàng của bà ấy đấy chứ. Toàn bánh chưng không, nặng như cái cùm. Cậu có thích lấy một cặp ăn chơi. À quên, để tôi hỏi bà ấy đã không lại làm ầm lên mệt lắm.

Tôi sững người nhìn Ngọc. Mấy chục năm mới lại gặp nhau sao bạn tôi lại ăn nói tào lao như vậy. Tôi gạt ngang:

– Thôi cậu đừng bày vẽ nữa. Cậu đưa tôi tới giới thiệu với bà xã cậu đi chứ.

Ngọc như có vẻ ngại ngần. Môi anh run run lắp bắp:

– Thôi cậu ạ!

Tôi ngạc nhiên nhìn Ngọc. Ngọc như cảm thấy cặp mắt mở rộng của tôi. Anh luống cuống chống chế:

– Bà ấy bận buôn bán nên hay gắt gỏng lắm.

Bù trừ là luật của trời. Chẳng ai có tất cả mà cũng chẳng ai mất tất cả. Được cái này thì hỏng cái kia. Cha ăn mặn thì con khát nước. Cha dạy học con bán sách. Anh nhiều tiền thì bói không ra một đứa con. Anh đẻ sòn sòn thì tiền chẳng bao giờ thấy bén mảng tới nhà. Chồng khôn thì vợ dại. Chồng hiền thì vợ dữ. Lộc trời cứ san sẻ đều như vậy. Thì cũng

được đi. Nhưng trong trường hợp của Ngọc thì luật bù trừ đúng là tác phẩm của một ông trời không tim.

Nhìn vào khuôn mặt sát sạt của Vân, vợ Ngọc, chẳng ai có thể làm lơ được đôi mắt sắc lẻm nằm dưới cặp lông mày rậm và xếch như một con dao mác được mài bén. Đôi mắt khi quắc lên thì đá cũng phải đổ mồ hôi chứ kể chi cái anh chàng Ngọc bạn tôi. Tôi đã chạm vào đôi mắt đó khi cùng đi với Ngọc lại quầy hàng của vợ anh. Vừa trông thấy bóng Ngọc, Vân đã quắc mắt lên nhìn chăm chăm vào chồng. Cặp mắt như hai đốm lửa nóng bỏng. Ngọc bị chảy ra thảm hại. Máu trên mặt anh chạy trốn hết. Lưng anh đổ xuống vì sức nặng của thùng bánh chưng. Anh chậm chạp tiến tới chân nhấc không muốn nổi. Vân lớn giọng chì chiết, hai hàm răng rít lại:

– Tưởng ông nội chết đường chết chợ rồi chứ! Sai về lấy có thùng bánh mà bò mãi không ra. Làm ăn chỉ có một ngày mà gặp cái ngữ ăn hại này thì còn nước non gì nữa. Trời ơi là trời!

Ngọc đứng như trời trồng. Tôi chẳng nhìn thấy một phản ứng nhỏ nhoi nào nơi anh. Tôi thấy bất nhẫn vội lên tiếng:

– Thưa chị, tôi là bạn học cũ của anh Ngọc, mấy chục năm mới gặp lại nhau nên tôi giữ anh lại nói chuyện. Cho tôi xin lỗi vì tôi không biết chị chờ anh Ngọc.

Khuôn mặt đang bừng bừng sát khí của người đàn bà bỗng chùng lại như một thỏi sắt nung đỏ bị nhúng vào nước. Cái miệng vừa buông những lời thậm tệ đã vẽ ra ngay được một nụ cười tươi tắn:

– Anh là bạn học cũ của anh Ngọc tôi à? Quí hóa quá! Chúng tôi bận làm ăn buôn bán nên ít bạn bè. Gặp anh chúng tôi mừng lắm. Mời anh lúc nào rảnh ghé qua nhà chơi. Để anh Ngọc tôi cho anh địa chỉ.

Một vài khách hàng tới mua đô. Vợ Ngọc lăng xăng bán hàng miệng nói tía lia ngọt sớt.

Tôi đứng ngỡ ngàng trước sự thể xảy ra trước mắt. Cùng một khuôn mặt mà sao phút trước khác hẳn phút sau. Cứ như hai cái mặt nạ úp ngược nhau lúc thiện lúc ác. Bạn tôi mà đụng vào người đàn bà này thì chỉ có nước đẹp lép. Tôi nhìn sang Ngọc. Anh như một chú học trò bị kêu lên trả bài trong bụng không có một chữ mặt tái xanh đứng chào cờ chờ hình phạt của cô giáo. Tôi cảm thấy thương bạn tôi quá. Tôi nhủ lòng phải bênh vực anh như tôi đã từng bênh vực anh ngày xưa lúc hai đứa còn mài đũng quần trên ghế nhà trường.

Ngọc và tôi hồi đó kể cũng có duyên với thi cử. Tú tài một, tú tài hai, cả hai chúng tôi cùng đậu cái rụp. Lên đại học Ngọc thi đậu vào Quốc Gia Hành Chánh. Việc Ngọc học Quốc Gia Hành Chánh làm tôi ngạc nhiên. Bản tính nhút nhát e lệ của Ngọc thì cai trị được ai. Lại nữa, chốn quan trường người ta kèn cựa nhau từng chút, bạn tôi sẽ ứng xử ra sao trong cuộc sống nhiều bon chen đó. Tôi e ngại Ngọc sẽ hụt hẫng trong vòng danh lợi. Anh chẳng thể nào không là kẻ chịu nhiều thiệt thòi. Tôi xăng giọng hỏi Ngọc:

– Sao cậu lại chọn Quốc Gia Hành Chánh?

Ngọc lấm lét như người bị bắt quả tang phạm lỗi. Anh tránh ánh mắt tôi, nhỏ nhẹ nói như thú tội:

– Vì họ cho học bổng. Mình cần tiền!

Câu trả lời của Ngọc làm tôi bối rối. Ngọc không có quyền chọn tương lai. Anh chỉ biết đối phó với hiện tại. Cách đối phó của Ngọc là cách tự vệ của một con rùa. Cất cái đầu và bốn chân vào trong mai. Rồi thì mọi sự sau đó mặc cho thế sự xoay vần.

Đứa nào trong chúng tôi hồi đó mà không cần tiền. Mới di cư vào Nam chưa được bao lâu, cha mẹ chúng tôi còn đang vất vả với cuộc sống mới. Nuôi con ăn học cho tới tú tài đã là cả một cố gắng của những di dân mới. Tôi cũng cần tiền nhưng tôi có thể chạy vạy đi kiếm một chân kèm trẻ tại tư gia hoặc xin dạy giờ tại các trường lấy tiền đi học. Và tôi đã chọn được ngành học đúng sở thích mà không vất vả lắm về chuyện tiền bạc.

Ngọc thì không thể như vậy được. Bảo anh xoay sở kiếm tiền nuôi thân ăn học thì có khác nào ném một người chưa biết bơi xuống nước. Anh sẽ bị ngộp với cuộc sống, sẽ vùng vẫy một cách vô vọng trước khi bị chìm lỉm.

Khi Ngọc tốt nghiệp Quốc Gia Hành Chánh thì tôi nhận được học bổng đi du học. Chúng tôi mất liên lạc. Tôi cắm cúi trên chồng sách vở bằng thứ tiếng ít nhiều lạ lẫm nên chẳng còn nhiều thời giờ cho thế giới bên ngoài. Những tin tức về Ngọc tôi nhận được đều là do thư của những tên bạn cũ.

Ngọc khởi đầu cuộc đời Phó Quận khá thuận lợi. Anh học giỏi, ra trường đỗ hạng cao nên được về trấn nhậm tại một quận ven đô Sài Gòn. Đường hoạn lộ của anh cũng càng ngày càng lên cao. Từ ven đô anh cứ leo theo dường núi phía tây nhích lên dần. Khi tôi trở về nước thì Ngọc

đã leo tít lên tới một quận heo hút trên miền núi. Chẳng ai có tin tức chính xác gì về anh. Anh sống như thế nào tôi hoàn toàn mù tịt. Ngọc như một cái bóng mờ đôi lúc tạt qua trong trí tôi. Cái bóng dễ dàng bị cả núi công việc của một đời sống bận rộn dè chìm lỉm mất tiêu.

Chỉ tới khi đất nước tan tành, bó thân vào trại tù cải tạo gặp lại Tùng tôi mới được biết thêm tin tức về Ngọc. Tùng say sưa nhắc lại những tháng ngày cũ nơi trường Chu Văn An. Bất thần hắn nhếch miệng cười hỏi tôi:

– Mày còn nhớ thằng "cô" Ngọc không?

Tự nhiên tôi cảm thấy câu nói của Tùng thậm vô duyên. Tôi bỗng giận ngang:

– Nhờ anh tí! Hồi đó nếu không có tao chắc tụi mày đã ăn thịt nó rồi. Trông thấy cái bản mặt mày là tao đã thấy bực cho thằng Ngọc. Không nhớ sao được!

Tùng toét miệng nhúc nhích hàng ria mép hạ giọng:

– Thế mà nó có vợ rồi lại có con nữa. Mà con trai đàng hoàng đấy.

Câu nói của Tùng nghe ra như một câu châm biếm mỉa mai. Hắn nhìn sững tôi. Khuôn mặt nhẩn nha chờ dợi cho tôi thấm thía nét ẩn giấu nằm bên trong câu nói. Tôi tỉnh bơ trêu chọc:

– Thì đã sao? Mày đã từng được coi chim nó rồi mà.

Tùng phá lên cười. Hình như cái hoạt cảnh đêm nào ở Phú Thọ Hòa vẫn chưa nhạt phai nỗi thú vị trong hắn. Hắn chấm dứt tràng cười lấy tay bịt miệng nói nhỏ:

– Tao nghi không phải là con nó.

Tôi giật mình. Chẳng lẽ cuộc đời lại ném cho Ngọc thêm một lần thiệt thòi nữa sao. Tôi bối rối hỏi Tùng:

– Sao mày biết?

Tùng tỉnh bơ cúi xuống nhặt một cục đất ném vào một chú chim đang vội vã sục mỏ vào luống rau muống của tổ hắn trồng. Chú chim hốt hoảng xoải cánh vẽ một đường thẳng tắp lên không trung. Tùng buông một câu chửi gọn gàng:

– Đụ mẹ. Trông mà ngứa mắt. Thứ này vặt lông nướng cho vàng xé ra chấm muối tiêu thì đã thấy ông bà ông vải luôn.

Một năm trong tù khó nhìn thấy mặt miếng thịt làm tôi nuốt nước miếng khan trước câu nói béo ngậy của Tùng. Tùng nhìn thấy cái cần cổ nhấp nhổm lộ liễu của tôi cười nhạt nói:

– Mẹ kiếp! Đúng là ở đời hơn nhau cái "numéro" mày ạ. Khôn ngoan như mày với tao thì bó thân trong tù nghĩ được ăn miếng thịt chắc sướng hơn được ôm vợ. Còn khạc khà khạc khừ như thằng Ngọc thì bây giờ phây phây ở ngoại quốc.

Tôi nghĩ trong bụng. Thằng nào đi được thì sướng thằng ấy. Nhưng sao như có chút buồn phiền trong lòng. Trong cái tận cùng của khổ nhục con người thiếu hụt nhiều thứ lắm. Tôi thầm trách mình. Như muốn thoát ra khỏi những so đo hèn hạ, tôi vội hỏi Tùng:

– Thằng Ngọc tếch được à?

Tùng nhìn tôi với con mắt khinh khỉnh:

– Bộ nó còn đợi mày nữa hay sao?

Thằng này có lối nói chuyện thật mất dạy. Tôi muốn mắng vào mặt nó mấy mắng nhưng tôi còn cần biết thêm tin tức về Ngọc nên nói lửng lơ:

– Thằng đó cái gì cũng chậm chạp mà lúc cần dọt sao nó dọt lẹ thế. Tuốt tận trên núi mà bay được!

Tùng bĩu môi nhìn tôi:

– Cái ngữ nó mà làm được gì. Nó nhờ con vợ nó hết.

Nghe cái giọng dè bỉu của Tùng, tôi nổi cơn chọc tức hắn:

– Số nó như vậy là số thân cư thê. Tốt! Nó có vợ quí như vậy mà mày còn chê nỗi gì?

Tùng nổi đóa:

– Mày đíu biết gì cả! Vểnh tai nghe tao nói cho mà biết. Vợ nó là cháu ông Tỉnh Trưởng xếp của nó. Ông Tỉnh thấy ông Phó Quận chân chỉ hạt bột nên nhờ người dò hỏi nó. Thằng Ngọc đang cu ki một mình nơi đìu hiu cô quạnh muốn vợ muốn chết mà đâu có biết tán gái. Thấy có của dâng sẵn thì gật đầu liền. Mà em người ngợm cũng ngon lành lắm. Chỉ phải cái tội mặt trông hơi dữ. Lại phải thêm một cái tội là bụng dã ôm một tác phẩm của một chàng Không quân hào hoa bay nhanh như chớp. Đám cưới nó bên nhà gái lo hết. Lại lo nhanh như là một đám cưới chạy tang. Nhanh như vậy mà vợ nó vẫn sanh non một đứa con trai.

Tùng cất giọng cười khoái trá. Làm như diễn tả thêm được một chi tiết đắc ý chứng tỏ anh chàng Ngọc đúng là "cô" Ngọc là một niềm vui lớn lao của hắn. Tôi bỏ ngoài tai tiếng cười, gạt khỏi mắt cái miệng toang hoác thú vị, lòng bỗng cảm thấy thương Ngọc vô kể.

Ngọc ngồi trước mặt tôi vẫn giữ cái vẻ ngờ nghệch từ hồi còn đi

học. Anh xoay xoay ly cà phê trước mặt, đôi tay bối rối vụng về. Anh nhỏ nhẹ bảo tôi:

– Cậu đừng nói chi với thằng Tùng về chuyện của tôi nghe.

Tôi trấn an Ngọc:

– Nói làm chi! Mà mắc mớ chi cậu sợ nó dữ vậy?

Ngọc chống chế:

– Chẳng phải sợ nhưng tôi muốn được yên thân.

Suốt đời bạn tôi chỉ mong được yên thân nhưng cuộc đời luôn luôn cuốn quanh Ngọc những vòng chỉ rối. Ngọc mới tâm sự với tôi về cuộc sống gia đình anh. Những gì anh nói, tôi đã nhìn thấy ngay từ lần đầu tới cửa tiệm tạp hóa của vợ chồng anh. Vân ăn mặc đẹp đẽ, mặt mũi trang điểm kỹ càng, đầu tóc bới cao cứng ngắc như sắp đi dự dạ hội. Nàng vồn vã đon đả với mấy bà khách, liếc mắt đong đưa với mấy ông khách. Cho người này một chút dịu ngọt, người kia một chút tình tứ. Trong khi đó Ngọc xốc xếch trong bộ quần áo cũ mèm, chiếc mũ len úp chụp xuống đến tai, quì mọp xuống sàn nhà bận rộn sắp xếp lại từng hũ tương, từng chai nước mắm hoặc cong lưng đí mũi vào những bao cá, bao thịt đông lạnh. Anh luôn tay luôn chân chẳng lúc nào nghỉ. Thỉnh thoảng anh giật mình với tiếng sai bảo the thé của vợ, rón rén lấy đồ đưa tới quầy tính tiền. Trời mùa đông cắt da cắt thịt mà Ngọc cứ phải ra vào xoành xoạch. Lúc đi lấy hàng, lúc đi giao hàng tới nhà cho khách. Khuân vác nặng nhọc cồng kềnh. Da thịt chịu lạnh từng chập làm anh hắt hơi sổ mũi thường xuyên. Người anh đầm đặc mùi dầu gió.

Tôi thấy bất nhẫn cho bạn. Có chút thời giờ rỗi rảnh là tôi tới tiệm tạp hóa lấy cớ mua chút đồ nán lại nói chuyện với vợ chồng Ngọc. Tôi ngầm hy vọng là sự có mặt của tôi làm Ngọc dễ thở hơn. Dù sao Vân cũng nể tôi tí chút. Quả vậy, mỗi lần tôi đến là Ngọc như trút được gánh nặng. Vân vui vẻ chuyện trò với tôi, đôi khi còn cười đùa giỡn cợt nên quên béng la hét anh chồng. Lợi dụng cảm tình của Vân tôi đỡ đòn cho Ngọc và có lúc còn nhắc cho Vân nhớ dù sao ông Phó Quận Ngọc cũng đã bảo bọc mẹ con nàng hồi ở Việt Nam. Vân bĩu môi dè bỉu:

– Xí! Anh tưởng hồi đó tôi sướng lắm đấy hả? Mà thôi chuyện ngày xưa bỏ không nói tới làm chi nữa. Bây giờ mà không có con này thì cha con ông ấy treo mỏ từ lâu rồi!

Nói thì nói vậy chứ Vân cũng có chút thay đổi. ít nhất mỗi tuần tôi cũng "mượn" được Ngọc đi uống cà phê với tôi một hai lần. Những giờ

phút ngồi với tôi trước ly cà phê là những giờ thoải mái nhất của Ngọc. Anh có cơ hội để tâm sự với tôi, thổ lộ những bực dọc trong cuộc sống hằng ngày. Một cách để anh xả bớt những ưu phiền của một người chồng không được nể trọng. Thấy vẻ lụn bại của bạn nhiều lúc tôi cũng không kềm giữ được bực tức:

– Thì cậu cũng phải làm sao chứ chẳng lẽ cứ bẹp dí như vậy suốt đời.

Ngọc đăm đăm nhìn tôi. Tôi đọc được tất cả vẻ nhẫn nại trong cặp mắt tối tăm đó. Anh thở dài trả lời:

– Có tôi làm cục kê thì thằng con đỡ khổ. Cũng vì thương con cậu ạ!

Vợ chồng Ngọc chỉ có một con trai độc nhất. Thằng con mà Tùng bảo vợ Ngọc đã sanh non. Vịnh năm nay đã ngoài hai mươi, đang học đại học. Ngoài giờ học nó cũng phải ra trông hàng phụ với mẹ. Con một mà coi bộ không được mẹ cưng chiều. Vân khắt khe với thằng con chẳng kém gì với chồng. Hai cha con như hai đám cỏ dại nép mình dưới gốc cây cổ thụ là Vân. Bao nhiêu ánh nắng mặt trời cây hứng hết. Đám cỏ dại suốt đời sống phận bạc bẽo. Hai cha con hằng ngày chia nhau những lời cay đắng. Thằng con cũng chịu đựng chẳng kém gì ông bố. Tôi ít khi thấy được nụ cười trên khuôn mặt bánh bao dễ thương của Vịnh. Lúc nào nó cũng nem nép thủ thế. Miệng mồm chỉ biết có vâng dạ. Cặp mắt chẳng dám nhìn thẳng vào ai. Tay chân luôn luống cuống sợ sệt.

Hai cha con cùng chịu những trận bão cuồng nộ của Vân nên dễ gần nhau. Ngọc thương con một cách lạ lùng. Hình như tất cả lẽ sống của anh nằm nơi Vịnh. Tôi đã có lần đọc được ánh mắt nửa thương hại nửa giận dữ của Ngọc khi anh đứng nhìn Vân la mắng con. Tôi có cảm tưởng nếu một ngày nào đó Ngọc dám đương đầu với vợ thì lý do chắc không ngoài tình thương dành cho đứa con. Câu nói mỉa mai của Tùng lảng vảng trong đầu tôi. Tôi buột miệng hỏi Ngọc:

– Cậu thương con như vậy mà lại chỉ có một đứa thôi nhỉ?

Ngọc ngước mắt nhìn tôi dò hỏi rồi cúi đầu nói:

– Số trời cả!

Tôi không hiểu đó là một câu trả lời hay là một lời than vãn.

Ngọc gọi cho tôi từ một phòng điện thoại công cộng nhân lúc đi giao hàng cho khách. Anh bồn chồn hỏi tôi:

– Mấy tuần nay sao không thấy cậu đến? Mụ vợ tôi càng ngày càng quá quắt. Bà ấy lồng lộn như cọp nằm trong cũi. Tôi chẳng hiểu ra sao cả.

Tôi lựa lời nói với Ngọc:

– Kệ bà ấy! Tôi cũng ngán bà ấy lắm. Mai mốt rảnh tôi sẽ lại chơi. Hồi này bận quá chẳng cựa quậy vào đâu được.

Ngọc như có vẻ an tâm với câu trả lời của tôi. Giọng anh vội vàng:

– Nhớ mai mốt tới nghe. Có cậu cũng đỡ khổ lắm. Tôi phải về gấp kẻo bà ấy la. Nhớ đến nghe!

Tiếng cúp máy khô khốc làm nhói tim tôi. Nói gì được với Ngọc bây giờ. Khi Vân ngỏ ý nhờ tôi giữ sổ sách thuế má cho cửa hàng, tôi nhận lời ngay vì nghĩ rằng sẽ có cớ để lui tới với Ngọc thường xuyên hơn. Ngày "nhận việc" Vân mời tôi tới nhà nói chuyện cho yên tĩnh. Nàng ở nhà một mình. Ngọc và thằng Vịnh trụ ở cửa hàng. Vân tiếp tôi trong bộ đồ ngủ hớ hênh. Cử chỉ, lời nói và đôi mắt gửi cho tôi một thông điệp rất rõ ràng. Làm chi mà tôi không biết. Nhưng tôi tỉnh bơ như không. Chẳng phải lần đầu tiên trong đời mà tôi làm ngơ trước những mời mọc quyến rũ. Ở Việt Nam lúc ở tù cải tạo về tôi đã có thời đi buôn hàng chuyến. Đồng hội đồng thuyền đi tầu lửa, ăn hàng chợ và ngủ nhà trọ có thiếu gì bà chồng đi học tập chưa về. Thời buổi đổi đời, sống nay biết nay, ngày mai là một cái lỗ hổng đen xì, con người dễ buông thả. Vậy mà tôi tự đặt cho mình một luật lệ nghiêm khắc. Không bao giờ phản bội bạn bè còn trong tù ngục cải tạo. Đối với những người tôi coi là bạn, những người bạn không biết tên biết mặt, tôi còn không thể cắm sừng lên đầu họ. Huống chi người bạn sờ sờ trước mắt. Vân làm sao có thể hiểu được tôi. Nàng như thiếp đi trong cơn mộng dữ. Vân tới ngồi sát cạnh tôi, trao cho tôi tập hồ sơ. Tôi cầm đọc. Nàng ghé sát người giải thích. Hơi thở nhột nhạt trên má tôi. Gò ngực phủ ấm bên vai tôi. Mùi nước hoa suồng sã sực nức. Tôi đứng dậy giả bộ đi lấy một ly nước rồi ngồi qua bên ghế khác. Câu trả lời khá rõ ràng. Vân như sực tỉnh. Lửa trong mắt nàng quắc lên nóng bỏng. Cả khuôn mặt toát ra vẻ thách thức dữ dằn. Tôi lấy cớ bận việc cáo từ. Vân đứng phắt dậy theo tôi ra cửa.

Tiếng cửa dập mạnh tưởng chừng như kẹp nát gót chân tôi.

Tôi chẳng còn đường lui lại. Ngọc như chết đuối trong lòng biển thù hận của Vân. Thỉnh thoảng anh nhoi lên bám víu lấy tôi bằng những cú điện thoại ngắn ngủi vội vã nhân lúc đi giao hàng. Anh than van chèo kéo tôi. Tôi lựa lời an ủi Ngọc như dỗ dành một đứa trẻ. Rồi cơn giận dữ của Vân sẽ dần dần nguôi ngoai. Tôi nghĩ như vậy.

Nhưng cú điện thoại hốt hoảng của Ngọc vào một đêm buốt lạnh làm tôi tái tê. Giọng nói hổn hển xoáy vào tai tôi:

– Bà ấy đuổi tôi đi rồi. Cậu bảo tôi phải làm sao bây giờ?

Tôi nghe rạn nứt trong từng tiếng từng câu của bạn. Ngọc đang thập phần bối rối. Tôi cố trấn an Ngọc:

– Ngọc! Cậu nghe tôi đây. Tôi sẽ tới đón cậu liền bây giờ. Cậu đang ở đâu?

Nghe được vị trí nơi Ngọc đang đứng chờ, tôi vội lái xe tới ngay. Từ đằng xa tôi đã nhìn thấy Ngọc trong một trạm đợi xe buýt. Anh đứng co ro thiểu não tay xách chiếc túi xộc xệch nhầu nát. Trông thấy xe tôi, Ngọc vội vàng chạy tới. Dáng anh xiêu xiêu muốn đổ.

Những gì Ngọc kể cho tôi nghe sau đó làm tôi bối rối. Như cảm thấy có chút trách nhiệm. Thời gian gần đây Vân đã dan díu với một tên khách hàng người Pháp. Nàng lao vào dam mê như người trả một mối thù nào đó. Cuồng nhiệt và liều lĩnh. Bất chấp mọi người chung quanh. Tên Pháp lớn vởn thường xuyên ngoài cửa hàng, công khai đón Vân đi chơi đêm. Ngọc chịu đựng hết mức. Cho yên cửa yên nhà. Bởi tội nghiệp thằng con. Nhưng khi Vân bỏ đi suốt đêm thì cục bột như Ngọc cũng phải nhúc nhích. Anh nhỏ nhẹ trách cứ. Vậy mà Vân làm dữ thẳng tay đuổi anh ra khỏi nhà.

Tôi nhìn sang Ngọc. Khuôn mặt anh thẫn thờ như người mất hồn. Anh vừa bị xô đẩy vào một tình huống quá đáng. Và anh đã trôi dạy theo cung cách của anh. Lảo đảo như ngọn lửa trước gió. Liu riu như có thể tắt ngấm bất cứ lúc nào. Đêm xưa ở Phú Thọ Hòa anh đã chui vào bóng tối đứng khóc sau lúc giận dữ. Đêm nay anh ngồi lặng câm nhìn bóng tối trước mặt. Cuộc đời luôn luôn bày ra những phiền toái làm anh vướng víu hụt hẫng.

Tôi cố xua đi nỗi ê chề của bạn. Tôi quay sang anh. Chiếc đầu cá trê nhìn ngang trông đúng là đầu của một con cá trê bị chặt ra khỏi thân cá.

Ruột gan Ngọc cũng vừa bị chặt đứt ra từng đoạn. Tôi vỗ nhẹ vào đầu bạn tôi:

– Việc chó gì cậu phải buồn rầu lo lắng. Cậu tin tôi đi, rồi đâu cũng vào đó hết.

Ngọc buông tiếng thở dài:

– Tôi đang lo cho thằng Vịnh. Chẳng hiểu rồi nó sẽ sống ra sao! ⊙

song thao

NGUYỄN CHÍ KHAM

Ngày mới

buổi chiều nào không màu giấy trắng
giữa bàn tay một nhánh thời gian
hình như hạt bụi mùa trong sáng
cùng em cuốn nhẹ cánh hoa vàng

ngày mới bắt đầu xanh cửa sổ
người bạn hồi hương tặng gói quà
gương xưa vẽ nụ cười dan áo
nhìn xuống tâm hồn tôi đi qua

rồi gọi hoàng hôn tới núi chua
ngựa hồng ngây dại dưới sương mờ
xa xôi tơ lụa thơm mùi gió
xanh ướt dòng sông lạnh dáng thơ

em vẫn nguôi ngoai về gặp lại
mười năm ước hẹn quá xa vời
chiếc cầu vóc dáng người yêu cũ
áo trắng nhòa phai ấm dấu môi.

QUỲNH GIAO

clara và robert schumann

Gió chiều thổi về lồng lộng mà không đủ làm quang bầu trời. Mây vẫn đọng màu xám nặng trĩu trên thành phố Bonn.

Clara kéo khăn che ấm cổ trước khi xuống xe bước vào sân trường. Nàng nhìn lên khoảng trời u ám mà nhớ về Liepzig và Dresden trùng điệp trong đĩ vãng. Từ thời cách mạng 48 đến nay, gia đình nàng đã rời quê đi tỵ nạn được hơn năm năm. Nơi quê nhà, thời tiết vào Xuân thực ra còn lạnh hơn ở đây, nhất là khi gió núi thổi thốc xuống thung lũng sông Elbe, nhưng Clara vẫn thấy ấm áp trong lòng. Đấy là nơi mà Robert và nàng đã có non mười năm thần tiên nhất sau khi Tòa án cho hai người làm đám cưới, một ngày trước sinh nhật 21 tuổi của nàng.

Sáng nay, như mọi tuần từ mấy tháng qua, đưa các con ra trường xong là Clara đi Endenich thăm chồng. Chiều mới về đón con. Nàng ôn tồn kể cho các con nghe tình hình sức khoẻ của Robert nhưng không thể nào nói rõ là trong suốt một ngày, nàng chỉ nắm tay chồng được có vài phút qua hàng chấn song. Sau đó, nàng ngồi thơ thẩn một mình đọc thơ, đọc sách và đọc thư cho chồng. Trời xế chiều nàng vẫy chào Robert ngồi thu lu ở bên kia song, và đôi chân nàng hụt bước mấy lần khi ra về. Nước mắt Clara cứ tuôn trào ướt thấm ngực áo cho tới khi ra tới xe. Tiếng vó ngựa đều đều buồn thảm khiến nàng bất giác gõ trên thành xe những trường canh dẫn vào bài *Natchstucke* của Robert. Nhìn xuống bàn tay, thấy mình đang như lướt trên phím ngà cái nhịp trầm buồn của một đám ma, Clara giật mình rụt tay lại và lắc đầu xua tan những liên tưởng hắc ám. Thấp thoáng qua kính xe, nàng thấy hình ảnh đã tàn tạ của mình, một thiếu phụ vốn không phải là sắc nước hương trời mà còn gặp biết bao nghịch cảnh trong đời. Nhưng tình yêu và ý chí của nàng thì khó có gì vượt qua được. Kể cả tiếng gõ đồn dập của thời gian như tiếng gọi của tử thần.

Robert có viết thư kể cho nàng nghe mối ám ảnh lạ kỳ khiến chàng soạn ra nhạc khúc trên. Chừng hơn một năm trước khi hai người lấy nhau, cũng vào một buổi chiều Xuân như hôm nay, Robert ngồi soạn nhạc trước đương cầm. Trời vừa chạng vạng tối chàng chợt có những

cảm xúc rất mạnh về cái chết và thấy hiện ra trước mắt những hình ảnh thê lương của một đám táng, những linh cữu và những khuôn mặt u uẩn tuyệt vọng. Nhạc khúc chàng đang viết khi đó chính là bản *Natchstucke* này, lấy tên từ một tác phẩm của Hoffmann. Điều khiến Clara rùng mình mỗi khi hồi tưởng lại là mấy hôm sau Robert mới biết rằng tối đó, khi chàng đang soạn nhạc và có những giao cảm đen tối như vậy, cũng là lúc em Eduard của chàng qua đời.

Có lẽ là từ những năm đó rồi, tâm trí Robert đã có những biến thái đáng ngại. Clara không thể không nghĩ ngược lên khung cảnh gia đình của Robert, về bệnh tâm trí của ông bố chồng và người chị dâu mà nàng chưa hề gặp. Cả hai đều theo nhau mất trước sau có mấy tuần khi Robert mới 16 tuổi: ông cụ đã hóa điên đau bệnh mà chết khi cô con gái yêu nhảy xuống sông tự trầm. Nàng Emilie này mang bệnh tâm trí. Bà mẹ của Robert cũng vậy, tính khí u uất thất thường. Mấy tuần trước khi lâm bệnh, chính Robert là người đã cầu khẩn nàng đưa chàng vào viện tâm trí. Chàng e sợ sẽ nổi cơn điên và gây họa cho gia đình và con cái. Ngay từ những lá thư đầu tiên viết cho nàng, mười lăm năm về trước, Robert cũng thường tâm sự rằng chàng luôn luôn bị ám ảnh là sẽ mất trí.

Đứng bên sân trường đón con ra về, Clara hoang mang nghĩ tới những chứng bệnh di truyền trong dòng họ Schumann. Nàng sẽ bảo vệ chúng tới tận cùng, cũng như phải gìn giữ những cống hiến của Robert cho âm nhạc. Johannes có viết như vậy trong lá thư nhờ nàng đọc cho Robert. Hai năm sau khi cha mất, Robert rời vùng đất chôn nhau cắt rốn là Zwickau để lên đại học. Robert gặp nàng và Âm nhạc tại Leipzig. Từ đó đến nay, biết bao đổi thay đã xảy ra cho hai người.

Clara gặp Robert khi nàng mới lên chín. Năm đó là 1828. Robert đã ghi danh vào Đại học Luật Leipzig, nhưng vẫn do dự giữa luật và nhạc. Mê văn chương và âm nhạc từ ấu thơ, Robert ôm mộng trở thành một tay dương cầm khi được nghe Moscheles tấu nhạc tại Karlsbad. Năm đó, chàng mới lên chín. Trong nhà, cha của Robert là người thông cảm với những đam mê trên. Ngoài nghề in ấn và xuất bản sách giúp gia đình có một cuộc sống phong lưu sung túc, ông cụ còn dịch Byron và Walter

Scott. Cụ đọc nhiều hiểu rộng nên sẵn sàng nuôi dưỡng tính yêu thích thơ văn nhạc của đứa con. Nhưng, cụ mất sớm và cụ bà thì không mấy tin tưởng vào chữ nghĩa hay âm nhạc. Chính cụ bà là người đã đẩy Robert tới trường Luật ở Leipzig và năm sau còn đòi chàng ghi tên vào Heidelberg.

Sau khi lấy nhau, Clara mới biết tới những day dứt của con người đa cảm này trong quãng đời niên thiếu. Ba đứa con trai của nàng sẽ không thể nào rơi vào những giằng xé như vậy. Càng yêu tính đam mê lãng mạn của chồng, Clara càng thương cảm nỗi u uẩn trong tâm hồn Robert. Đời người ta, thường thì mười việc có đến năm sáu đã là chẳng xứng ý. Nhưng trong đời Robert hình như chẳng mấy khi chàng gặp được việc toại lòng. Âm nhạc và Clara Wieck là hai trận phấn đấu gay go nhất của Robert. Chuông reo cùng tiếng trẻ con túa ra sân trường chợt cắt đứt dòng suy tưởng của nàng. Nhìn các con mừng rỡ nắm tay nhau chạy đến, Clara tươi lại nét mặt. Nàng không muốn chúng buồn khổ thêm. Chúng sẽ ríu rít hỏi tin cha và kể truyện trường lớp trên suốt quãng đường về. Tới nhà, nàng sẽ vui vẻ nấu mấy món thật ngon trong khi chúng ngồi học. Khuya rồi nàng mới đem mấy bản dàn của Robert ra soạn lại. Johannes đã đánh dấu và ghi chú cẩn thận nên việc của nàng cũng chóng xong. Mai sáng nàng sẽ dạo lại từ đầu sau khi các con đã đi học...

Âm nhạc nay là nối kết duy nhất của nàng với chồng, khi thần trí của Robert đã ra bung khỏi thế giới loài người. Clara biết là từ khi có Robert Schumann nhân loại về sau này – ít nhất là trong lãnh vực âm nhạc – sẽ không thể như trước nữa. Nàng muốn như vậy và có nghị lực làm điều đó.

Trước khi được trọ học tại nhà nàng với ông thầy là danh cầm Friedrich Wieck, cha của Clara, căn bản thì Robert là người tự học.

Chàng đã chập chững soạn nhạc ngay từ lúc bé cho các bạn hát trong lễ cuối năm. Khi là sinh viên luật, chàng đã học thêm về nhạc lý với thầy Kuntzsch, về kỹ thuật đối âm và hoà âm với nhạc sư Heinrich Dorn, giám đốc Đại hý viện Leipzig. Ngoài ra, Robert đã một mình lần mò tìm hiểu về Bach và phát triển lấy nghệ thuật dương cầm của mình. Chàng thanh niên lầm lì ít nói này quả là có nhiều năng khiếu về âm nhạc và dương cầm. Điều đó, cha nàng cũng thấy. Nhưng, dưới mắt ông cụ, chỉ có Clara là đáng kể. Ông quyết chí đưa con gái lên những ngôi vị chói lọi nhất của đương cầm. Với ông, Clara là Paganini của phái nữ.

Robert vì vậy chẳng lãnh hội được gì nhiều từ thầy và phải học lấy. Sự cần cù và đam mê của Robert trong nỗi bất công của cha đã khiến Clara ái ngại. Càng trưởng thành nàng càng để ý đến người sinh viên trường luật đang học đàn với cha mình. Chàng có một sự mẫn cảm bén nhạy với những rung động tinh tế nhất, nhưng cũng thông minh uyên bác ít ai sánh kịp. Làm sao Clara có thể quên được ánh mắt rực sáng của chàng vào dịp lễ Phục Sinh năm đó, sau một chuyến đi khá xa cùng cả nhà nàng xuống Frankfurt nghe Paganini trình tấu vĩ cầm. Trên đường về, mặc cho cha nàng hùng hồn giải thích cho con gái từng ngón đàn đầy mê hoặc của đệ nhất danh cầm thời đại, Robert cứ trầm ngâm tư lự trong góc xe. Khi cha bắt đầu mệt và ngủ gà ngủ gật trong tiếng xe ngựa lóc cóc, Clara mới gợi nghe Robert thì thào tâm sự. Chàng có những nhận xét tinh tường không ngờ về nghệ thuật vĩ cầm của Paganini, và còn miên man nói về những quan niệm sáng tác mới của trường phái lãng mạn, về thói quen thưởng ngoạn ngày một rẻ tiền và hỗn tạp của dân chúng, về nhu cầu hướng dẫn giới thẩm âm vào những trào lưu sáng tác mới mẻ hơn. Chàng sẽ viết thư ngỏ ý với mẹ về quyết định bỏ học luật và theo đuổi âm nhạc đến tận cùng. Cô bé mười một tuổi còn thơ dại cũng đã chớm hiểu rằng mình vừa chứng kiến một thay đổi lớn trong đời khi nghe cha bật cười trong xe sau những lời giảng giải xác đáng của Robert.

Cha nàng nghe rõ từng điều chàng nói và có giật mình về sự hiểu biết sâu sắc của chàng sinh viên hai mươi tuổi. Từ sau buổi đó, Robert không chỉ đọn về ở trọ ngay trong nhà nàng, chàng còn là một học trò và bạn nhạc vong niên của Freidrich Wieck. Trước khi người ta biết đến nhạc của Robert Schumann, người ta đã biết đến văn của Schumann khi chàng viết về nhạc và hùng hồn công kích những quan điểm hẹp hòi về sáng tác của thời đó. Robert lập ra một diễn đàn văn học với sự phụ lực của cha nàng, của Knorr và Schunke, say mê viết những bài tiểu luận phê bình nhạc gây sôi nổi trong dư luận dưới hai bút hiệu Eusebius và Florestan. Tờ báo của chàng nhận bài của Liszt, Wagner, Berlioz, chàng kết giao với Schubert, thành bạn thân của Mendelssohn và Heller. Nhóm David, *Davidsbundler*, được thành hình từ diễn đàn văn nhạc đó.

Trước dàn dương cầm, Robert có đóng khung kính bài thơ của Franz Grillparzer *Clara Wieck und Beethoven*. Sau bao thăng trầm và dọn nhà ba bảy lượt, chàng vẫn nâng niu bài thơ đã vàng úa với thời gian mười sáu năm dằng dẵng.

Dưới mắt nhà thơ, đêm đó có Clara và Beethoven trong một sự hài hòa hiếm có của bản *Appassionanata*. Grillparzer làm bài thơ sau khi nghe Clara trình tấu nhạc Beethoven tại Vienna. Giấc mơ của Friedrich Wieck đã thành vì đối với giới thẩm âm, Clara Wieck quả là một Paganini về dương cầm. Dư luận dành cho nàng sự ngợi khen nồng nhiệt trước đây chỉ thấy ở những chuyến lưu diễn của danh cầm Paganini.

Năm đó, Clara mới chỉ 18 nhưng danh tiếng và tai tiếng đã nổi như cồn. Nàng là hiện thân của những ước mơ của cha, khi trở thành một dương cầm thủ thời danh khắp Âu Châu. Nhưng, đối với cha, vầng mây đen đe dọa con đường tiến thủ của nàng chính là Robert. Ông cụ đã vứt tác phẩm của chàng ra sân, cấm cửa Robert không được bước vào nhà, và đòi nàng trả hết thư từ liên lạc giữa hai người khi đọc được lời đề tựa của Robert ghi trên bản Sonata Fa thăng thứ chàng viết tặng cho Clara. Sau đó, cụ còn mở cả một chiến dịch bôi nhọ học trò cũ, và cũng là bạn văn, khi Robert khăn áo trịnh trọng tới hỏi cưới Clara.

Đối với Friedrich Wieck, Robert không dáng ghét vì những sóng gió chàng đã gây ra trong dư luận khi cầm bút phê bình nhạc: giữa hai người dường như chẳng hề có những dị biệt về quan điểm sáng tác. Ông cụ cũng chẳng mấy để ý tới những tai tiếng của Robert khi chàng còn là một sinh viên hay lui tới trong quán rượu. Thời đó rồi, trường văn trận bút có nổi lên trong quán cóc cũng chỉ là sự thường. Ông cụ càng không mấy quan tâm tới những bạn gái của Robert, như Nanni, Angès Carus, Liddy, hay Ernerstine de Frichken, Clara de Kurrer và Anna Laidlau, Henriette Voight. Chính cha nàng vẫn thường châm biếm rằng cậu Robert này chỉ biết trồng cây si giả vì yêu thích những điều viển vông, những mối tình cao thượng không đi tới đâu cả.

Ông cụ không thích Robert vì biết là đối với chàng, Clara mới là mối tình cao đẹp nhất và chàng nhất quyết đi tới tận cùng. Tình yêu của Robert sẽ là một cản trở cho sự tiến thân của con gái. Robert càng dằm thắm với Clara là cụ càng nổi điên. Clara không bao giờ ngờ cha mình có thể dùng tới những thủ đoạn kỳ cục tới như vậy. Mặc cho bạn hữu can

ngăn khuyên giải, cụ thuê người hành hung, hăm dọa, viết báo chửi bới để bôi nhọ và phá hoại mối tình của hai người, làm Robert phát điên phát khùng. Clara xấu hổ không dám bước ra khỏi nhà và chẳng dám đọc báo nữa. Trận chiến đó kéo dài tới gần năm năm mới dứt khi Tòa ra phán quyết là cụ Friedrich Wieck phải để cho con gái được tự do khi Clara tới tuổi vị thành niên. Đám cưới hai người tại Schonenfeld đã là một biến cố dập tắt những trận cuồng nộ kỳ cục của người cha già và khiến nàng có thể công khai sống cuộc đời của bà Robert Schumann.

Cha nàng không bao giờ ngờ là ông đã có nhiều đóng góp cho âm nhạc, dĩ nhiên một cách bất dắc dĩ: bao nhiêu khổ đau tích tụ trong ngần ấy năm cách trở đã được Robert đổn vào âm nhạc. Qua chàng, những sáng tác của Clara cũng được thăng hoa và tồn tại trong nghệ thuật âm nhạc của loài người. Giờ đây, khi Robert đã thành người mất trí, Clara vẫn cố nghĩ rằng cha nàng không là nguyên nhân mà chỉ là một xúc tác đưa đến thảm kịch. Biết nhau từ mấy chục năm, trong đó có 14 năm chung sống, Clara hiểu rõ những bất ổn trong tâm tư người chồng. Ngay từ khi hai người còn lén lút thư từ với nhau, nàng đã biết thế nào là hiện tượng nhị hóa nhân cách. Thuở thiếu thời, Robert của nàng đã ở trong thế giới phân thân, một người sống hai nhân cách đối nghịch. Robert chịu nhiều ảnh hưởng của văn chương Richter và Hoffman, nhưng trong tác phẩm của thiên hạ, hiện tượng *Doppelganger* đó chỉ là hư cấu, chứ Robert thì mờ ảo lại qua giữa hư và thực, giữa mộng mơ với đời sống, và chàng thật hơn những nhân vật của Richter hay Hoffmann. Bản đàn viết tặng Clara và gây ra sóng gió năm xưa, Robert đã ký đưới không phải tên mình mà cả hai bút hiệu Florestan và Eusebius của chàng. Giờ đây, ở bên này chấn song của lý trí Clara thấy quặn đau niềm ân hận khi cũng từng vui đùa với tâm tư nhị trùng của Robert. Trong thư viết cho chàng năm xưa, Clara thường ký tên mình hai lần, lần thứ hai nàng ghi thêm bên dưới chữ *Doppelganger* mà chàng thường nói tới trong tác phẩm của Hoffmann.

Nhìn lên bức vẽ bằng than màu Mendelssohn tặng cho hai vợ chồng mười năm về trước, vào ngày Robert được bạn giới thiệu đi dạy nhạc tại nhạc viện Liepzig do Mendelssohn mới thành lập, Clara lại muốn òa khóc. Robert không thành công trong vai trò sư phạm, chàng không là một nhạc trưởng xuất sắc và cũng chẳng thành một danh cầm như đã ước mơ. Robert Schumann là một nhà sáng tác cự phách của thời Lãng

mạn Âu Châu. Nhưng đúng lúc tài nghệ lên tới tột đỉnh thì Robert bắt đầu mất trí. Nơi Robert, sự xung đột giữa hai con người trái ngược là một hiện tượng thường trực. Giờ đây, cuộc chiến giữa cặp Walt và Vult trong truyện của Jean Paul (Johann Paul Freidrich) Richter, giữa Florestan và Eusebius của tờ *Neue Zeitchrift für Mudik* đã tàn trên bãi chiến trường nát nhàu là thần kinh hệ của Robert. Chàng còn sống mà như người đã chết, Clara sẽ phải cố sống để dựng lại một chút hợp lý trong sự nghiệp của Robert. Nàng quyết chí như vậy và thầm mong Johannes cũng biết như vậy.

Trong ngôi nhà của hai người, bốn vách tường như muốn ghi nhớ lại bốn lãnh vực sáng tác của Robert, vây quanh cây đàn dương cầm ở giữa là thế giới âm nhạc của Clara và cũng là nguồn cảm hứng sáng tác đầu tiên của chàng. Yêu chồng thắm thiết nên Clara hiểu rằng ngay từ trong tiềm thức, Robert đã phấn đấu chống lại tâm bệnh của mình bằng những cố gắng xây dựng một trật tự rất vuông vức, phản ảnh khá rõ trong kiến trúc âm thanh của chàng. Nhạc của Schumann thường đi vào từng giai khúc có bốn hoặc tám trường canh khá cân xứng, ngay cả trong những lúc chàng khéo dựng lên nhiều nhịp chõi để lẩn tránh sự đơn điệu nhàm chán. Clara rất yêu bản chất chân phương và nỗ lực đi tìm một sự yên ổn trong tâm hồn của chồng.

Đám cưới hai người đã mở đầu cho thời kỳ sáng tác sung mãn nhất của Robert Schumann. Trong một năm 1840 đó, Robert hoàn tất gần 250 ca khúc như một nối dài của nghệ thuật dương cầm bị ức chế. Clara biết là một trăm năm nữa, nhân loại sẽ còn nhớ tới những khúc hát này, trong đó không thiếu gì những thi phẩm của Heine hay Eichendorff được Robert tô điểm thêm bằng tiếng đàn dương cầm. Riêng nàng, Clara cảm động nhất về liên khúc *Frauenliebe und –leben* (*Cuộc đời và Tình yêu của một người đàn bà*) trong đó âm hưởng tiền lãng mạn của Beethoven từ bài *Gửi người yêu dấu ở phương xa* vẫn còn rõ nét. Clara thâm cảm với dụng ý của Robert khi viết cho nàng khúc nhạc này, để nhớ tới những ngày hai người yêu nhau, sống chung dưới một mái nhà mà vẫn xa cách muôn trùng. Clara quý chàng ở nghệ thuật dùng âm nhạc làm đẹp cho thơ, chứ không dùng ý thơ của người làm đẹp cho âm

nhạc của mình. Và trong âm nhạc, ca khúc của Robert là thanh âm của dương cầm dạt dào quện với ý thơ, có những lúc nhạc tiếp lời thơ, có những đoạn là âm nhạc kết lại tứ thơ của cả liên khúc. Đối với cha nàng, việc Robert phải từ bỏ giấc mơ trở thành một danh cầm là hậu quả của một tai nạn đáng tiếc. Mọi người đều cho rằng vì muốn gò bàn tay phải để chơi đàn cho tuyệt hảo, Robert Schumann đã cột ngón áp út của mình lại, tới nỗi bị tật và hư cả bàn tay. Riêng nàng, là người vợ gần gũi chia sẻ mọi nỗi nhọc nhằn của chồng, Clara biết là Robert – và cả riêng nàng, biết đâu chừng – đã trả một cái giá đắt đỏ cho những rong chơi rồ dại của Robert khi còn là sinh viên. Chàng mắc chứng bệnh nan y khi lang chạ với làng hương phấn ngày xưa, và phải bôi thủy ngân chữa chạy khi bệnh ăn lên tay. Clara biết điều đó và giờ đây nàng áng chừng là cũng chứng bệnh quái ác đó đã ít nhiều ảnh hưởng tới bộ phận thần kinh của Robert.

Năm xưa, sau khi thấy Robert bỏ đàn vì hỏng tay và lại thất bại trong nghề dạy đàn do chính mình giới thiệu, Mendelssohn đã tìm cách an ủi nàng. Rằng nhờ vậy mà nhân loại sẽ có một Schumann soạn nhạc trác tuyệt. Felix cũng tiên đoán là Robert sẽ chẳng mấy thành công trong vai trò nhạc trưởng nhưng sẽ làm phong phú thêm cho nhạc giao hưởng của Âu Châu. Loài người tầm thường luôn luôn cầu mong là thiên tài có chịu nhiều thảm kịch thì mới thai nghén ra những tác phẩm lớn, nên không nhận chân ra giá trị của Felix Mendelssohn Bartholdy. Robert đã nói về bạn như vậy ngay từ thuở sinh thời của Felix. Giờ đây, Clara thầm nghĩ, chắc hẳn là với cuộc sống kết thúc trong bi thảm như vậy, người ta sẽ phải công nhận thiên tài của Robert Schumann.

Sự thực là nhạc hòa tấu của Robert cũng chưa được đón nhận đúng mức. Sau khi tung ra mấy trăm ca khúc, năm sau Robert bắt đầu viết nhạc cho dàn nhạc đại hòa tấu và làm nhiều người chưng hửng vì những âm điệu u uẩn trầm đục khó nghe. Riêng Hợp tấu khúc Mùa Xuân (Số 1) *Spring Symphony* thì vừa xuất hiện đã là một rực rỡ vì giai điệu bát ngát tươi mát. Clara biết là sau này, người ta sẽ nhớ tới nhạc Schumann ở bản Hoà tấu mùa Xuân tương tự như bản Hợp tấu Số 6 của Beethoven. Robert viết vào lúc xuất thần, trong có bốn ngày đã soạn xong phần cốt yếu của tác phẩm. Hợp tấu khúc cung Ré thứ (Số 4) được soạn lần đầu vào năm 1841 đó cũng gây nhiều tiếng vang. Cho tới gần đây, khi Robert ra sức viết lại, Johannes vẫn cho nguyên bản là có giá trị hơn, vì trong sáng

hơn. Năm 1841 đó, Robert còn viết riêng một tác phẩm cho nàng trình tấu dương cầm. Bản *Fantasy* được Clara trình bày lần đầu vào mùa Thu năm 1841 khi gần tới kỳ sinh nở. Mãi tới bốn năm sau, Robert mới viết lại, chàng thêm hai phần *Intermezzo* và *Finale*, thành bản Concerto cung La thứ cho dương cầm và dàn nhạc, một trong những tác phẩm nổi danh nhất của chàng. Sang tới năm sau, Robert mở ra hướng sáng tác thứ ba, bắt đầu chuyển sang nhạc thính phòng sau khi đã nghiên cứu và viết khá nhuần nhuyễn về nghệ thuật tứ cầm của Haydn, Mozart và Beethoven. Năm 1842 đó, chàng thử ra khỏi thế giới của dương cầm viết một hơi ba khúc Tứ cầm cho dàn dây, bản Số 1 trên cung La thứ, bản Số 2 trên cung Fa và bản Số 3 trên cung La. Sau đó, Robert trở lại với dương cầm khi soạn bản Ngũ cầm Op. 44 và bản Tứ cầm đánh số Op. 47, cả hai đều trên cung Si giáng trưởng. Clara rất đắc ý với bản Tứ cầm, nhưng dư luận thì từ ngày đó vẫn yêu thích bản *Piano Quintet* Op. 44 kia hơn. Theo nhịp sáng tác của chồng, nhiều lúc chính Clara cũng thấy chóng mặt vì Robert làm việc miệt mài, vừa soạn nhạc, vừa viết phê bình vừa nghiên cứu. Chàng muốn chạy đua với một tai họa sẽ có thể giáng xuống bất cứ lúc nào.

Thời kỳ hai vợ chồng hạnh phúc nhất, chàng sáng tác mãnh liệt nhất và nàng hoà dàn ở những nơi danh tiếng nhất, cũng là thời kỳ mà nỗi ưu lo của Clara bắt đầu hiển hiện.

Năm 1843, Robert viết nhạc cho ban hợp xướng. Chàng phổ nhạc vào những vần thơ đầy hùng khí Đông phương của Thomas Moore trong *Lalla Rookh* thành một khúc nhã ca uy nghi lãng mạn và độc đáo, vượt ra khỏi khuôn khổ của Mendelssohn và Bach hay Handel. Sang tới năm sau, khi Robert bắt đầu có triệu chứng khủng hoảng tâm thần cũng là lúc chàng khởi sự công trình quy mô nhất, đó là viết cho ban hợp xướng, "Cảnh trí từ vở Faust của Goethe", một công trình kéo dài đến mười năm. Tới năm ngoái vẫn chưa xong, và giờ đây khi trí tuệ của Robert đã bị chôn lấp, tác phẩm vẫn còn là một tập cảo khổng lồ trên bàn viết... Sau chuyến Nga du cùng vợ năm 1844, Robert hoàn tất thêm được một Hợp tấu khúc, Số 2, trên cung Đô trưởng, mô tả sự trỗi dậy huy hoàng từ bóng tối ra ánh sáng, nhưng tâm trí chàng rõ là ngày càng chìm đắm trong những ám ảnh tăm tối hơn. Tình hình chính sự mấy năm sau đó đã chẳng giúp ích được gì cho hai người. Sau cuộc cách mạng 48, vợ chồng nàng đã phải di tản tới một nơi mà Robert không ưa thích chút nào là

Dusseldorf vì nổi tiếng có một viện tâm trí và làm một nghề chàng cũng không mấy thành công, là nhạc trưởng của dàn nhạc Dusseldorf. Nhưng, bên bờ sông Rhein, trong dịp dự lễ thụ phong Hồng y của đức Tổng giám mục Cologne, Robert đã có những cảm hứng dẫn vào Hợp tấu khúc Số 3 trên cung Mi giáng trưởng, tác phẩm ngợi ca dòng sông nổi tiếng nhất của nước Đức. Nó cũng là tác phẩm cuối cùng Robert viết cho ban nhạc đại hòa tấu.

Giờ đây, Clara sẽ phải dành thời giờ xếp đặt lại những cảnh trí bằng âm nhạc do Robert viết cho vở thi ca của Goethe. Nàng tin là hậu thế sẽ có ngày hiểu rõ Robert Schumann hơn qua tác phẩm đồ sộ mà khá thất thường này. Trong nỗ lực đó, Clara tin là có Johannnes giúp cho một tay. Mỗi lần cầm tới khúc hát của Robert là Clara lại thấy như một lần Robert tỏ tình và mời gọi tiếng đàn của riêng nàng. Giờ đây, khi Robert đã câm nín trong viện tâm trí, Clara vẫn muốn bật khóc mỗi lúc đạo lại những thanh âm rất quen thuộc của các bản Biến khúc (*Variations*) đầu tiên chàng viết khi bắt đầu ngỏ ý với nàng. Từ thuở còn trẻ, Robert đã ưa thích chơi chữ và dùng phép đảo tự ngụy trang những dụng công của mình. Bản biến khúc có tên nàng Meta Abegg kỳ bí nào đó mà Robert đã gặp trong một buổi dạ vũ thực sự đã mang một mật ngữ trong tên gọi. Nó ngụy trang chủ điểm, cái *tema* – đảo ngữ thành Meta – của nét nhạc ẩn chứa bên trong. Chủ điểm đó chính là năm nốt nhạc mở đầu cho toàn liên khúc, năm nốt La–Si giáng–Mi–Sol–Sol, viết theo ký âm pháp của Đức thành A–B giáng–E–G–G. Clara đã quá quen với những phép chơi chữ của Robert, nhưng giờ đây vẫn không khỏi xúc động mỗi khi lần giở từng trang báo, từng bản đàn chàng viết với những ẩn ngữ che đấu bên dưới tựa đề. Nàng càng thấy thương chồng thắm thiết hơn khi kiểm lại những nhạc khúc hay giai điệu do nàng viết ra trước đây đã từng gây cảm hứng cho Robert trong những tác phẩm thời danh sau này. Như bản Cầm tấu khúc Op. 14 (*Cầm tấu khúc không ban nhạc*) chậm rãi khởi lên từ một giai điệu của Clara, bản *Sonata* trên cung *Fa dièse majeur* lấy cảm hứng từ *Pièces Caractéristiques* Op. 5 của nàng; hoặc bản *Vũ điệu của Nhóm bạn David* (*Davidsbundlertanze*) bắt đầu từ một bản *mazurka* trong tập *Soirées musicales* của Clara; như bản cuối trong liên khúc tám bài *Novelettes* cũng lấy ý nhạc của cùng một tác phẩm nói trên. Tứ nhạc của hai người đã hoà vào nhau và Clara sẽ sống mãi trong nhạc của Robert Schumann, y như Robert đang sống nốt cuộc sống dang dở để

hoàn thành sự nghiệp âm nhạc. Đêm nay, ngồi dạo đàn một mình, Clara thấy là trong tình yêu của hai người, tiếng dương cầm là một keo sơn.

Với Clara, dương cầm là cả một thế giới âm nhạc nhưng sẽ mai một đi vì không còn ai ghi âm được những buổi trình tấu của nàng. Nhưng, với Robert, dương cầm là bước đầu soạn nhạc cho tình yêu với Clara và các tính khúc của chàng sẽ tồn tại mãi mãi. Nhạc dương cầm của Robert Schumann là nhạc của thời thanh xuân phơi phới khi chàng trai trẻ lăn xả vào cuộc đời, vào tình yêu, vào âm nhạc và những cuộc tranh luận về nhạc. Đấy là thời kỳ của các Biến khúc mang tên nàng Meta Abegg, thời của các Liên khúc cho dương cầm như *Papillons*, *Carnaval*, thời của những bài *Kreisleriana*, *Fantasy*, *Impromptus*, *Scènes d'Enfants*, những *Arabesques*, *Novelettes*, *Intermezzi* và dĩ nhiên là bài *Davidsbundlertanze*...

Tình yêu với Clara đã khiến con tim Robert cất lên tiếng hát, thành những bài *lieder*. Ca khúc của Robert Schumann là những bài ngợi ca tình yêu và hạnh phúc, những bài thơ phổ nhạc từ thi phẩm của Henri Heine, của Chamisso, Goethe, Ruckert, Kerner, Andersen hay Eichendorff. Clara sẽ không bao giờ quên được quãng ngày nồng nàn nhất của đôi lứa khi được nghe lại những bản *Myrthen*, *Printemps de l'Amour*, những *Romances* và *Ballades* và dĩ nhiên liên khúc *Frauenliebe und–leben* rõ ràng là Robert viết trong cơn hạnh phúc dàn dụa giữa hai người. Trong con tim nàng, hình như không còn một khoảng trống nào khác ngoài nỗi hạnh phúc đã thành dĩ vãng. Cho tới khi Johannes xuất hiện.

Đối với cả Clara lẫn Robert Schumann, Johannes Brahms đến quá trễ. Năm ngoái, qua thư giới thiệu của danh cầm Joseph Joachim, Johannes Brahms tìm tới Robert và Clara Schumann ở Bonn vào một mùa Thu trong năm. Đấy cũng là mùa Thu của đời người, khi Johannes mới tròn 20 thì Robert đã trên tứ tuần và Clara đã là một thiếu phụ bảy con. Robert lắng nghe những sáng tác đầu tay của Brahms, gọi chàng là "Tiểu Phụng" và tiên đoán là thiên tài của Brahms sẽ được Âu Châu công nhận rất sớm. Nhưng, thần kinh của Robert đã suy nhược khá nhanh và nguồn hứng khởi trẻ trung của Johannes đã không cứu vãn được gì. Chàng đến

quá trẻ. Trong suốt mấy tháng liền, Robert nói nhiều về những Biến khúc (*Variations*) mới viết. Johannes kiên nhẫn nghe và Clara thoáng gặp những ánh nhìn ái ngại của chàng thanh niên, không phải là gửi tới Robert Schumann đang thất thần đi vào điên loạn, mà là gửi tới danh cầm Clara Wieck. Trực giác của đàn bà thì không thể nhầm lẫn được. Nhưng, nàng cũng thấy rất rõ một vẻ tôn kính chân thành tiềm ẩn trong những tình cảm mới chớm của Johannes.

Johannes là người báo động cho nàng rõ bệnh tình của Robert, khi Robert gọi chàng đi theo dự những buổi cầu cơ: Robert muốn tìm đến Schubert và Mendelssohn để nói chuyện về nhạc và nhất quyết tin tưởng rằng linh hồn của hai người bạn quá cố đã truyền lại cho mình giai điệu chính, từ đó mở ra mấy bản Biến khúc chàng vừa phác thảo. Thực ra, như Clara cũng công nhận, đây chỉ là giai điệu dẫn vào bản Cầm khúc cho Vĩ cầm (*Violin Concerto*) do Robert mới viết ra trước đó ít lâu mà chàng đã quên và ghi lại một cách lõm bõm như của người khác. Nhưng, Johannes có hứa với nàng, như với chính Robert, chàng sẽ khai triển và minh hoạ thêm những Biến khúc này thành một tác phẩm hoàn chỉnh.

Johannes không có thời giờ thảo luận thêm với Robert. Vài tháng sau, cơn bệnh đột ngột nổi lên trong một lúc soạn nhạc. Robert thấy đinh tai nhức óc với một nốt *La* chát chúa trong đầu. Chàng lăn lộn kêu la và đòi đi vào nhà thương điên trong sự bàng hoàng kinh hãi của mọi người. Khi được người nhà mời về, Clara không thấy chồng đâu nữa. Robert đã không nói năng gì chạy ra bờ sông Rhein nhảy xuống nước tự trầm.

Chàng không chết đuối vì được dân chài cứu về, nhưng chàng hoàn toàn và vĩnh viễn mất trí. Từ ngày đó, Robert được đưa vào dưỡng trí viện tại Endenich, vùng ngoại ô của Bonn. Từ ngày đó, Clara vừa nuôi con, thăm chồng, vừa cùng Johannes soạn lại những tác phẩm của Robert để giới thiệu và phổ biến trong công chúng. Phần tinh thần của Robert vẫn sống trong sự sùng kính và nhờ những nỗ lực cần cù của hai người.

Cứ như vậy, Clara làm việc cho tới khi Robert lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng trong dưỡng trí viện, ngày 29 tháng Bảy năm 1856. Năm đó, Robert Schumann mới 46 tuổi và được chôn cất cùng nơi chôn nhau cắt rốn của Ludvig van Beethoven. Cứ như vậy, Clara sống thêm bốn chục năm, sang tới đầu thế kỷ 20. Người ta không thể nói tới Robert Schumann

mà không nhắc tới danh cầm Clara Wieck hay mối tình của Johannes Brahms.

Johannes là người tế nhị và trân quý từng kỷ niệm của Clara với Robert. Chàng khâm phục nét nhạc Robert soạn cho dương cầm, coi đó là một cống hiến lớn lao nhất của Schumann cho âm nhạc. Nói với Clara, Johannes cho thấy là trong một số tác phẩm viết sau Beethoven mới có năm bảy năm, Robert đã tiến hơn bậc thiên tài kia một bước khá xa. Nhưng, Clara cũng biết rõ là nhạc cụ có khả năng diễn tả tuyệt đối nhất không phải là đàn dương cầm mà chính là tiếng hát. Nàng là một danh thủ có thừa trình độ hiểu được giá trị của tiếng hát. Trong lãnh vực đó, nét dịu dàng hạnh phúc ở các ca khúc của Schumann chẳng những đã khác lạ với nhạc của Schubert mà còn vượt lên trên ở những rung động bi thảm và những tự vựng phong phú hơn. Ca khúc của Robert Schumann đã gây ảnh hưởng cho cả trào lưu sáng tác ca khúc nghệ thuật của toàn thế kỷ 19, cho tới khi Clara tạ thế.

Cho tới khi nàng tạ thế, Clara vẫn nhất quyết cùng Brahms tranh đấu để gìn giữ cho khuynh hướng lãng mạn những nét thanh quý và cổ điển của nhạc Schumann, Mendelssohn, và của cả Brahms, đi ngược lại khuynh hướng cách tân của Liszt và Wagner và nét nhạc sôi nổi của Berlioz.

Trong suốt thời gian đằng đẵng đó, Brahms vẫn hiện diện ở bên Clara, một cách kín đáo mà thiết thực. Người đời dĩ nhiên là không khỏi dị nghị. Nhưng chẳng ai có thể khẳng định là chàng mãi mãi độc thân vì đã kết bạn với Clara trong một mối tình thanh khiết cho tới chết, hay đã sống đời với riêng Âm nhạc. Chỉ biết là sau đó rất lâu, như đã hứa với Robert rồi Clara, Johannes Brahms đã hoàn thành một Biến khúc dựa trên giai điệu cuối cùng của Schumann, trước khi Robert mất trí. Không thấy ai nói gì về tâm tư của Clara, ngày nghe tin Johannes Brahms từ trần. Với một trí tưởng tượng rất bình thường, người ta cũng có thể đoán ra là ngày đó, bản nhạc của Brahms viết trên giai điệu của Schumann đã được cất lên đâu đó trên không trung, trong một thế giới chỉ còn một Clara già nua mà vẫn son trẻ với âm nhạc và sắt son với hình ảnh bi thương của Robert Schumann tại Endenich.⊙

quỳnh giao

THƯỜNG QUÁN

Nói và gởi

không phải là tôi nói
gởi màu phiếm trong thân tằm
những chiếc lá dâu xanh cục khổ hơn
ngày lại nắng to
đừng lấy chuyến tàu ba giờ

bạn chạy ra sao trên đồi cát
có dúa con gái nào ngã sấp
để nâng dậy thương cảm dâu

sân khấu còn nuôi trong lá dâu
lũ người mang cờ hiệu đã đến
(mang cả Mặt Nạ Nhân vật Ác)
trò đùa ngoài kịch bản

phủi lưng cát
không phải là tôi viết
tưởng niệm tưởng niệm bạn
kẻ thích ngồi im nghe một diệu kèn
hơn là những lời nói

vẫn xin gởi màu phiếm trong thân tằm
nắng to
chưa ai là bướm (bay đi) dâu.

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

tiếng nói

Chúng tôi bị lùa vào một căn phòng. Ba bề tường gạch quét vôi loang lổ những vết lấm nhòe nhoẹt ở khắp mọi chỗ. Mái lợp tôn xám không có trần, trời tháng Tư nóng khét, hơi nắng bốc từ trên không thấm qua lần kim khí tỏa xuống dưới này, rưới lên đầu, lên mình, quyện vào da thịt ướt đẫm mồ hôi. Chỉ có lối vào là nhìn ra bên ngoài, cánh cửa lớn với những song sắt đen dẫn vào hàng mắt lưới đối diện với cánh cửa lớn cũng có những song sắt đen và hàng mắt lưới của căn phòng trước mặt, cách nhau bằng hành lang dẫn đến phòng thẩm vấn ở phía cuối kia (tôi còn nhớ rõ lối đi sâu hun hút, không nhìn thấy ngoài trời, cánh cửa lim xám mở vào một không gian rộng lớn. Căn phòng có chiều dài ngăn lại bằng một cái bàn sắt lớn, bìa kẽm dày đồ sộ như tấm bảng che khuất nửa thân dưới của người ngồi ở phía sau, mặt bàn rộng để trần, trên đặt chồng hồ sơ xếp gọn trong những tấm bìa đen cứng, ngọn đèn tròn lớn rọi chiếu vào mắt người đối diện. Kẻ bị thẩm vấn đứng ngu ngơ phải nhìn vào vùng ánh sáng cực mạnh của bóng đèn, đôi khi thấy mất kẻ phỏng vấn là bóng đèn, đôi khi thấy tia lửa chói của bóng đèn là ngọn lửa dốt cháy lấy đôi mắt, đôi khi ảo giác là thực tại, chạm mặt với tấm biểu đồ trải rộng trên mặt tường cuối phòng. Tấn kịch diễn ra mau lẹ qua những câu hỏi bất ngờ, tiếng trả lời thật đầy ứ, tước đoạt hết ý nghĩa, những tiếng nói lập lại lướt trên bờ môi mở ngỏ, lưỡi khô đắng, máu tụ rần rật bò trên khắp gân bàn chân, thân đau nhức trong cơ thể. Tôi phải đứng đây mãi sao! Tôi muốn đi tiểu. Tôi liên quan tới những dòng chữ lý lịch trên trang giấy đánh máy trước mặt kia. Tôi thèm khát thỏa mãn nhu cầu sinh lý trong khi đang phải trả lời khẩu cung. Những dòng chữ kia ghi tên tôi, tên một kẻ nào đó đã gắn liền với nó suốt một quãng đời. Trên những trang giấy đánh máy kia không phải chỉ ở chỗ này, còn ở những *nơi khác*, ở nơi tôi đã cư ngụ, ở nơi tôi chưa bao giờ đặt chân tới, ở những chặng trung gian tôi đã phải qua đó. Trả lời cho những cuộc thẩm vấn đâu, tôi hiện diện ở nhiều nơi thế sao, không, tôi không ở nơi nào khác, tôi đứng ở trong chỗ này, hai cánh tay buông xuôi xuống bên hông, tôi không có thuốc lá để hút, kẻ kia châm điếu thuốc mới, thả

những vòng khói vẽ thành niềm mơ mộng của chuỗi ngày qua, những ngày *ở ngoài*. Khi tôi đã đốt liên tiếp nhiều điếu thuốc, phí phạm những cụm khói trong canh bạc dài, hút để làm nhiều cử chỉ thừa thãi không thể liệng vào đâu được, khi tinh thần tập trung vào lá bài sắp rút, khi đầu lửa đỏ lóe lên như niềm hy vọng nóng nẩy chờ đợi mặt ngửa của lá bài hiện ra. À, thì ra sự thèm khát điếu thuốc chỉ là điều thôi thúc mong đợi một cái gì sắp tới phải hiện hình, đặt lên thảm xanh đi! Những câu hỏi kia! Có liên quan gì đến tôi? Có phải tôi (đã) trả lời không? Có phải là ngôn ngữ không? Hay ngôn ngữ chỉ như những ngọn roi quất xuống da thịt? Sự đau nhức của khổ hình hay trừng phạt? Tôi đây, kẻ bị tình nghi đứng ở nơi này đối diện với kẻ khác, kẻ được quyền ngồi và hút điếu thuốc, kẻ kia có tiếng nói để hỏi tôi (để làm gì? ngôn ngữ có phải là quyền lực không, nói để làm gì, nguyền rủa, tra vấn, dọa nạt... vô ích, vô nghĩa). Dường như tôi đã nghĩ vậy, tôi đã nói vậy, không phải tôi, tiếng nói thoát từ cổ họng, trong khi ý nghĩ trong đầu miên man theo niềm khinh bỉ; nhưng tôi cũng không rõ chỗ nào nhú lên niềm khinh bỉ, chắc hẳn không phải sợ còn hằn dấu đè nén của điện cực tra tấn, chắc hẳn không phải cái lưỡi, gan lưỡi tê rộp lên vì thiếu nước, chắc hẳn không phải bắp chân, khi ra khỏi phòng thẩm vấn đùi và ống quần thấm ướt, không hiểu tôi đã dái lúc nào – cái bộ phận vô duyên).

Tôi bị đưa vào một căn phòng, cùng với những con vật kia, những con người (à, vì chúng đi hai chân, nhưng tôi vẫn nghĩ chúng là bọn dã nhân), tôi chỉ có đôi mắt ngó, chúng là đôi mắt người, còn hai cánh tay này khi duỗi ra cũng có những móng vuốt giấu dưới những vằn lông lá. Tôi đang ở trong phòng giam. Tôi ý thức điều đó. Tôi là tù nhân. Còn những kẻ kia được lùa vào đây để hạ nhục tôi. Một bản văn tôi đã đọc (bây giờ cũng không còn nhớ rõ nữa) có nói đến trường hợp của tôi, câu chuyện giả tưởng ấy tôi không ngờ lại ngắm nhìn thấy tôi trong đó, như trong mộng mị. Tôi không có tội. Tất cả chỉ vì một cái tên. Tôi có một cái tên ghi trên phiếu lý lịch, tên X như nhiều kẻ khác và từ con đường dẫn về nhà, tôi đã bị xét hỏi, tôi không được trả lời tại sao tôi mang tên ấy. Cũng như khi ra đời, tôi không từ chối được, tôi cũng không thể đổi tên khi cha mẹ đã quen gọi và những năm tháng sau này, tôi có những thành công gắn liền với cái tên ấy (tôi vẫn thường sống trong giả tưởng,

tin vào những thành công mơ hồ, mang cái tên định mệnh trên mảnh bằng, xã ước, chứng khoán; tôi không thể khước nhận những quyền lợi dành sẵn cho cái tên: ông X đây, với bằng cấp này được tuyển dụng vào ngạch..., chỉ số..., ông X địa vị, ông X chủ nhân –à, một khi chối bỏ cái tên, tôi bỗng dưng trở nên trần truồng không móng vuốt, vô nghề nghiệp, vô danh– nỗi sợ hãi lớn nhất của đời người, trở lại làm kẻ vô danh), nhưng nếu bây giờ tôi không liên quan gì với cái tên ấy, tôi sẽ là kẻ vô tội. Tôi thù ghét những kẻ kia; song, chính vì phải mang một cái tên quen biết, một cái tên được ưu đãi, may mắn hơn những người khác, sống với những kẻ khác nhớ đến tên mình, sống tham dự vào những dạ hội, lễ rước, nên kẻ khác giới thiệu, gọi tên nhau. Cái tên đã làm cho tôi sống thu mình vào trong cái vỏ tự vệ, tôi không thể làm điều này, điều kia, những giới cấm xã hội như những mạng lưới bủa vây lấy danh dự (không, cái tên). Có lúc phải chối bỏ cái tên. Tôi đang ở trong phòng giam. Tôi ý thức điều đó. Tôi là kẻ mang số đính bài. Sống giữa những con số khác. Xin cảm ơn tù ngục. Xin cảm ơn bạo động. Tôi đã sắp sửa được trở về với thú tính. Sống đồng hóa với những con vật người kia. Những con vật biết hút thuốc lá. Kẻ ngồi bên cạnh hỏi tôi còn hút thuốc không. Tôi khinh bỉ trả lời, chưa bao giờ đốt một điếu thuốc nào trong đời (tôi là người, không phải cái máy để thở khói ra đằng mũi). Những kẻ chung quanh cười rộ. Đồ đạo đức giả, tôi nghĩ thế. Tôi vừa ở phòng thẩm vấn về đây, ống quần còn ướt dẫm hơi nước tiểu xông lên nồng nặc. Tôi thèm khát hút một điếu để trả thù. Đồ ngu xuẩn, tao không biết cười. Tôi là người, không phải là loài đười ươi thích cười. Ung thư, lao phổi, đó là những chữ để đe dọa đời sống. Tôi không hút thuốc như không làm tình. Đó là giới cấm. Tôi đã đặt ra những giới cấm để cảm thấy có tự do (nếu không, chắc hẳn tôi chưa hề biết từ chối bao giờ). Trí tưởng du tôi vào tự do. Trí tưởng cho thấy những kẻ kia đi hai chân trên sàn trần, thế giới trong ba bức tường gạch này, lưới song sắt đối diện với mặt tiền căn phòng đối diện. Những bàn tay co quắp bám lấy then sắt tròn nhìn ra bên ngoài, bên này cũng như bên kia, không nhìn thấy ngoài trời, bờ tường dài hun hút, sừng sững như vực thẳm chắn ngang thị giác. Tôi thấy những kẻ khác mệt mỏi ngồi bệt trên sàn, đầu gối nhô lên khỏi vành tai, hốc mắt sâu và trắng dã. Tôi cũng mệt mỏi. Tôi muốn trở lại phòng thẩm vấn, nơi đó mới có loài người. Viên thẩm vấn ngồi ở đằng sau bàn nạt nộ, hỏi những điều tôi không thể trả lời được, vì thế tôi sợ

hãi, tôi nhìn hắn và tôi cảm thấy hắn coi tôi như con vật đi hai chân (phút mê hoặc hay quyến rũ tôi được phán xét, tôi có những liên hệ với xã hội bên ngoài, tôi có một lịch sử về riêng tôi, không phải của kẻ khác). Đó là lúc được quyền mơ mộng, nói tiếng người. Tôi cháy bỏng trong những câu trả lời, tôi đưa ra một suy luận, tôi phủ nhận lời buộc tội này, tôi đi tìm lý trí thành hình ở những khẩu cung. Ý tưởng đặc sệt, lóe sáng như tia chớp đến và làn sóng ngôn ngữ đổ trào cho đến khi nước mắt lưng tròng cay sè trước ánh sáng, ứa ra làm nhòe nhoẹt vùng thị giác, tôi thấy kẻ thẩm vấn trước mặt là chính tôi. Thân xác bất đầu quay cuồng giữa những vòng âm thanh. Tôi hỏi, tôi nói, tôi trả lời, những nhát búa nện trên đỉnh sọ, bàn tay nào bóp thắt trái tim, nhịp động mạch nhẩy nhanh. Tôi vẫn nghĩ, hai đầu gối vẫn duỗi thẳng ở vị trí của cẳng chân, tôi vẫn nghĩ trong hôn mê, ý nghĩ tước đoạt dần khỏi trí nhớ cư ngụ trong những tiếng của tôi.

Đến ngày thứ năm, căn phòng chật ních những người mới đến – toàn là thanh niên, nhiều tên râu tóc mọc dài lẫn với những khuôn mặt trẻ dại; những gọng kính cận thị giương đôi mắt đại trố. Dường như chúng không biết mệt mỏi, cười đùa, la hét. Thỉnh thoảng, từ căn phòng bên này, một tên cất cao giọng ca, tất cả bọn chúng cũng há lớn miệng ca, tiếng hát truyền nhiễm sang phòng bên kia, những âm thanh vỡ bờ từ hai phía, những lời chuyển động rầm rộ, đồn đập xoáy vào không gian hạn hẹp trào ra bên ngoài hành lang, bên ngoài trời. Tôi nằm dựa xuống bên góc tường, miên man theo đõi không gian cuồn cuộn sóng. Sự sống khởi từ chỗ nào, những thớ thịt căng trên mặt kẻ cất lời ca, hay khoảng lưng còn đau nhức. Tôi vừa được đưa trở về, đi băng qua một khoảng sân ngắn, mặt đất trải những mảnh gạch vụn xen lẫn với những đám cỏ xanh, trên đầu khoảng trời có những vệt sẫm khuất bên kia bờ tường cao phủ những hàng rào kẽm gai. Tôi tự hỏi, bên ngoài bờ tường kia là đất hay trời, hay những dãy nhà giam khác; tôi không nhớ gì, tôi chỉ nhìn thấy khoảng trời. Tôi chú ý đến những vòng kẽm gai trên bờ tường quấn dài trên những cọc sắt cao nghệu, đầu cọc cụp xuống với những mấu trống, vòng kẽm gai đan lấy nhau từng lớp (trông như những cũi sắt chứa con trăn kim khí khổng lồ), ý nghĩ đào thoát mọc lên từ trí tưởng thôi thúc muốn ngắm nhìn vùng hoang vô (của trời, của đất) bên ngoài. Nếu tôi trèo lên được những vòng kẽm gai ấy bằng hai cánh tay trần này, có lẽ thân thể cũng chỉ đau nhức bằng những trận đòn tra tấn hồi nãy.

Bỗng dưng tôi thấy thèm ngủ với đàn bà. Tôi nhìn hắn, tên trẻ tuổi nhất trong bọn thanh niên đang hát, đôi mắt hắn ngó quái đản: tôi thèm ngủ. Đàn bà nào cũng vậy thôi. Tôi đang sợ hãi, trong khí hậu nguy hiểm này, tôi cất tiếng ca để trấn tĩnh sự xúc động thoát ra từ cảm giác trải khắp thân thể; cảm giác len dan qua những lỗ chân lông.

Chung quanh đây, những thời khắc đe dọa sắp sửa bắt đầu. Tôi phải làm điều gì để đối phó? Tôi vô tội, tôi không có sự thực nào để nói ra. Dường như từ khi tôi ra khỏi nhà, tôi vẫn chỉ đứng một chỗ trong đám đông, tôi chưa hề lên tiếng, tôi không có ý kiến. Tại sao người ta không truy tố đám đông, không tiêu diệt đám đông, nhưng chỉ bắt giữ tôi; tôi hay kẻ nào cũng vậy thôi. Căn phòng này đầy những đàn ông –rõ rệt là thế giới này không có đàn bà; nhưng nguy hiểm hơn nếu có một người đàn bà (thực vậy, trong đêm tối họ làm gì với một người đàn bà... chúng tôi không cần) đêm tối bủa vây lấy sức sống của nhục thể, đêm tối mù mờ, đêm tối đồng lõa, tôi không cần, tôi không cần biết, tôi không chống cự, tôi không trông thấy kẻ nào, tôi chỉ ngửi thấy hơi thở nghe như tê thiếp vào sự nổi dậy của đám đông. Tôi đã từ đám đông sinh ra, tôi vẫn xếp hàng đứng sau những kẻ khác ở ngoài đường, ở cuộc đời. Trước mắt kẻ thẩm vấn, tôi nói những điều tầm thường như đứa trẻ nhỏ đòi ăn, những chữ không có ý nghĩa, những dấu hiệu trên khắp ngã tư đường như đi, đứng, dừng lại, quẹo trái, rẽ mặt, đâu đâu cũng có những hình thù cho kẻ sáng mắt nhìn. Tôi không thể hiểu (nếu kẻ kia đòi hỏi tôi phải trả lời) những dấu hiệu nổi dành cho kẻ mù. Tôi từ chối không làm người mù (đầu đêm có phủ quanh mắt, tôi cũng vẫn thấy thế giới này).

Ngày đầu, người ta gọi mỗi lần năm thanh niên ra khỏi phòng. Khuôn mặt nào cũng giống nhau, không băn khoăn, hốt hoảng. Lần lượt, những kẻ khác. Những người già bị bỏ quên. Chúng tôi ngồi co ro (mặc dầu hơi nóng tỏa qua lần tôn xám luộc chín lấy thân thể bừng bừng – chúng tôi kinh hãi biến động sắp đến, chúng tôi lo ngại) ít ra trong bọn trẻ kia cũng có một vài kẻ thân yêu (trong đêm hôm, chúng tôi không từ chối); khi họ trở về, tôi đã nói gì, tôi đã khai ra điều gì, không, tất cả chỉ trong những vết tích bầm giập quay lại căn phòng này như một trạm hẹn – nhìn nhau và đợi chờ.

Nhiều ngày sau, lệnh gọi từng kẻ một, thời khắc trôi qua theo sự hồi hộp của những người còn lại trong phòng, nghe ngóng từng bước chân quay trở về, kẻ về từ cõi chết mang theo tia mắt nghi ngờ, tên nhỏ tuổi

nhất khóc rưng rức đòi đến lượt mình bị gọi tên, không, con số, tôi không có tên (bạn hữu đã tước đoạt đi rồi, tôi xin thưa) tôi không có ý kiến. Tôi không thể sống cô đơn, bạn hữu đều biết, nếu tôi bị gọi lên một lần (ở nơi nào đó, ngọn đèn tròn, trắng sáng quắc mắt như mặt trăng nhìn từ biển hoang) kẻ đặt những câu hỏi xoáy tít vào da thịt, giăng móc lấy quá khứ hiện hình, tôi nào có quá khứ (xin đừng hỏi cha mẹ tôi tên chi, làm gì, xin đừng hỏi anh em tôi còn những ai, xin đừng hỏi..., thế giới sừng sững trước mắt tôi như bờ vực, tôi sống và chết trên lằn mức cuối cùng này, xin đừng hỏi...) tôi làm gì ngoài đường, không, thế giới ở bên kia lằn tường chằng chịt dây kẽm gai, ở đó sự sống đã từ nhận, bỏng dưng từ nhận chúng tôi, anh em ơi, hình thù xe cộ lãng đãng chập chờn trong vách tường, những cột đèn lần lượt nhô cao làm những hàng cây thở hút mạch điện không bóng mát đuổi chúng tôi chạy đài kiệt lực dưới ánh mặt trời đâu đây, bây giờ sự sống đã bỏ lại cùng chúng ta, bóng đêm nhục thể, bóng đêm tàn bạo và điên cuồng. Tôi đã biết tôi phải làm gì. Trong đám đông tôi chỉ là bộ mặt phẫn nộ, không tiếng la tuyệt vọng của cảnh tượng vô cùng.

(Bên ngoài bờ tường kia là đất hay trời, tôi không thấy...)

Hay trong đêm nay có phải. Tôi xin cung khai.

Tôi sắp đi trở về. (Quê nhà là nơi an nghỉ, nơi đặt giấc ngủ sau cùng). Tôi nhất định không hút, điếu thuốc lá đầu tiên hay điếu thuốc lá cuối cùng.

Tôi sẽ nói, tôi sẽ vượt qua những vòng kẽm gai thách thức kia. Chết, nỗi đau nhức khôn cùng sẽ kết thúc.

Tôi nghe, tôi nghe.

Tôi là đứa con hoang.

Tôi là tên rong chơi tháng ngày trên sòng bạc của đời.

Tôi là viên chức được đãi ngộ một thời.

Tôi đứng giữa đám đông.

Anh em. Bằng hữu. Tôi.

Ồn ào. (Không, đó là tiếng của gió trong cơn bão rớt thổi lùa vào hành lang).

Im lặng.

Những hàng song sắt ngó nhìn nhau. Đêm tối lặng mù.

Chỉ còn những hàng chữ viết nguệch ngoạc trên ba bờ tường (nhiều chữ dọc không ra, những vết máu ngón tay), trên sàn trần nhiều vũng chất lỏng đã khô, sỉn loang loáng.

Tiếng vọng, người, vật, kẻ đi, kẻ chết.⊙

đặng phùng quân

LUÂN HOÁN

đi thăm quê tình hà nguyên dũng (1)

Thơ từ cái tâm
thơ từ cái trí
chảy qua giàn bầu
chảy qua nụ bí
cõng tuốt ta về
đi giữa cỏ hoa
dụng đầu sơn ca
mê man đứng hát

đời trong như nhạc
đời mảnh như thơ

ta dạo bâng quơ
nghe dòng sông tỏ
vấp chân phải gió
quì giữa Quảng Nam
nắng phỏng da vàng
đầu chui dưới lá
với tay trộm quả
rớt xuống lòng ta
một đôi mắt hoa
chuỗi cười mắc cỏ

yêu em, không sợ
chỉ ngại nhớ nhung
lấn trốn vẫy vùng
nụ hôn quê quán
lòng ta hữu hạn
dành dụa vào thơ
lượm được, bất ngờ
người tình lộng lẫy

ta vừa về đấy
một góc việt nam

(1) *Quê Tình*, thơ Hà Nguyên Dũng, Văn Nghệ (VN), 1992.

CỔ NGƯ

khoảng trống trước mặt

Hảo chăm chú nhìn tới trước. Chăm chú nhìn nhưng không chăm chú nghe. Tia mắt của Hảo đậu lại, sa lầy và chết dí trên khoảng lưng nhỏ nhắn của Bình Minh. Khoảng lưng mỏng mảnh làn lụa trắng nội hóa đã bắt đầu ngả vàng, mập mờ ẩn hiện chiếc khóa sú chiêng và vướng vít những sợi tóc rối, không chịu chảy theo dòng đang xuôi xuống phía vai trái. Nếu như Hảo là họa sĩ... Nếu như Hảo có tài làm thơ. Tiếc thay, Hảo chỉ có hai con mắt để nhìn, ngắm, chiêm ngưỡng, và ngẩn ngơ... Bình Minh vẫn có thói quen nghiêng đầu sang trái khi chăm chú ghi chép bài giảng, bàn tay trái lật nhẹ từng trang khi tay phải thoăn thoắt lướt bút trên mặt giấy. Và khoảng lưng nhỏ chỉ khẽ phập phồng theo nhịp thở, đủ để chiếc khóa sắt khi mờ khi tỏ dưới làn vải thưa. Hảo muốn ôm, muốn hôn, muốn cắn nhẹ lên khoảng lưng ấy, muốn chiếm trọn riêng cho mình để sẽ được nhìn ngắm hàng giờ, hàng ngày, để được nâng niu, vuốt ve suốt cả cuộc đời. Vậy mà mãi cho đến hôm nay, đó vẫn còn là vùng cấm địa, chưa hề lưu lại một dấu... tay nào của Hảo!

Tình yêu học trò cũng giống như một trò chơi lớn, mới lạ, hấp dẫn, đầy những thử thách, dò dẫm, duổi bắt trốn tìm trong các mê lộ quanh co ngoắt ngoéo. Và phải qua từng giai đoạn. Yêu bằng mắt. Yêu bằng giấy bút. Yêu bằng lời nói, rồi những cái nắm tay, vuốt ve và nụ hôn. Chao ơi, nụ hôn! Nụ hôn là tuyệt đỉnh của tình yêu lãng mạn và cũng là viên gạch đầu tiên xây cất nên tòa lâu đài đầy đam mê của tình yêu xác thịt, Hảo nghĩ vậy. Đến bao giờ thì Hảo mới hôn được Bình Minh? Mới hôm qua đây thôi, tay của Bình Minh còn run bần bật trong lòng bàn tay Hảo khi hai đứa ngồi trong rạp ciné. Nói cho đúng ra, Hảo cũng phải lấy hết can đảm mới dám "chộp" lấy tay Bình Minh, trong khi mắt vẫn nhìn thẳng lên màn ảnh. Nhìn mà có thấy gì đâu! Vậy mà rồi cũng xong, cũng qua một giai đoạn cần phải vượt qua, để tiếp tục bước tới trên "con đường tình ta đi" đầy thơ mộng nhưng sao cũng lắm gian nan. Hảo nhìn xuống. Trang giấy tái sinh nâu vàng nằm tênh hênh với cái tựa "Ngói mới". "Ngói mới" của Xuân Diệu. Bài thơ khô như những viên ngói màu nắng. Khô ran. Khô không khốc.

Tội nghiệp thầy Đại, có lẽ phải khó khăn lắm thầy mới nuốt trôi nổi cái giờ giảng văn đáng chán này. Vừa đủ năm mươi phút cho một tiết học. Vừa dủ đại ý, dàn bài và các bước lên lớp cho một bài thơ, nhưng thiếu hẳn cái tinh tế thâm trầm như khi thầy giảng Kiều, cái sôi nổi hào hùng của "Hịch tướng sĩ", "Bình Ngô đại cáo" hay cái triết lý thâm thúy của tầng tầng hình ảnh ẩn dụ trong bài thơ "Những pho tượng chùa Tây Phương" của Huy Cận. Thầy ngập ngừng với những mái nhà ngói đỏ vẽ vời tưởng tượng của các hợp tác xã miền Bắc xã hội chủ nghĩa, với những câu thơ lên gân của con người đã có thời viết "Tôi là con chim đến từ núi lạ, ngứa cổ hót chơi". Chim chẳng còn hót ra ngọc, ra hoa mà tuôn đầy gạch ngói, sỏi đá và những trái tim cằn cỗi. Cánh chim giang hồ một thời tự do uống sương hút mật, bỗng bị bứt lông bẻ cánh để chỉ còn biết quẩn quanh nhặt nhạnh thóc sạn của chế độ ban phát, thử hỏi còn sức lực tâm trí đâu mà "ngứa cổ hót chơi" nữa? Tự dưng Hảo thấy tức thở. cái nghèn nghẹn của thương cảm. Cái nghèn nghẹn của uất ức. Thương nhà thơ tài hoa uổng phí một đời. Thương thầy Đại lúng túng trên bục giảng vì phải nói ngược hẳn với những điều mình suy nghĩ. Thương bạn bè, thương thân phải nghe, phải chấp nhận, phải tin vào những điều dối trá, ngụy biện. Và quẩn quanh trong ao tù chủ nghĩa, và ngoan ngoãn xuôi theo con đường một chiều trước mặt, cứ nhìn thẳng mà bước, đừng liếc dọc ngó ngang hay ngoái cổ trông lại sau lưng. "Yêu nước có nghĩa là yêu chủ nghĩa xã hội", thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói. Thử bắt chước thầy Long dạy toán, làm một phản đề: "Không yêu chủ nghĩa xã hội có nghĩa là không yêu nước", có đúng như vậy không? Bọn phản quốc, chúng là ai? Là anh Ba của Hảo, từ thuở nhỏ đã cầm đầu lũ lỏi tì trong xóm dựng những trận chiến huyền náo giữa "bọn tàu" và "quân ta", bây giờ gầy ốm hom hem trong trại cải tạo Suối Máu. Là Mỹ Linh ngồi trước mặt Hảo, mất tích trong chuyến vượt biên. Là Phượng Chi với từng lá thư gửi về từ đảo Bidong, được bọn con gái trong lớp vừa chuyền tay nhau đọc vừa đỏ hoe mắt. Nếu thực sự đó là những kẻ phản quốc, sẽ phải xếp ngang hàng với Trần ích Tắc, Lê Chiêu Thống của lịch sử. Thử hỏi sẽ tìm đâu ra những người yêu nước "chân chính" của Việt Nam hậu bán thế kỷ hai mươi này?

Bình Minh vừa đưa tay vãi tung mớ tóc lên mảnh lưng trắng. Để khỏi vướng víu khi chép bài hay để làm dáng? Hay đó là một tín hiệu để thu hút những suy nghĩ vẩn vơ của Hảo đang bay lượn khắp nơi trở về

đậu lại trên bãi đáp bình yên ấy? Bàn tay Bình Minh vẫn còn đan lững lờ giữa vùng tóc. Tay trắng tóc đen. Bàn tay có những ngón nhỏ xíu hôm qua còn run bần bật trong lòng bàn tay Hảo, vội vã vuột mất khi đèn trong rạp chiếu phim vừa bật sáng. Hai đứa cùng run, như vừa phạm phải một tội tày đình. Tội lỗ yêu nhau. Hảo thương bàn tay Bình Minh. Hảo thương những bàn tay con gái. Bàn tay của Quỳnh Châu, Thy Uyên, Kim Khánh dịu dàng uốn lượn trong màn múa "bài ca cấy lúa", bàn tay của Ánh Nguyệt thoăn thoắt múc chè, bàn tay Bạch Hạc bay lượn trên những phím dương cầm, cuốn theo hồn trí của Lập, hay bàn tay thon dài, có những móng sơn vẹc ni hồng của Trinh, làm Mạnh chới với... Những bàn tay ấy đã có lúc phải ôm từng tảng lớn bùn đất lúc nhúc dòi bọ để đắp vòng đai phòng thủ chống quân xâm lược "bành trướng Bắc Kinh", những bàn tay ấy đã phải quét dọn nhà vệ sinh, cạo rêu trên sân trường giờ lao động, tháo ráp những khẩu AK trong ngày tập quân sự hay bị xua ra đường cầm cờ đỏ sao vàng đón chào Phạm Tuân và Gorobátcô. Thương cho những bàn tay con gái cũng chịu cảnh nổi trôi theo những thăng trầm của thời cuộc...

Hảo vẫn chăm chú nhìn. Trang giấy vẫn chỉ trơ trẽn cái tựa "Ngói mới". Thêm được cái tên tác giả Xuân Diệu phía dưới. Chắc cũng đủ cho bài thơ, nếu người ta dám gọi đó là một bài thơ! Nàng Thơ của Hảo, đang ngồi trên kia kìa, với khoảng lưng trắng, với cái đầu nghiêng nghiêng và tay lùa vào dòng tóc. Nàng Thơ của Hảo mong manh và tinh khiết như một khối pha lê, không hề lẫn giữa dám vú, mông, đùi, bộ phận sinh dục của những mộng mị thèm khát với chiếc quần lót ướt dầm khi tỉnh dậy buổi sáng hay những khoái lạc tự thân dưới vòi sen nhà tắm. Mấy cuốn phim con heo đầu đời xem chung với dám bạn trai ở nhà Trí, hay ly rượu mạnh đầu tiên uống với Lập, điếu thuốc lá đầu tiên hút với Mạnh, đều giữ lại những cảm giác kỳ lạ, không quên được. Dù bây giờ Hảo đã có thể tròn miệng nhả khói hình chữ O hay dzô dzô cạn một, hai ly đế, con đường lửa trôi tuột từ cổ họng xuống cùng với chất rượu mạnh hay cái ho sặc sụa vì ngộp khói thuốc của lần đầu tiên ấy vẫn như in, như ấn sâu vào trí nhớ, vào từng vùng giác quan của cơ thể. Và những ly cà phê, những đêm thức trắng dàn, hát, vụn vặt tâm sự. Tao mê Trinh. Tao khoái Bạch Hạc. Tao yêu Bình Minh. Ba tao đã lo xong giấy tờ, chắc cuối năm nay gia đình tao đông qua Pháp. Lý lịch tao đen quá, chắc vô đại học không nổi đâu! Ba tao vượt biên mới bị bắt, má tao khóc hết nước mắt

mấy bữa nay... Lập mơ đến nước Pháp, đến tương lai rộng mở. Mạnh hốt hoảng trước sự chọn lựa: hoặc đậu vào đại học hay trung học chuyên nghiệp, hoặc rớt vào bộ đội, phải qua Cam pu chia. Còn Hảo, Hảo chờ đợi gì ở tương lai mịt mù trước mặt? Đi bộ đội ư? Thì đi! Cùng lắm là chết chứ gì! Chết để khỏi nghe lời chướng tai, để khỏi thấy cảnh gai mắt! Vào đại học ư? ừ thì vào! Để sẽ giống ông bác sĩ bộ đội nhà hàng xóm nuôi heo trên sân thượng và chửi nhau tối ngày với bà vợ dược sĩ chanh chua, để sẽ giống những giáo sư đại học ban ngày đứng dạy sinh viên, ban đêm đạp xích lô kiếm thêm tiền nuôi vợ nuôi con. "Một người làm việc bằng hai", trí thức xã hội chủ nghĩa chứ có phải trí thức tháp ngà đâu mà dòi ngồi mát ăn bát vàng, phải không? Chỉ thương cho Bình Minh, mong manh như chiếc lá đầu cành, như con sẻ non lạc lõng trong mùa bão lớn. Mà, nếu Hảo có chết thì Bình Minh sẽ đi lấy người khác, đâu có sao? Tầm bậy! Vậy mà cũng bày đặt nói yêu với thương, để người ta đi lấy chồng! Tim thắt một cái, Hảo hụt một nhịp thở. Không, Bình Minh là của riêng Hảo, chỉ của một mình Hảo mà thôi. Dù sau này có phải nuôi heo, đạp xích lô, làm thợ, kéo cày hay lên chức ông nọ ông kia, thì Bình Minh vẫn mãi mãi là Bình Minh của Hảo, đến trọn đời... Bị huých nhẹ vào cùi chỏ, Hảo nhìn sang. Mạnh đang loay hoay với mấy bài tập toán.

- Làm gì mà mày ngồi đực ra thế, không chép bài hả?

- Ừ, rồi sao? Còn mày đó, giờ văn mà lôi toán ra làm...

- Nói nhỏ nhỏ chứ! Tưởng mày chép bài, tao ké, mượn tập về nhà chép lại, ai dè... Thằng Lập còn lo thanh toán mấy câu hỏi Anh văn, lạng quạng chút nữa cô Thúy Hoa xé xác nó ra!

Vậy đó! ít ra thì môn toán và Anh văn có lẽ còn hữu ích hơn nhiều so với mấy câu thơ vớ vẩn mà cả người bình lẫn người nghe đều không muốn... nhớ! Hảo nhìn lên bảng. Đầy những dòng phấn trắng. Tiết học sắp hết. Thầy Đại sắp được "giải phóng"! Nhưng còn những giờ giảng "Ngói mới" ở các lớp khác. Ở những năm đã qua và những năm sắp đến. Thầy đứng trên kia, với kính trắng, với dáng khòm khòm, với khuôn mặt bất đắc chí nhưng nhẫn nại trả nợ áo cơm. "Thầy giáo húp cháo", "Thầy giáo tháo giầy"... và thêm bao nhiêu thành ngữ nữa xuất hiện từ sau 75 để gán cho cái nghề bạc bẽo này, cái nghề chỉ được có mỗi nhà nước tặng cho một mỹ danh, rất kêu "kỹ sư tâm hồn"!

Các thầy, cô giáo ngày xưa đến trường với cà vạt nghiêm trang, với

áo dài tha thướt, các "kỹ sư tâm hồn" hôm nay lủng lẳng miếng thịt, mớ cá tiêu chuẩn trên ghi đông xe đạp giờ tan học. "Kiếp sau xin chớ làm thầy...", có phải thầy Hùng dạy hóa một hôm đã vui miệng nói thế không? Từ bé, Hảo đã ôm ấp giấc mơ sau này lớn lên sẽ đi dạy học. Bình Minh cũng vậy. Một giấc mơ đơn giản, không khó thực hiện, vừa tầm với và có ích cho đời. Giấc mơ ngày ấy, với thực tại hôm nay, liệu có còn nên nghĩ tới nữa hay không? Bình Minh đã chuyển hướng, muốn học y. Bác sĩ, y sĩ hay y tá gì cũng được. Còn Hảo, hảo lơ mơ chẳng còn biết mình thích cái gì, muốn làm cái gì nữa. Thích thì chắc thích có nhiều tiền, để đỡ đần cho mẹ, để thăm nuôi anh Ba, để cho mấy đứa em được ăn đầy đủ, mặc tươm tất, học hành đàng hoàng, để lâu lâu tặng Bình Minh một món quà nhỏ và may cho mình vài cái áo mới, thay cho mấy cái áo đang mặc đã sờn vai và ố ở nách. Còn muốn làm cái gì ư? Muốn lấp biển vá trời, thay đổi chế độ thì vào tù ngồi. Muốn vượt biên thì phải có "cây". Muốn cam phận làm dân đen thì bị "đì". Còn muốn đi tu thì không được quyền yêu, có khi còn bị bắt bớ, đánh đập nữa! Hay là làm... thinh?! Thôi, khỏi muốn, khỏi nghĩ làm chi cho mệt óc, "sống cho qua hôm nay",, ngày mai thuộc về tương lai... tính sau!

Vừa có chuông hết tiết học. Cả lớp đứng dậy chào thầy. Hảo đóng lại trang giấy trống trơn. Bình Minh xoay người, bỏ vở vào cặp, vén tóc, ngước lên và mỉm một nụ cười với Hảo. Cám ơn đời! Cũng may mà tình yêu vẫn còn hiện diện đây đó, trên mảnh đất này, ngày hôm nay!⊙

cổ ngư

(Tặng C1 TV)

đọc và cổ động

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

PHAN LÊ THỨ

tâm động

*** Khi nghe kinh Bát Nhã**
Lời kinh nở rộ ngàn mây
Tâm vô-ưu nụ
Dợi ngày định-hương
Chân-Như có sẵn mười phương
Có sao giữa cõi vô-thường gặp em!

*** Khi ở thư viện**
Giả đò ngồi xuống ghế quen
Mà nghe huyễn-mộng đòi phen
Tìm về
Lẽ nào,
Vọng-động rừng mê
Ngất-ngư chữ nghĩa
Bộn-bề thân tôi.

*** Khi ngồi thiền**
Vì sân nên phải luân-hồi
Vì si nên lại đứng ngồi chẳng yên
Thôi đừng đổ tội chữ duyên
Khi không có kẻ ngồi thiền nhớ ai

*** Khi thấy người deo tượng Quan-âm**
Chấp tay lễ tạ Như-Lai
Cõi trong Vô-lượng
Cõi ngoài Huệ-Tâm
Độ người deo tượng Quan-âm
Suốt qua thế-nghiệp
Nẩy mầm từ-bi.

PHẠM CHI LAN

ý thức về dòng sông

Tôi vẫn nghĩ một ngày nào đó sẽ viết về cha tôi với cái ấn tượng tôi có trong lòng về ông. Cha tôi là một người biệt lập và cô đơn. Khi nghĩ đến cha, tôi nghĩ đến một bức tượng đồng lặng lẽ nhưng sống động và chất chứa nhiều cảm xúc ẩn dấu. Hình ảnh đó đẩy lên trong tôi nỗi xót xa, lòng thương cha như mạch nước ngầm dâng lên khiến tôi thấy nao nao trong lòng. Một đời sống đã chìm hẳn vào bên trong không còn liên hệ đến thế giới thực tại hằng ngày. Cha tôi đang sống ở một đời sống nào khác không có những người chúng tôi hiện diện chung quanh. Điều ấy làm tôi thấy đau nhói trong lòng. Tôi ray rứt nghĩ đến một thế giới bí mật nào đó đã cướp mất tâm hồn cha tôi, một tâm hồn bình lặng nhưng nhiều khắc khoải. Tôi muốn đến với cái thế giới chìm vào bên trong đó của cha. Nó như một điều bí ẩn bàng bạc trong tiềm thức, một đời sống mà tôi không thể có mặt, một phần đời mà tôi ao ước muốn tìm gặp. Dường như nó là điều tôi thiếu vắng, là nơi chốn thiêng liêng mà tôi không thể chạm tới. Cha tôi đang ở nơi nào trên mặt đất này.

Mùa nghỉ hè tôi về lại thị trấn cũ thăm gia đình, để ở gần cha mẹ sau một thời gian dài ở xa bận rộn với đời sống ồn ào của thành phố. Căn nhà hướng mặt ra bờ sông, dòng sông phẳng lặng xám ngắt như chì mà tôi vẫn nghĩ đó là một miếng sắt đẹp lạnh lùng hơn là một dòng nước thơ mộng. Căn nhà nhỏ sàn vách bằng gỗ ghép, sàn nhà trống hổng trở mình kêu răng rắc mỗi khi có gió lớn lùa qua, tiếng kêu rin rít quằn quại như một con vật đang bị tra tấn trong cơn bão gió. Bước chân qua lại trên sàn cũng làm nó rên rỉ đau đớn, những tiếng động ấy tạo cho không gian một vẻ chịu đựng ẩn nhẫn, trong cái vẻ hoang tịch của một vùng thôn dã bị bỏ quên. Con người và cảnh vật ở đây u uẩn như có nỗi niềm thầm kín.

Phòng ngủ tôi đồ đạc vẫn còn y nguyên như trước ngày tôi đi xa. Bức vẽ bằng than chì vẫn còn treo trên vách, bàn viết vẫn kê cạnh cửa sổ, ống bút lỏng chỏng vài cái bút nguyên tử, bút chì cùn đầu dựng ngược mà tôi có thói quen bao giờ cũng cắm ngược đầu lên như thế.

Phòng thiếu người không khí âm u ẩm lạnh, đồ đạc như còn say ngủ trong cái vẻ hoang vắng của nó. Chắc ít có ai vào đây. Tôi nhìn quanh, mọi sự như cũ không thay đổi suy chuyển khiến tôi có cảm giác như tôi vẫn là đứa trẻ ngờ nghệch của bao nhiêu năm về trước khi mới dọn đến đây. Nhìn ra sân, cành lá cây mọc lan xum xuê che gần kín cánh cửa kính đầy bụi mờ. Cây lớn hơn xưa nhiều. Chỉ có những tàng cây này là dấu thay đổi duy nhất trong căn phòng này, nếu không trừ chính tôi. Phòng hướng bắc nên mùa đông chịu nhiều gió lạnh, nhưng tôi vẫn thích căn phòng này vì nó có cửa sổ lớn trông ra một khoảng trời rộng và con đê đắp cao có lối đi lát nhựa che lấp mất mặt nước từ tầm nhìn nơi này.

Dòng sông nằm thu mình trong lòng con đê. Sông lạnh lùng tách biệt giữa hai bờ, mùa nước lớn cũng yên ổn trong hai bờ như một ngục tù. Nó lạnh lùng bình thản trôi, như chối từ giao tiếp với đời sống của hai bên bờ. Chỉ những khi có gió mạnh lắm mới làm cho mặt sông gợn sóng. Vẻ biệt lập của nó như một sự tách rời với đời sống. Nước lặng lẽ im lìm như một sự ẩn nhẫn cam chịu. Thỉnh thoảng mới có một chuyến tầu qua đây. Những chiếc xà–lan chở hàng chậm chạp bò trên mặt nước lặng lờ, đằng đuôi tỏa ra những đợt sóng nhỏ lặng lẽ lan ra xa, bọt nước gợn trắng rồi tan biến mất. Con tầu di chuyển trên mặt sông chậm chạp im lìm, lâu lâu rú lên một hồi còi để đánh thức cảnh vật, để phá tan cái tĩnh lặng giấc ngủ đòng sông.

Tiếng động rất hiếm trong khung cảnh này. Cái yên lắng đó có lẽ đã đượm vào lòng tôi nỗi cô độc trống trải trong suốt quãng thời gian mới lớn. Những khoảng trống đó vẫn theo đuổi tôi, cảm giác ấy đang lớn dần, khi tôi đang nhìn cái khoảng sáng héo hắt của bóng chiều ngoài trời. Tôi cũng không quen với những tiếng động của thành phố. Và cái tù hãm trong vùng náo nhiệt thì cũng bứt rứt không kém cái trống vắng cô đọng của vùng hẻo lánh này. Ở đây đời sống như một ly nước đã gạn lọc lớp bụi còn đọng lại dưới đáy ly, một vẻ trong suốt buồn bã hiện hữu nghi hoặc chỉ chực chờ một cái gì động mạnh sẽ khuấy ngầu lớp bụi ấy lên. Phía bên kia bờ đê là đường hỏa xa 110, con đường chở hàng liên bang mà ngày nào ít nhất cũng có một chuyến đi qua như một kỳ định. Con đường trên bờ đê lát nhựa sạch sẽ cho người tản bộ. Từ bờ đê có thể nhìn thấy cả vùng thung lũng trống trải. Phía xa là nhà cửa lởm chởm trong cánh đồng khoai tây, mờ hiện thị trấn nhỏ nơi tôi vẫn đến đấy mua sắm và xem ciné. Bên kia cánh đồng có một nhánh sông nhỏ với cái tên

dài ngoằng không hiểu do ai đặt ra. "River of old and lost", dòng sông già nua và lạc lõng. Cái tên giống như số phận của nó: nước ri ri chảy qua vài cồn cát trơ lên vào mùa nước cạn, mấy nhánh rong khô nằm vật vờ hai bên bờ, dòng nước bơ vơ cạn cợt ngơ ngẩn nhìn trời mây, lạc lõng không biết trôi về đâu. Không bao giờ tôi câu được một con cá nhỏ nào trong dòng nước khổ sở này.

Gia đình tôi dọn đến vùng này đã từ lâu lắm, khi trong nhà vẫn còn các anh chị tôi và vừa mới đến vùng đất định cư. Sau này khi từng người một lần lượt bỏ nơi này đi lập thân hay lập nghiệp nơi khác, thì cha tôi bắt đầu dẫn tôi đi dạo trên con đê vào những buổi chiều. Lúc ấy tôi mới bắt đầu lớn và không hỏi cha tôi những câu hỏi lẩm cẩm của trẻ con nữa. Tôi đã mang vẻ suy tư trên khuôn mặt có những nét hỗn hợp giữa cha và mẹ để lại. Làm con út phải mang nhiều thiệt thòi, mẹ tôi đã nói với tôi với cái nhìn nửa âu yếm nửa thương hại. Ngày mẹ còn trẻ, khi mẹ còn khỏe mạnh đầy sinh lực, tất cả tinh túy máu thịt mẹ đã dành cho các anh chị tôi, tôi con út nhận lãnh tất cả mọi tàn dư trong thân thể hao mòn của mẹ. Nhưng cha tôi thì không nghĩ vậy. Cha bảo con út thừa hưởng tất cả những gì còn lại của cha mẹ, những gia tài tinh thần trút vào đứa con cuối cùng như một sự truyền nối thiêng liêng. Nếu thật vậy tôi đã hưởng tất cả tinh túy tinh thần mỏi mòn của cha mẹ, còn thể chất khỏe mạnh thì tôi đã nhường cho các anh chị tôi.

Tôi đã đi trên con đường đê những buổi chiều những ngày mới lớn. Tôi đi dọc theo dòng nước cho đến hết khúc quanh của dòng sông. Những buổi chiều gió mát, trời trong như một tấm gương tôi có thể soi mình trên những giải mây trắng ngần ấy, tôi thấy hình ảnh mình trong những hình thù mây đang chuyển đổi. Có khi mây giống hình một đầu người chống tay mơ màng, có khi mây nằm lả lơi như một cô gái khỏa thân với những đường cong lồi lõm. Đầu óc tôi tưởng tượng khi tôi vẽ trong đầu những hình ảnh qua những dáng mây. Những bức tranh đó không thể có trong đời sống này, trong khung cảnh đìu hiu uể oải thế này. Tôi mơ đến những vùng trời mới lạ, tôi mơ đến những khám phá mới và những cảm giác mới nơi đời sống vẫn còn xa cách lạ lắm này. Ở trên đó có thể có vùng trời mà tôi gọi là quê hương, cũng những đám mây màu sắc hình dáng thế này. Ở trên cao thì mọi nơi đều như nhau. Chỉ có những sự việc con người bên dưới là khác biệt. Một khoảng trời bao la bát ngát vô tận, không một giới hạn nào có thể chận tầm nhìn nếu con mắt có thể nhìn

xuyên qua bầu trời.

Tôi thường đi phía sau cha, cha đi thong thả hai tay chắp đằng sau lưng, mặt phẳng lặng im lìm không nói năng gì. Cha không nhìn một vật gì chung quanh vì tất cả đã quen thuộc, mắt cha mông lung nhìn vào một điều gì đó không có ở trước mặt, tôi cảm thấy như thế. Cha ngừng lại nơi vệ đường dưới bóng một tàn cây, châm một điếu thuốc và chỉ tôi xem những vệt loang tròn trên mặt nước đang lan rộng. "Cá vừa nhảy lên kìa con." Tôi ngồi xuống cạnh cha nơi vệ đường, ít khi tôi nói gì mỗi khi cha bộc lộ điều gì nếu không là một câu hỏi. Tôi chỉ yên lặng nghe. Cha ngồi thoải mái hai chân duỗi, cha cũng yên lặng. Hai cha con chẳng có gì để nói với nhau, nói gì với đứa con gái nhỏ mười ba tuổi về những chuyện mà tôi không hề biết tới hay thấy qua. Đầu hơi ngả phía sau, cha nhìn xa vào khoảng trời xanh hun hút, cha nói "đường trời rộng quá hở con?" Tôi nhìn theo cái nhìn của cha, bâng quơ phát biểu "con có thấy gì trên trời đâu thày." Thật sự trời trong không cả một cụm mây. Cảnh vật trống làm tôi chán. Cái rộng lớn làm tâm hồn đứa trẻ trong tôi không đủ sức chứa đựng. Tôi chỉ thấy không khí tù túng của bầu trời, tôi không thích vẻ yên lặng chịu đựng của nó. Cha thì có vẻ như thoải mái lắm giữa thiên nhiên. Cha không ưa náo nhiệt của thành phố, vì vậy mà cha chọn định cư nơi này để lũ chúng tôi phải chịu tù đày chung. Ngày đó các anh chị tôi đòi dọn đi nơi khác ở, cha không nghe bảo các con tự lập muốn đi đâu thì đi cứ để cha mẹ ở đây. Mẹ tôi thì không có ý kiến gì, mẹ bảo nơi nào trên đất nước này thì cũng thế thôi.

Không biết cha tôi đã nhìn thấy bao nhiêu chiếc xà lan chở hàng qua dòng sông này, đã nghe bao nhiêu tiếng còi sương của những chiếc xe lửa qua đây vào lúc hai giờ sáng. Đã lâu cha không còn cần đến tấm lịch treo tường nhắc nhở thời gian. Thời gian mặc nhiên trôi qua cha cũng không cần phải đếm những con số ngày tháng chưa tới. Đời sống bình thản đều đặn tiếp tục mỗi ngày, cho đến khi các anh chị tôi ra đi lập đời riêng và đến lúc tôi cũng rời xa đời sống mà tôi nghĩ là chập hẹp gò bó. Dòng sông nước đục lờ đờ, cha bảo không thể giống như nước sông Yên Thủy được. Sông Yên Thủy khi xưa bà nội vẫn chở cha tôi qua sông đi học mỗi ngày trên chiếc thuyền thúng chòng chành. Cha bảo nước sông quê hương mình hiền hơn nước sông ở đây. Sông nước có sự phân biệt trong lòng cha tôi như thế. Đối với tôi, sông nước là sông nước, chỉ khác là con người cảm nhận nó khác, thế thôi. Nhưng tôi không nói với

cha, cha sẽ bảo tôi trẻ con biết gì về quê hương và những ấn tượng của nó. Chữ quê hương thật trừu tượng trong tôi lúc bấy giờ. Thành phố mà gia đình tôi bỏ đi có nhiều tàn tích của bom đạn, có những mái nhà dột nát và con người thất thểu sống lây lất trong những xó tối ngập ngụa rác rến. Sự ra đi của chúng tôi không để lại một lỗ hổng nào trong lòng những người còn ở lại, tôi đã từng nghĩ như thế. Tôi không gặp những con người hình ảnh đó ở đây. Nhưng mà tại sao lại nghĩ đến những gì đã xa quá không còn liên quan đến đời sống hàng ngày. Những ý nghĩ này tôi chỉ nghĩ trong đầu, không khi nào tôi dám nói ra với cha, sợ ông nổi giận mắng cho rằng tôi đang chạm vào vết đau của cha, chạm vào cái điều "taboo" của những người di tản buồn, rồi không rủ tôi đi dạo đê nữa. Dù sao, tôi cũng hãnh diện vì cha không đi dạo đê với các anh chị tôi mà chỉ đi với đứa con gái út nhỏ dại như tôi lúc bấy giờ. Dường như trong cha con tôi có một sự tương đồng nào mà tôi không rõ.

Đêm yên vắng như chẳng có sinh động quanh đây. Buổi tối khó ngủ với tách trà đậm sau bữa cơm tối, tôi vào giường sớm với quyển sách đọc để giỗ giấc ngủ. Kéo mành cửa lên cho thoáng và đẩy cửa kính lên cho gió lùa vào, tôi bắt gặp mảnh trăng gầy lẻ loi nơi một góc trời. Tiếng dế kêu râm ran ở một góc vườn, ánh sáng xanh mờ nhẹ cảnh vật như nửa thức nửa ngủ mơ màng. Cố gắng nằm đọc được vài trang chữ mà chẳng hiểu sách đang nói về cái gì. Tôi chợp đi lúc nào không hay, lúc giật mình tỉnh dậy bỗng thấy khát khô cổ. Phòng vẫn còn đèn sáng ở đầu giường. Dường như đêm đã khuya lắm. Một luồng gió lùa nhẹ vào phòng, có tiếng chó sủa từ xa vọng lại nghe như ở bên kia sông. Tiếng động chìm hẳn rồi mất hút vào đêm tối. Tôi nghe rõ tiếng thở và nhịp đập của tim mình. Cha tôi ngồi yên đấy bất động trên chiếc ghế lắc đu ở cạnh cửa sổ phòng ăn. Bóng cha ngồi nhỏ thó gọn gàng trong lòng ghế, như một khối đen hòa lẫn với bóng tối. Tôi giật mình rồi định thần rằng cha còn thức với mắt đang tỉnh táo nhìn tôi từ bóng tối.

– Thày chưa đi ngủ?

– ờ chưa, con. Đừng bật đèn lên làm gì, cứ để thế...

Tôi đến ngồi cạnh chiếc ghế bàn ăn, trong bóng tối đã quen mắt. Ánh trăng mát dịu chiếu vào phòng khiến tôi nhìn rõ mọi vật như ban ngày. Cha không hút thuốc mà chỉ ngồi im lìm trên ghế mây có lẽ đã từ

lâu lắm, cha nhìn vào vùng bóng tối ở khoảng trời bên ngoài cửa sổ. – Thày không ngủ được ạ ? Thày uống nước không con đi lấy? Mắt cha không chớp, cha nhìn sâu vào khoảng không, chắc cha không nhìn thấy tôi đang bối rối ngắm cha. ít khi có dịp tôi nhìn cha kỹ trước mặt như vậy.

– Không, con. Con dậy làm gì giờ này?

– Con dậy uống nước.

Dường như thời gian ngừng trôi, tôi cảm thấy không khí hơi nặng, không rõ là mấy giờ sáng mà trăng đã lên thật cao khuất sau bóng cây. Có lẽ tôi đã ngủ được một giấc khá dài từ lúc 9 giờ tối. Ý nghĩ cha đã ngồi hàng giờ thế này một mình làm tôi thấy nao nao trong người. Những thắc mắc bật lên trong đầu tôi, cha đang có việc gì lo lắng hay trong người không khỏe. Hai cha con ngồi im trong bóng tối, một lúc sau tôi cất tiếng rụt rè hỏi:

– Thày có khoẻ trong người không? Hay thày có chuyện gì phải suy nghĩ? Tiếng cha tôi trầm trầm trong bóng tối, vẫn không cử động.

– Không có gì cả con à. Thày vẫn thích ngồi trong bóng tối thế này, chỉ ngồi không vậy thôi. Không có gì quan trọng.

Không có gì quan trọng mà cha ngồi thâu đêm suy nghĩ. Cha nghĩ về điều gì mới được chứ.

– Công việc vẫn thường hở con?

– Dạ, việc vẫn thường...

Không biết nói gì làm gì để gợi cho cha nói thêm về ý nghĩ trong đầu của cha, cha tôi như quên có tôi đang ngồi đối diện. Cha lại như chìm vào một cõi nào khác. Tôi định nhổm dậy bật đèn sáng lên.

– Đừng con, thày không thích ánh sáng. Sáng quá thày không nghĩ được.

Tôi chưng hửng. Bóng tối gần gũi với suy nghĩ của cha. Cha suy nghĩ về điều mới được chứ. Tôi thấy lòng xốn xang, mặc dù nhận ra cái vô lý của mình. Đời sống bình lặng ở đây không có gì phải suy nghĩ cả. Nó bình lặng trôi thì hãy để nó trôi, tại sao phải làm cho nó thêm rắc rối. Điều gì đang xáo trộn suy tư của cha tôi, một người đã chấp nhận chọn chốn tịch lặng này để sống nốt quãng đời còn lại. Cha tôi ít bộc lộ và luôn trầm tư, sự sống đã thu hẳn vào bên trong, trong lớp vỏ ngoài khô khan khắc khổ. Tôi cố gắng khơi ý nghĩ của cha.

– Không có chuyện gì thật hở thày? Thày cho con biết được không?

Dạo này con bận quá không về thăm thày mẹ thường...

Đó là câu nói mà tôi đã thu hết can đảm để trút ra với lòng xúc động thật sự. Đã lâu lắm rồi cha con tôi mới có dịp ngồi bày tỏ thế này. Đời sống xa cách đã làm tình cảm gia đình nhạt dần, trong cuộc sống bon chen vật lộn với mọi thứ như những cuộc chạy đua. Tôi đang cố thu gần cái khoảng cách đã có trong tình cảm gia đình, sẽ không còn một dịp nào khác, tôi biết chắc như vậy. Giữa lúc tôi đang bồi hồi với mớ tình cảm trong lòng thì tiếng còi xe lửa rú lên từ xa một tràng dài xoá tan cái tĩnh mịch. Tiếng kêu đánh thức cảnh vật chìm dọng của bóng tối, đánh thức cả tôi đang trong tâm trạng bối rối trước vẻ lạnh lùng im lìm của cha. Tiếng còi ngân nga như nhắc nhở sự hiện diện của nó, chuyến tàu chở hàng vào lúc hai giờ sáng như một định kỳ với thời gian. Vậy là đã hai giờ sáng rồi. Tiếng cha ôn tồn cất lên sau chuỗi âm thanh của còi tàu:

Đi ngủ đi con khuya lắm rồi đó.

– Thày cũng vào giường đi thày ạ. Sương xuống bắt đầu lạnh rồi.

– Ừ thày vào bây giờ. Con đi nghỉ đi.

– Dạ.

Tôi ngần ngừ đứng lên về phòng, bỏ lại cha với bóng tối yên tĩnh êm đềm của cha.

Ánh trăng soi tỏa khung cửa có cha tôi ngồi in trong bóng đêm. Tôi vào nằm lại giường, bỗng dưng tôi cảm thấy thật sự cô độc. Cái cô độc của người bất lực trước dĩ vãng nào đó đang sống lại. Dĩ vãng của những người bỏ một nơi chốn ra đi mang theo rất nhiều ấn tượng ở một nơi chốn nào đó tưởng đã chết đã khuất lấp mịt mờ, nhưng nó vẫn còn sống khắc khoải trong mớ tâm thức bồng bềnh. Trong cha tôi ký ức là một dòng sống đầy sinh động, cha đang sống trong nó, hay cha chỉ hồi tưởng lại những hình ảnh cũ, tôi không thể nào biết rõ. Có một bức hình đen trắng chụp lại cảnh làng cũ của cha mẹ tôi mà một lần nhìn thấy trong bức thư một người từ bắc gửi qua, tôi thấy có một người đàn ông mảnh khảnh còn trẻ rất giống cha tôi. Hôm đó tôi không hỏi người trong ảnh là ai. Có thể là một người trong làng cũ từ mấy mươi năm về trước, hoặc cũng có thể là cha tôi lúc còn trẻ. Ngôi làng có mái nhà thờ cao chót vót, một dòng sông bình yên trong vắt phía sau, những mái rêu cũ kỹ và vài ngọn cây mờ nhạt. Tất cả đó là ấn tượng duy nhất mà tôi có về một nơi chốn mà cha tôi âu yếm gọi đó là quê hương. Sông Yên Thủy và những

mùa nước lớn, bà nội vẫn chèo thuyền thúng đưa cha qua sông mỗi ngày, những cánh diều reo trong gió chiều, đàn cò trắng bay trên những cánh đồng lúa mạ vừa xanh. Đó là những điều cha tôi kể những hôm dạo trên bờ đê. Ngoài ra, ký ức tôi trống rỗng về Yên Thủy và những khúc sông đã trôi ra biển lớn. Cha tôi gọi những người ra đi, những người trong đó có gia đình tôi là những khúc sông đã trôi ra biển. Những nhánh hợp rồi những nhánh tan, những dòng nước vỡ vụn đã tan trong những cơn thủy triều. Lối ví von này làm đầu óc non nớt của tôi xáo trộn. Con người, đời sống như những giọt nước. Lũ chúng tôi lớn lên như những hạt nước mất chất tinh khôi, bốc hơi rồi tan biến trong nắng trong gió. Chỉ có giọt nước của cha mẹ tôi là còn tồn tại, còn tích tụ như những giọt ngọc càng lấp lánh theo thời gian.

Có tiếng một con chim đêm kêu quang quác, âm thanh nào nghe cũng rõ mồn một trong đêm yên sơ thế này. Tôi nằm im lắng nghe từng tiếng động chung quanh. Tôi chờ nghe tiếng bước chân cha tôi trở về phòng nhưng vẫn im ắng chẳng nghe gì cả. Nằm nhìn mông lung trên trần nhà, tôi nhìn thấy hình ảnh cha mẹ tôi già hơn xưa rất nhiều. Già và buồn mỏi mòn. Hình ảnh đó làm tôi xót xa giao động. Tôi giờ cũng đã là một người con gái héo hắt buồn khô với tuổi đời lưng chừng, mà vẫn chưa làm được điều gì toại nguyện. Đời sống như một khối mạnh nghiền nát tâm hồn và thể chất tôi rã rời. Tôi thấy mình hoàn toàn bất lực với đời sống. Đời sống của mình và của những người chung quanh. Có tiếng ho khan của mẹ ở phòng bên cạnh, chắc mẹ tôi cũng vừa thức giấc. Một thoáng im lặng, rồi có tiếng dép lẹp kẹp của mẹ đi về phía nhà bếp. Tôi nín hơi lắng nghe tiếng động phát ra từ phía đó. Dường như cha mẹ tôi có nói gì đó với nhau nhưng nhỏ quá tôi không nghe rõ. Có tiếng ghế xô nhẹ và tiếng bước chân đi về phía phòng ngủ. Mẹ tôi đã gọi được cha về giường, sau khi tỉnh dậy thấy ông không nằm bên cạnh. Tôi thở ra nhẹ nhàng, rồi chìm vào giấc ngủ.

Ánh nắng buổi sáng gắt chiếu rọi vào phòng lúc tôi vừa thức dậy. Mặt trời đã lên cao, tôi dậy muộn với cơn ngầy ngật uể oải của một ngày lười biếng. Vẫn cái không khí ngưng tụ lại không muốn trôi, tôi cảm thấy cái trống trải của thời gian tù đọng. Mẹ tôi đã lui cui ở dưới bếp từ bao giờ, mẹ đang ngồi gọt mấy củ khoai trên bàn, ngồi chiếc ghế tôi ngồi tối hôm qua. Không thấy cha đâu, tôi hỏi mẹ:

– Thày con đâu rồi mẹ?

– Chắc ông ấy lại đi ra đồng hay lên bờ đê rồi. Ngày nào cũng ra sông xem có ai bắt được cá không.

Mẹ chỉ đĩa xôi để phần tôi trên bàn, có một con kiến bò loanh quanh trên mép như đang say rượu. Tôi nhìn bâng quơ ra ngoài sân, trời trong vắt không một gợn mây, mầu nắng sáng trắng làm mắt tôi nheo lại, tôi không nhìn thấy gì cả ở vùng sáng lòa ngoài ấy. Cái nóng của ngày mới lên càng làm không khí như ngạt thở. Tôi đi một vòng quanh nhà, những bước chân làm sàn gỗ lại run lên rắn rắc, mùi ẩm mốc của bóng tối vẫn còn quanh quẩn trong những góc ít người đi tới. Tôi kiểm lại xem nhà thiếu mất bao nhiêu cái bóng đèn, có rất nhiều bóng đã cháy mà không ai thay, vài chiếc ghế long đinh lỏng lẻo, nhiều góc tường có màng nhện giăng đầy. Tôi cằn nhằn với mẹ:

– Nhà nhiều phòng cháy bóng đèn mà sao không thay hở mẹ?

– Cũng không cần làm gì. Đèn sáng quá thày con không thích, ngày xưa quê mình làm gì có đèn điện.

Cảm giác bực bội vô cớ lại xâm chiếm tôi. Ấn tượng về một vùng bóng tối đông lõa mơ hồ nào đó trong căn nhà này như một thứ kẻ thù vô lý nhất của tôi. Nó là cái gì ngăn cách tôi tham gia vào đời sống của cha mẹ. Cha mẹ tôi đang sống như hai cái bóng bên cạnh nhau, nhưng hồn thì nhập vào nhau đang ở một nơi nào đó xa xôi lắm. Tôi không chịu được ý nghĩ này. Nó như một cái gì nặng nề kết tội cho bổn phận làm con của tôi. Chúng tôi đã sống cho chính mình trong những cái sống độc lập, hoàn toàn thoát ra khỏi khung cảnh lệ thuộc gia đình. Tôi biết mẹ vẫn ngồi hàng đêm nhìn hình từng đứa con trong gia đình trong bức ảnh chụp chung năm nào, mẹ nghĩ đến hoàn cảnh của từng đứa và có lúc mẹ đã thở dài hay chảy nước mắt nhớ thương con. Tôi không cần phải làm mẹ để cảm thấy rung động với hình ảnh này. Tình thương là một cái gì rất dễ truyền nhiễm lây bén qua người khác, dù là người có khô cằn đến đâu. Muốn người khác yêu thương mình thì hãy tỏ lòng yêu thương người ta trước, tức khắc sẽ được yêu thương trả. Có ai đó đã từng khẳng định như vậy. Tôi không biết mình sẽ như thế nào nếu không có một thứ tình thương tối thiểu nào trong đời. Có thể nó là một điều xa xỉ ở đời sống hiện đại này. Người ta cần nó, nhưng nó khan hiếm và khó tìm hơn cả những gì khan hiếm khó tìm nhất. Không biết tôi có khan hiếm thứ tình yêu với một người khác phái, nhưng tình thương gia đình có lẽ tôi vừa đủ. Có đôi khi tôi không nhớ rằng mình may mắn. Có đôi khi tôi quên có những người thân lo lắng cho mình. Có khi tôi bỏ rơi tình thương.

Những ngày nghỉ trôi qua một cách nặng nhọc. Tôi tiêu dùng thời gian mệt mỏi như muốn tống khứ nó đi cho mau qua hết. Không phải tôi

nhớ thành phố hay đời sống công việc nhàm chán, nhưng tôi sợ những đêm nghe tiếng còi xe lửa rúc lên vào lúc hai giờ sáng và chờ nghe tiếng bước chân cha mẹ tôi trở về phòng trong đêm khuya vắng. Cha tôi vẫn ngồi hằng đêm nơi chiếc ghế đu nơi cửa sổ nhà ăn, vẫn nhìn khoảng trống trên cao ở ngoài trời, và suy nghĩ. Vẫn chưa lần nào cha nói cho tôi hay ý nghĩ nào đang thao thức trong đầu cha, hay chỉ cho tôi xem cha thấy cái gì trên vòm trời trống trải của những đêm xám xịt đó. Cho đến đêm cuối cùng của tuần nghỉ phép. Đêm ấy mưa sụt sùi như những giọt nước mắt của người ấm ức, sàn nhà rít kẽo kẹt trong cơn gió thốc phía bên dưới. Tôi thu xếp một ít đồ đạc, rồi vào phòng nằm nghe tiếng mưa rơi. Tôi biết cha tôi đang ngồi hút thuốc bên cạnh cửa sổ, không biết cha có khép cửa để mưa khỏi tạt vào phòng. Tôi muốn ra nói với cha vài câu, vì sáng mai tôi sẽ dậy sớm rời nhà. Cha ngồi đấy bất động, cái bóng đen im lìm nổi bật trong vòm tối của góc bếp. Đầu cha gục xuống chứ không nhìn thẳng phía trước như đêm nào tôi bắt gặp cha nhìn tôi từ bóng tối. Tim tôi thắt lại. Trong một thoáng, tôi muốn chạy đến gục vào lòng cha như một đứa bé. Nhưng tôi đứng đấy lặng nhìn. Rồi tiếng cha cất lên:

– Lại đây con...

Tôi rón rén đi lại ngồi xuống cái ghế đầu bàn, người tôi run run vì cảm giác lạ đang xao động.

– Hôm nay ngoài sông người ta vớt được một cái vòng sắt còn cột sợi dây thừng, trông giống như cái còng trói người tù ngoài mình.

Giọng cha không bình thường như mọi khi, mà hình như yếu và hơi run. Có lẽ cha mệt trong người. Tôi nhìn cha lo lắng.

– Vâng...

– Hồi đó người ta cũng vớt được nhiều thứ dưới đáy sông Yên Thủy quê mình. Có nhiều cái làm thày sợ không dám nhìn.

– Người ta vớt được những gì dưới sông hở thày?

– Có những khúc xương người lổn nhổn lẫn trong mẻ cá. Mùa nước lớn thuyền đắm ngoài sông lớn, nước cuộn chảy nên xác trôi dạt vào khúc sông làng. Cá nó ăn thịt người, rồi người lại ăn thịt cá.

Tôi rùng mình, cha lại đang sống lại những đoạn đời cay cực khi xưa. Tôi để yên cho bóng tối và tiếng mưa chan hòa trong không gian. Tiếng cha tôi như từ một cõi khác vọng về, đầy xúc cảm. – Có những con thuyền rời bến ra sông rồi không bao giờ trở về nữa. Bà vẫn hay nói đời người là một con tầu chỉ chực chờ một chuyến ra đi. Đi vĩnh viễn. Đi như người bỏ trốn chạy thoát cuộc sống. Như ông bà tổ tiên của mình. Thày hay nhìn thấy ông bà người thân trên cao kia đang nhìn mình một cách thương xót. Tôi ngỡ ngàng. Chưa bao giờ cha tôi bộc lộ những điều

sâu kín này cho tôi nghe.

– Đường trời rộng lớn lắm con ạ. Ở trên cao người ta thảnh thơi sống tự do, không bị ràng buộc vào bất cứ điều gì như ở dưới này. Con có thấy cái gò bó là một sự đau khổ. Cực hình hơn nữa nếu phải sống cho những cái vô nghĩa. Tôi rụt rè hỏi cha.

– Thày thấy gì ở đường trời hở thày?

– Thày không thấy gì cả, chỉ nghiệm ra và hòa đời sống tù túng của mình nơi đó như một lối siêu thoát. Ở trên đó, mình có thể sống cái đời sống mà mình cho là vui sướng hạnh phúc nhất, theo cái nghĩa mà mình tự cảm thấy. ừ, thày sống bằng cái phần tâm linh đã được gột rửa nhẹ nhàng. Thày vẫn ngồi trong bóng tối và suy gẫm. Bóng tối êm dịu hơn cả vì nó xa thực tại. Không phải vì nó không thật hay chỉ là ảo giác, mà nó giúp tâm hồn mình lắng địu bình yên để nhìn vào cái cõi mịt mùng của lòng mình. Con có biết tại sao người ta phải cầu nguyện? Vì người ta cô đơn cần một đấng hay kẻ nào đó lắng nghe, để tìm chia sẻ. Khi thày ngồi suy nghĩ trong bóng tối hay nhìn trời cao, thày không thấy lạc lõng nữa.

Cha nói làm tôi run run vì xúc động. Giọng nói ấm áp đó theo đuổi tôi như một bản hòa tấu địu dàng, nó cất lên khi lòng tôi đang xáo trộn những buồn phiền đau đớn của đời sống. Có gì lấp kín được nỗi cô độc của đời sống. Làm sao tôi có thể hình dung cha tôi đã sống hai mặt đời sống, một đơn sơ hoang vắng một phong phú ẩn kín trong khung cảnh tĩnh mịch này, với cái ý thức chấp nhận hoàn toàn một cuộc sống tầm thường bình dị. Hẳn cha tôi đã sống lại cuộc sống năm mươi năm về trước bằng hồi tưởng trong bóng tối. Chỉ có bóng tối là gần gũi quen thuộc với cha, cũng như bầu trời trong suốt mà ở trên đó cha có thể nhìn thấy tất cả mọi điều cha muốn thấy, mọi khía cạnh của cuộc đời, mọi hình ảnh cha đang điển lại trong đầu. Và trong cái yên lặng mênh mông ấy, cha tạo được sự giao cảm với cõi tâm linh. Buổi tối đã xóa tan đi sự ngăn cách trong lòng tôi về thế giới của cha, mặc dù tôi vẫn không hiểu rõ con đường trời mà cha tôi đang đi kia êm ái thế nào, khi thân xác già nua của cha đang héo mòn bước từng bước trong thời gian nhỏ giọt dưới mặt đất u buồn này. Duy chỉ có một điều mà tôi biết chắc, con đường trên trời mà cha đang đu ngoạn đó, chắc chắn có ký ức và dòng sông trong sáng một thời đã trôi qua đời cha.

Cha vẫn ngồi trong bóng tối một mình một thế giới riêng. ⊙

phạm chi lan

THẠCH HÃN

tiếng nói việt nam: *Where The Ashes Are* và *South Wind Changing*

(tiếp theo)

South Wind Changing là nhan đề của cuốn hồi ký thuật lại cuộc đời của Jade Ngọc Quang Huỳnh, một thuyền nhân vượt biển đến Thái Lan năm 1977, sau đó định cư ở Mỹ. Cũng giống như cuốn hồi ký *Where The Ashes Are* của Nguyễn Quý Đức, *South Wind Changing* bắt đầu với cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968. Tác giả dành Phần I của cuốn sách, gồm 13 chương ngắn, chỉ có 50 trang, thuật lại những ngày thơ ấu và thiếu niên của mình sống với gia đình tại An Tân, ngoại ô thị xã Vĩnh Bình, cho đến ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản vào cuối tháng 4 năm 1975. Đối mặt với những thảm cảnh chiến tranh lần đầu tiên trong đời vào dịp Tết Mậu Thân, tác giả chứng kiến cái chết của đứa em gái út của mình, nhìn thấy tận mắt những nạn nhân chiến tranh chết trên đường chạy nạn. Dịp này cũng là lúc tác giả tiếp xúc với những người lính cộng sản lần đầu tiên trong đời khi hai anh em tác giả bị quân du kích buộc dùng xuồng để tải thương binh lính của họ. Tết Mậu Thân để lại những ký ức khó phai mờ trong đầu của một cậu bé 11 tuổi như tác giả viết: "*I don't know how many people died during the fighting in Tet 1968, the worst New Year of our lives... But the loss was never recuperated and the memories couldn't fade. My family was broken in many ways... We had lost Luoi and I knew now why she died that day without a wound... We lost the house in the village, and we had no money, just some grain left in our cabinet. Some of us went back to the village to help our father clean up the debris after the house had burned*"[1]

Cuộc sống tiếp tục và trở lại bình thường, tác giả nhận ra là mình muốn đứng ngoài cuộc chiến, không muốn bị bắt lính cũng chẳng muốn làm du kích, nên cố công học để thi đậu Tú tài. Trong những ngày theo học bậc trung học, tác giả có nhiều bạn, nhưng nổi bật nhất là Hanh, một

người về sau này tác giả chịu ơn rất nhiều. Một mối tình học trò cũng đã nảy nở giữa tác giả và Di, một cô gái học cùng trường nhưng học trên một lớp. Tác giả ghi lại những kỷ niệm êm đềm bên người bạn gái trong khung cảnh thanh bình của sông nước Cửu Long bên vườn bưởi đang độ nở hoa, nói cho nhau nghe những dự kiến về tương lai của mình. Vạn vật như cũng đồng tình nhởn nhơ thong thả: "*In the middle of the river, some buffalo were bathing. From time to time, they would slap their faces down in the water. A family of bugs flew in the air and then landed on the buffalo's heads again. Up in the sky, a family of swallows dove back and forth. Sometimes one of them would land on a buffalo's horns, as if taking a break, its wings tired, until its flock flew back, dove down and it flew up with them again. Across the river in the distance there was a hut where the buffalo lived. Noon was almost ending now. A boy was building a fire, shoveling some of the cow dung into it to make more smoke, getting ready to call the buffaloes back for their sleep. In the distance, the betel nut tree sway from side to side in the wind.*" (tr. 23-24)

Hè năm 1973, tác giả hoàn tất học trình trung học với kết quả là học sinh xuất sắc toàn niên, và được lãnh thưởng hạng nhất. Trước khi chia tay từ giã bạn bè, tác giả trao đổi những dự kiến về tương lai của mình với Hanh, và bày tỏ ý kiến về những vấn đề lớn của đất nước. Đối với Jade Ngọc Quang Hùynh, những người cầm quyền ở cả hai miền Nam Bắc Việt Nam đều là những kẻ cơ hội, làm tay sai cho những lý thuyết ngoại bang, sử dụng vũ khí của ngoại quốc để củng cố quyền lực và địa vị của mình. (tr. 25-27) Theo tác giả, Việt Nam cần một chính quyền đặt căn bản trên văn hoá, triết lý và các giá trị của người Việt, và đưa ra viễn kiến của mình về hình thức của thứ chính quyền đó, đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục: "*I want to see a Vietnamese president who has no escort, a normal citizen like any other Vietnamese who is well suited for the job... One of the most important things is that I want all the Vietnamese to have an education and expose themselves to the world to broaden their minds. Our country has a self-sufficient economy. We don't need aid from any other nation, if we know how to apply good technology to our farmlands. We need not only a strong, liberal leader, but a model for our country.*" (tr. 27) Cũng trong mùa hè năm đó, người

bạn gái tên Di chuẩn bị lấy chồng theo sự sắp đặt của gia đình. Nghĩ đến việc Di phải lấy một người chồng thiếu học, một nông dân chỉ vì do sự đồng thuận của hai gia đình khiến tác giả phản ứng dữ dội. Khi nhìn thấy Di ngồi với em mình ở đàng sau nhà khách, tác giả ghi lại cảm nghĩ của mình trước thái độ chấp nhận của Di và khám phá ra rằng mình đã yêu Di: "*As I looked at Di sitting so peacefully, her open face caressed by her long black hair, I thought of what I had just said, and I knew for the first time I was in love with her. The fierceness with which I had opposed the pre-arranged marriage still swirled inside me, mixing with other feelings. I wondered what would happen to Di if she were married to a peasant. I sank into thought.*" *(tr. 31)*

Đốt xong Tú tài, tác giả lên Sài gòn chuẩn bị thi nhập học vào Đại Học. Trong thời gian chờ đợi kết quả, vì nhớ nhà nên tác giả lại về quê thăm ông nội. Hai ông cháu chơi trò đố nhau ăn tiền: nếu ông nội sống qua đêm, hôm sau ông phải mất tiền cho cháu; ngược lại cháu sẽ thua tiền. Một ngày kia, khi tác giả vào phòng thức ông nội dậy mới phát giác ra là ông đã chết—và chết đúng ngày ông đã báo trước (!). Đám tang hoàn tất trong vòng nửa ngày, từ lúc chết đến lúc chôn cất, kể cả việc xây lăng và dựng bia! (tr. 42) Hôm đó cũng là ngày Di đi lấy chồng, và tác giả cho rằng đó là điềm vừa lành vừa gở. Đám tang mang lại điềm lành, nhưng đám cưới lại đem đến chuyện gở, như dấu hiệu báo trước cho những gì sẽ xảy ra trong đời mình. Từ giã gia đình lên Saigon theo học Đại học, tác giả sống những ngày cuối của tháng Tư 1975 trong không khí nhốn nháo của một thành phố đang dãy chết. Tác giả cùng bạn là Hanh ra Vũng Tàu tìm cách thoát nhưng không thành, rồi trở về sống cùng gia đình ở Vĩnh Bình. Tại đây, tác giả sống qua những ngày đầy lo sợ khi chứng kiến những gì những người Cộng sản đang thi hành ở miền Nam. Cảnh công an xét nhà, cảnh người này tố cáo người nọ, cảnh xử tử những người mà họ cho là thành phần có nợ máu, phản cách mạng xảy ra như cơm bữa. Đặc biệt tác giả chứng kiến một vụ xử 10 thanh niên tại sân vận động Vĩnh Bình. Công an tổ chức một buổi meeting tại sân vận động, rồi bắt 10 thanh niên, tay trói ở đàng sau, mắt bịt, dẫn ra trước một đám đông người, lên án họ là thành phần phản động. Nạn nhân trước khi bị xử bắn đã dõng dạc hô to khẩu hiệu "Việt Nam Cộng hoà muôn năm." Cảnh tượng đó khiến cho tác giả cảm thấy như có một luồng điện chạy qua người và nhận ra là mình có thể là nạn nhân

kế tiếp. Cộng sản khám xét nhà cuả tác giả vào ngày 15 tháng 5 năm 1975, tịch thu hết gia sản chỉ trừ mỗi người một bộ áo quần đang mặc trên người, và đưa cha ra xét xử nhưng lại được dân thương che chở nên mới tránh được cái chết trong đường tơ kẻ tóc, mấy người anh còn lại bị tống giam vào trại cải tạo. Tác giả xin phép công an cho trở lại Sàigòn tiếp tục học và được chấp thuận. Một hôm kia, bà cô sai đi mua thức ăn, tác giả bị công an hỏi giấy rồi bắt giam mà không biết mình đã phạm tội gì: "*He grabbed my hands and cuffed them at my back, pointing his AK-47 at my ribs and commanding me to move. People stared at me as we began to walk I didn't know what my crime was... In early June 1985, a few months after my eighteenth birthday, I was sent to a labor camp. No one knew what had happened to me. I could see my aunt's face, waiting for me to bring back the food to cook the meal that would never be.*" (tr. 50)

Phần Hai của *South Wind Changing* gồm 20 chương, từ trang 51 đến 179, thuật lại những ngày bị giam cầm trong trại cải tạo. Sau khi bị giam giữ ở Saigòn một tuần, tác giả bị đưa đến trại cải tạo Hiệp Tam, một căn cứ trực thăng của quân đội Mỹ trước đây. Cán bộ quản trại dụ dỗ tù nhân khai báo thành thật nếu muốn được sớm về với gia đình, nhưng tác giả lại quyết định khai "láo" tránh một thứ bẫy sập mà nhiều người tù khác lầm lẫn mắc phải. Tù nhân được chia thành nhóm, mỗi nhóm hai mươi người, ban ngày lao động như đào giếng, đào hố phân, trồng trọt, hay đi tháo gỡ mìn, lựu đạn để lấy dây kẽm gai từ những căn cứ quân sự cũ nay bỏ hoang. Ban đêm, tất cả tụ họp trong sân trại học tập, phê bình kiểm thảo. Trong dịp này tác giả quen biết một tù nhân nguyên là một cựu đại úy biệt kích, có một người vợ trẻ đẹp phải ăn nằm với cán bộ để được thăm viếng chồng. Kết quả người vợ mang thai, và trong sáu tháng sau đó không thăm viếng chồng vì bụng mang dạ chửa. Sinh nở xong, người vợ đến thăm chồng, cùng mang theo đứa con đầu 4 tuổi. Lúc gặp cha, đứa bé đã nói là ở nhà nó chơi với em, khiến người tù tức giận vợ phản bội nên cắn lưỡi tự tử.

Sau sáu tháng bị giam ở Hiệp Tam, tác giả chuyển trại đến một trại mới nằm sâu trong rừng gần biên giới Việt Miên, cách Hà Tiên 50 cây số. Đây là một căn cứ của Cộng sản nay bỏ trống. Trại gồm 20 căn nhà, chứa 500 tù nhân và 60 vệ binh sống trong 5 căn lều nhỏ. Quản trại là một cán bộ từ Bắc vào tên Son, trong khi phó quản trại là một người

Nam tập kết, Chú Từ. Tác giả được phân vào đội L-19, hàng ngày lao động từ năm giờ sáng cho đến bảy giờ tối, khai quang rừng rú để trồng lúa và rau cải. Buổi tối tù nhân phải học tập kiểm thảo cho đến nửa đêm mới được ngủ. Ăn uống thiếu thốn lại bị hành hạ, cộng sản muốn diệt trừ mọi mầm mống chống đối như tác giả ghi: "*The food they gave us was never quite enough. Their policy was to let us die slowly, stealing from us any strength to fight back. They forced our labor and kept us busy so we would never have any time to scheme against them. If someone provoked them, they would punish us and shoot that person in front of us as if they were telling us, 'I'll shoot anyone I want.'* " (tr.57)

Tù nhân được phân công thi hành nhiều công tác lao động khác nhau. Trong tuần lễ đầu tiên ở trại mới, toán tù của tác giả phải đi tháo gỡ mìn ở một tiền đồn bỏ hoang cạnh đó để lấy giây kẻm gai. Một tù nhân đạp phải mìn, bị trọng thương và chết khoảng một giờ sau đó vì mất máu mà không được cứu chữa, trong khi cán bộ vẫn dửng dưng thúc bách tù nhân tiếp tục công việc. Chính tác giả cũng đã vướng phải một quả lựu đạn gài bẫy, nhưng nhờ sự nhanh trí của một người bạn tù nên đã kịp thời gài lại chốt trước khi quả lựu đạn bung nổ. Cái chết của người bạn tù từ đó ám ảnh tâm trí tác giả trong suốt thời gian bị giam giữ. Người bạn tù đầu tiên tác giả gặp trong dịp này là một thanh niên trẻ, tuổi trạc cùng với tác giả, tên là Hung. Bị động viên vào lính sau khi rớt kỳ thi tú tài, Hung còn mẹ và hai em gái, cha chết lúc Hung còn nhỏ. Tác giả và Hung trở thành đôi bạn thân, san sẻ tâm tình, chia nhau những con dế mình lén bắt được để phụ thêm vào phần thực phẩm quá ư thiếu thốn trong trại. Đầu óc ám ảnh bởi cái chết chắc sẽ đến với mình và nỗi lo âu về những ngày tháng bị giam cầm không biết đến chừng nào mới được thả, tác giả ao ước được sổ lồng như một con chim bay lượn trên trời xanh, và chỉ trong nhưng giây phút bị giam hãm đó, tác giả mới nhận ra được tự do qúy giá đến đường nào: "*It was dawn and still dark outside but somewhere at the end of the horizon the sun began to rise. I looked at the bamboo fences, wondering how long I would be here. The bamboo poles looked like the bars of an enormous bird cage. How nice it would be, I thought, to fly up high in the sky, to smell the air after it rains. I want to jump from branch to branch. I want to take a deep breath, holding it there forever. Not long before, I had the freedom to do everything according to my own free will. I had never realized, be-*

fore, how beautiful that was." (tr.62)

Vài tuần lễ sau, nhân một chuyến đi lao động, Hung đã có dịp gặp lại mẹ tìm cách đến trại thăm con. Bà mang theo một ít áo quần và thực phẩm, rồi tìm cách lân la trò chuyện với các tên vệ binh cộng sản mong họ nhận chuyển những vật dụng đó cho Hung. Cán bộ nhận quà, nhưng cũng không quên dành riêng cho mình một số thực phẩm. Một đêm kia, tác giả cùng Hung lẻn ra vườn trộm sắn để dằn cơn đói, bị phát giác, Hung trốn chạy. Đêm hôm sau, cả trại được lệnh tập trung ở khu "máy chém" (guillotine center), nơi đêm đêm cán bộ hành hạ tù nhân bằng cách ra lệnh người này phải đánh người kia và nhắc nhở nhau "phải báo cáo cho cán bộ mỗi khi thấy người nào vắng mặt." Tù nhân bị đánh ê ẩm, sau đó cán bộ cột ngón tay cái trái vào ngón chân phải mỗi người rồi để họ ngồi suốt ngày ngoài nắng. Cũng trong ngày hôm đó, Hung bị bắt và trả lại trại, sau khi bị đánh đập và tra tấn. Những sự ngược đãi hành hạ của cán bộ chỉ làm cho tác giả thêm ghét cộng sản và nảy ra ý định vượt thoát. Thân xác đau đớn vì bị đánh đập, lại thêm cơn đói hoành hành, tác giả chỉ cầu mong họ bắn mình chết ngay cho thoát kiếp.

Một vài tuần lễ sau, mẹ Hung lại xuất hiện ở trại, lần này mang vàng đến hối lộ cho tên quản trại Son đổi lấy tự do cho con trai của mình. Tên cán bộ nhận vàng, nhưng rồi đêm hôm đó chúng đã dẫn Hung đi mà tác giả không biết đi đâu, rồi bặt tin luôn từ đó. Một hôm nhân trong lúc lao động ở ngoài, tác giả thấy bọn cán bộ lôi một xác chết của một người đàn ông trạc độ 36 tuổi bị bắn nhiều nơi trên người và đầu, và khi đi ngang qua xác chết, trong lúc không ai để ý, tác giả nhặt một bao ni-lông nằm lấp dưới đám lá cạnh đó. Xác người thanh niên có nhiều vết đánh vỡ sọ, mất lòi ra khỏi hốc, tay chân ở trong tư thế của một người bị cột vào một chiếc thập tự giá hay treo lũng lẳng trên cành cây. Đó là xác của một tù nhân trong nhóm L-21 ở cùng trại.

Đêm hôm đó, tù nhân lại bị tập trung vào khu máy chém. Quản trại Son ra lệnh mọi người tuân hành kỷ luật, và nói lý do tại sao thanh niên kia bị bắn. Rồi hắn bắt một tù nhân mới đến mang kiếng cận thị đứng riêng ra, lên án anh ta là một thứ trí thức phản động, trong tiếng phụ họa của những người tù làm "ăng ten". Hắn lấy báng súng đánh người tù, máu từ miệng tuôn ra, rồi trói thúc ké và lôi xềnh xệch đến cột cờ giữa sân để cho tù nhân lần lượt hết người này đến người khác đi ngang qua lên án, đánh đập và phỉ nhổ. Một cơn mưa lớn chợt ào đến nên tù nhân

được phép về trại trú mưa. Tác giả sực nhớ đến bao ni lông nhặt được cạnh xác chết bèn mở ra xem. Trong bao có một tấm ảnh gia đình nạn nhân, cùng một lá thư viết bằng bút chì nguệch ngoạc gởi cho vợ. Tác giả tự hứa là sẽ tìm mọi cách chuyển lá thư đó cho gia đình nạn nhân.

Vì công tác của mỗi tù nhân thay đổi hàng ngày nên tác giả có dịp được làm việc dưới sự điều khiển của viên phó quản trại là Chú Tư, một người Nam tập kết ra Bắc, nay vẫn còn phải chịu làm dưới quyền của một cán bộ Bắc việt. Từ đó trở đi, tác giả làm việc thường xuyên cạnh Chú Tư cùng một người bạn tù khác tên Thanh. Trong một chuyến theo Chú Tư và Thanh đi ra quốc lộ nhận tiếp liệu, tác giả có dịp tìm hiểu thêm về người cán bộ cộng sản này. Chú Tư tập kết ra Bắc năm 1945, kháng chiến chống Pháp, có vợ và ba con. Những tưởng sau chiến tranh đất nước thống nhất chú được trở về sinh sống cùng gia đình, nhưng mãi cho đến giờ vẫn còn phải lao đao trong cảnh rừng sâu núi thẳm, rồi còn phải làm việc dưới quyền của một người cộng sản Bắc Việt, chán nản trước sự tranh giành quyền lực giữa hai phía Bắc Nam. Mọi việc đã không xảy ra như lời hứa của Bác Hồ năm nào là sau chiến tranh, người miền Nam sẽ trở về để cai quản miền Nam. Tác giả nảy ra ý định khai thác nỗi bất mãn nơi người cán bộ này, lôi kéo họ vào một cuộc tranh chấp Bắc Nam có lợi cho chính mình và những người bạn tù: "*As I listened to the conversation, an idea developed in my minds Why don't I draw the northern and southern guards into deeper conflicts. I knew the southerners hated the northerners but I didn't realize that the VC Liberation front hated the north too. They both were members of the Communist Party. I hated the yellow uniform; we called them yellow cowards. Let them fight to kill each other; I could be in the middle, and watch them fight like the chickens. I could place bets and be the winner no matter what.*" (tr.102) Một ý nghĩ khác thoáng qua: giết Chú Tư rồi trốn thoát, nhưng rồi gạt đi vì tác giả nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra cho những người bạn đồng tù nếu mình hành động: "*...If I killed Chú Tu, I would be free but what would they do to all other captives? They would torture them in ways I didn't want to imagine, trying to make them pay for what someone else had done. I didn't want to exchange myself for all other prisoners. The time wasn't ripe yet. I trudged on.*" (tr.107)

Vài hôm sau, mẹ Hung lại đến trại, được cán bộ báo cho biết là con bà lâm bệnh mà chết. Thấy bà mẹ già đứng trước nấm mồ không phải là

mồ của Hung, tác giả tức giận sự lừa gạt của bọn vệ binh trước một bà mẹ già chỉ mong đến thăm con, nhưng trước những con mắt canh chừng cẩn mật của lính gác, tác giả chẳng thể làm gì khác hơn. Tối hôm đó, quản trại Son lại tập trung tù nhân tại khu máy chém, lên lớp giảng thuyết về cách mạng, về đảng Cộng sản. Tác giả đã cùng một số mấy người tù đáng tin bày mưu để tránh phải ngồi hiến máu cho muỗi và nghe cán bộ nhai đi nhai lại những luận điệu cũ rích. Mấy người tù bàn nhau rằng sẽ có một người hô hoán lên "Rắn, rắn," để rồi mọi người đều tung chạy tán loạn trở về nhà ngủ. Đúng như trù liệu, vào tối hôm sau, tù nhân la lớn có rắn, rồi tung chạy. Son tức giận hò hét, ra lệnh mọi người ngồi yên tại vị trí, rồi lấy cây K-54 bắn lên không. Tù nhân vẫn không tuân lệnh nên y vội thộp lấy một người, kê súng vào cổ nhưng vẫn bắn lên không. Thấy sự đe dọa của mình vô hiệu, Son nhắm ngay đầu người tù nổ súng. Máu tuôn lai láng, và như để cho tù nhân biết rõ hậu quả, y còn bắn thêm nhiều phát súng vào người nạn nhân. Mọi người đều khựng lại trong im lặng.

Sinh hoạt trở lại bình thường trong những ngày kế tiếp. Lúc này đã có tin đồn có giao tranh giữa lính cộng sản Việt Nam và Khmer ở các vùng gần biên giới. Chú Tư, trong một cuộc thăm dò tình hình đã bị quân Khmer phục kích bắn bị thương ở chân. Tác giả lại được cất cử săn sóc cho Chú Tư, trong khi đám tù còn lại chuyển trại đến một nơi khác an toàn hơn. Đây cũng là dịp khiến tác giả nghĩ đến cơ hội trốn thoát của mình bằng cách lợi dụng việc săn sóc viên phó quản trại, giết hắn ta rồi trốn thoát. Nhưng một lần nữa, tác giả lại cho rằng làm như thế là không phải đạo, không nên đánh kẻ ngã ngựa: "*Why do I have to save this man instead of letting him die? He made me, Thanh, and all the captives suffer. Why don't I trip over something, drop the stretcher, let Chu Tu die? No, it's silly. It's cowardly to fight with someone when they can't fight back. My father had a saying, "Never kill a person who has fallen from a horse.*" (sic). (tr. 114)..

Tù nhân di chuyển đến vị trí mới, nên phải tự mưu sinh bằng cách đào giếng nước, bẫy thú vật, và sinh hoạt có vẻ lợi hơn trước, khỏi phải lao động nhiều. Lính vệ binh tụm năm tụm ba đánh cờ, không còn canh gác nghiêm nhặt như ở trại cũ. Trong lúc cùng hai người bạn tù khác đi kiểm soát các bẫy đã đặt hôm trước, một người trong nhóm tên Tâm bị rắn độc cắn, không cứu chữa nổi nên phải bỏ mạng. Trong thời gian này,

tác giả không phải lao động nhiều, lại chứng kiến thêm cái chết thảm của một người bạn tù đã đổi mạng sống của mình mong bẫy được một con chuột làm thức ăn, nên đầu óc đã suy nghĩ nhiều về hoàn cảnh và số phận của mình. Ai đã gây nên chết chóc, tại sao phải lấy sinh mạng của mình để đổi lấy một miếng ăn chẳng ra gì? Mình chỉ là một tiếng nói yếu ớt, bất lực trước cuộc thế đảo điên: "*Yes, because of this rat, we have to eat. We have to survive so we need food. Was it worth for Tam to die simply because he had to eat and he was starving? It's only a mouthful! Is it worth to fight for life, I wondered.....Who brought these circumstances to us? Are the Communists the cause of this? Is it the Americans, the northerners, or the opportunists? ... We're such a small voice with no power. What can we do in this big world? ...*" (tr.130)

Trong thời gian tại khu tạm trú, tác giả có dịp gần gũi và tâm sự nhiều hơn với Chú Từ. Trong lúc chờ xe quân đội đi ngang để quá giang về tỉnh lị cho Chú Từ vào bệnh viện chữa chạy vết thương ở chân, chú tâm sự cùng tác giả là đã bỏ gia đình đi kháng chiến rồi tập kết ra Bắc năm 1945 (sic) chống Pháp, và ở lại hàng ngũ cộng sản cho đến bây giờ. Ước vọng duy nhất của chú sau chiến tranh là về quê xin cha mẹ một mảnh đất, trồng rau nuôi gà cùng gia đình, nhưng ước vọng nhỏ nhoi đó vẫn chưa thành tựu cho dù chiến tranh chấm dứt đã lâu. Chú còn giải thích cho tác giả biết lý do tại sao anh đã bị bắt cải tạo. Theo đó, tác giả bị bắt đi cải tạo vì anh là một thành phần trí thức, mà người Cộng sản không thể dung tha vì họ là những kẻ hay chống đối. Chờ mãi đến tối không thấy xe, hai người lại quay trở lại vị trí đóng trại. Tối hôm đó, một cuộc dụng độ giữa lính cộng sản với Khmer xảy ra. Ngày hôm sau, hai người lại trở ra quốc lộ đón xe về tỉnh. Đến bệnh viện Hà Tiên, chú Từ bị cưa chân, tuy chỉ bị thương nhẹ nhưng vì lâu ngày không thuốc men, cộng với sự dốt nát của bác sĩ và y tá tại bệnh viện, họ đã cưa chân chú cụt lên đến tận đầu gối. Sau mấy hôm ở lại bệnh viện săn sóc cho tên phó quản trại, tác giả đã quyết định trốn thoát.

Phần Ba của cuốn *South Wind Changing*, từ trang 183 cho đến hết, gồm 22 chương, thuật lại quãng đời từ khi rời bệnh viện cho đến thời gian định cư ở Mỹ.

Ra khỏi bệnh viện, tâm trạng hân hoan như người được hít thở không khí tự do lần đầu, tác giả không ngờ rằng mình đã thực sự trốn thoát: "*I was free for the first time, without a guard watching me....I felt I could*

travel like them to any destinations: my world, my dream, my family... a place beyond my imagination. Am I really Alive? Am I really free? Did I really escape? Yes, yes. I laughed, starting, almost afraid I might wake up. I touched myself to be sure..."(tr. 183). Trên đường về Sa Đéc trở lại nhà người bạn học tên Hanh, dọc đường tác giả phải ăn xin, vừa để che dấu tung tích vừa để kiếm đủ tiền xe. Được gia đình người bạn che giấu và cho ăn ở, tác giả tìm cách liên lạc với gia đình mình ở Vĩnh Bình, cách đó khoảng chừng 100 cây số. Khi gặp được người chị và biết tin gia đình bình yên, mặc dù mấy người anh vẫn biệt tăm kể từ 1975, tác giả vẫn tá túc tại nhà bạn. Nhưng khi công an bắt đầu làm khó dễ về sự hiện diện của tác giả trong gia đình bạn, anh tìm manh mối vượt biển. Nhờ sự sắp đặt của Hanh, tác giả liên lạc được với một thầy học cũ , và dùng giấy tờ công an với con dấu giả tự khắc lấy, anh liên lạc với chủ ghe ở trong một họ đạo ở quận Thiện Đức. Ngày hôm sau anh trở lại Vĩnh Bình, khi đến tỉnh lỵ anh đi ngang qua nhà nhưng chỉ nhìn mà không dám vào, rồi hối hả đi tìm họ đạo. Khi gặp chủ ghe và đồng thuận giá cả, anh nạp ba cây vàng do Hanh lấy cắp của gia đình đặt chỗ cho mình và bạn. Đúng ngày giờ hẹn, hai người đến địa điểm lên tàu. Đó là một chiếc tàu nhỏ nhưng chứa đến 124 người, phần lớn là đàn bà và con trẻ. Để tránh bị lộ, người lớn phải cho trẻ con uống thuốc ngủ qua đêm. Nhưng tàu chưa ra bờ được bao xa thì lại gặp tàu đánh cá quốc doanh có trang bị vũ khí chận xét. Hai bên thương lượng, những người vượt biển đồng thuận thu góp vàng được 100 cây nhưng bọn cộng sản chê ít, lấy bỏ túi rồi kéo tàu trở lại bờ. Không muốn trở lại tù một lần nữa tác giả quyết định nhảy tàu trốn thoát. Lợi dụng đêm tối nhảy xuống biển bám vào một chiếc thùng đựng nước rỗng, tác giả được sóng tấp vào bờ Hòn Khoai. Khi tỉnh lại, anh thấy mình nằm trong một căn chòi nhỏ của một ông lão ở một nơi heo hút ngày ngày đánh cá đem lên chợ bán độ nhật. Sau mấy hôm được ông lão chăm sóc, anh lấy lại sức khoẻ, và cuối cùng được ông lão gởi lên ghe trở lại đất liền.

Đến Kiên Giang, anh tìm cách liên lạc lại với gia đình Hanh, và muốn đi Thốt Nốt liên lạc với một nhóm kháng chiến Hoà Hão. Giả dạng làm dân chài nhờ bộ áo quần ông Bảy cho, anh tìm về An Giang, sống lây lất ở chợ cùng với một đám trẻ bụi đời tranh nhau từ từng chút cặn trong tô phở hay một món gì cho được vào miệng. Hôm sau anh đi Thốt Nốt, nhưng khi đến nơi được tổ chức kháng chiến cho biết là họ

không muốn lấy thêm người. Thất vọng, anh trở lại Sa Đéc tìm bạn. Hanh bị bắt giam hai tuần, những người còn lại trên tàu cũng được tha bởi vì công an chia chác tiền không đều nên muốn êm nhẹm và không muốn làm lớn chuyện. Vẫn không nản chí, tác giả tìm cách vượt biển lần nữa, nhưng tiền đâu ra bây giờ để mua chỗ trên ghe. Tác giả tìm đến gặp người cô sống ở Cồn Cát, và nhận được bảy cây vàng mà tác giả đã nhờ bà cất giữ từ trước. Mang trả ba cây vàng cho gia đình Hanh còn giữ lại 4 cây cho mình, tác giả nhờ Hanh gặp một người tổ chức vượt biên quen biết trong lúc bị công an giam giữ, sắp đặt một chuyến vượt thoát lần thứ hai. May mắn thay, đó là một tổ chức giả mà hai người kịp thời khám phá ra trước khi mất tiền. Lần thứ ba, hai người đi chuyển đến một thành phố nằm ven biển cách Saigon 250 cây số về phía nam, lẫn khuất trong các khu rừng chuẩn bị lương thực cho một cuộc vượt biển. Đến đêm hẹn, họ dùng ghe nhỏ đi ra tàu đang đợi ở trên Kinh Hai mươi, sau khi phải trốn tránh tàu tuần tiễu của Công an nhiều lần. Đến bốn giờ sáng, chiếc tàu chở người vượt biển ra khơi. Một cuộc hải hành bắt đầu trong cảnh trời êm bể lặng, nhưng ngay sau đó giông bão đã ập đến. Thuyền nhân nôn mữa thốc tháo, con tàu bị sóng đánh đến nổi nhiều chỗ bị vỡ và nước đang tràn vào tàu. Sau ba ngày ba đêm lênh đênh trên biển cả, nhiều người đã chán nản và chỉ muốn quay trở lại đất liền. Máy tàu bị hỏng, thực phẩm và nước uống cạn dần, trẻ con có nhiều đứa gần chết. Con tàu lênh đênh như vậy thêm một đêm và hai ngày nữa trước khi trôi dạt lên bờ hải phận Việt Nam. Trong số 30 người lên tàu, chỉ còn lại 15 người. Nửa số người kia chết vì đói và bệnh. Trước những thất bại liên tiếp, tác giả cho rằng số phận của mình đính liền với quê hương, không thể tách rời được: "*It seemd that I could not betray my country; everytime I went out on the ocean, the shore pulled me back.*" (tr.248)

Trở lại Sadec cùng với gia đình Hanh, tác giả lại càng thấy phải tìm cách vượt thoát thêm lần nữa, và vì công an càng ngày càng chú ý đến gia đình của Hanh nên phải nghĩ ra cách để tất cả mọi người trong gia đình đều có thể ra đi. Trong số bà con của Hanh có người có tàu, nhưng từ lâu đã không dùng và cần phải sửa sang lại mới có thể ra khơi được. Họ chuẩn bị mua máy tàu, thực phẩm, nhiên liệu và dụng cụ hải hành, rồi cùng với một người anh của tác giả là Lan thực hiện một cuộc vượt biển khác. Trước khi ra đi, tác giả nhờ Hanh liên lạc cùng gia đình yêu cầu họ đi theo, nhưng cha tác giả từ chối bảo là phải ở lại chờ đợi mấy

người con đang học tập trở về, mẹ và chị cũng không muốn ra đi. Để qua mắt công an, trong nhiều tháng trước ngày vượt biển, họ giả dạng làm dân thương buôn, dùng ghe chở những chiếc vại lớn đem bán ở các tỉnh Sóc Trăng, Rạch Giá, CầnThơ, cốt để dò xét tình hình canh gác ở các khúc sông và để làm quen với công an. Đến lúc ra đi, họ chọn ngã Rạch Giá vì việc canh gác trên các kinh và khúc sông ra biển không nghiêm nhặt bằng các nơi khác. Sau khi đã thu xếp sắp đặt cho mọi người lên tàu, họ ra khơi vào ngày 8 tháng 3 năm 1978.

Sau khi thoát qua được mấy trạm công an canh gác, con tàu hướng về biển cả. Nhưng trong lúc tối trời, lại đang có nhiều ghe tàu đi lại, nên đã đụng mạnh vào một chiếc ghe nhỏ hơn, làm thành tàu bị nứt nhiều chỗ. Sau khi tạm thời sửa chữa những chỗ bị vỡ con tàu tiếp tục ra khơi trong trời êm biển lặng và nỗi hân hoan của mọi người: "*...And so our journey on the ocean began. The waves were very gentle, the air was fresh, people in our boat start speaking all at once, lively after our meal..*"(tr. 264).

Nhưng vào đêm thứ hai, con tàu đã gặp bão. Mưa to gió lớn cùng những con sóng ập đến, tung con tàu lên cao rồi lại hạ thấp xuống theo làn nước, khiến mọi người bị say sóng mệt nhoài. Khoảng nửa giờ sau, cơn bão đi qua, mưa ngừng, gió lặng. Máy tàu ngưng chạy vì bị vào nước, chiếc tàu cũng đã ngập nước. Mọi người ra sức thu dọn, lau chùi máy và tổng kê lại những gì còn mất. Cơn bão và tình trạng của con tàu khiến nhiều người muốn quay về đất liền, nhưng Hanh và những người điều khiển tàu đã dứt khoát ra đi " *We lived free, or died, but would never return.*" (tr.266)

Một ngày trôi qua, con tàu như một bóng ma lạc hướng lênh đênh trên biển cả, với số thuyền nhân kiệt lực, thực phẩm và nước uống cạn dần. Đêm qua, ngày đến, đem theo ánh nắng chói chang khiến cơn khát hành hạ đám thuyền nhân khốn khổ tuyệt vọng phải nhấp nước tiểu cầm hơi. Máy tàu hết xăng ngưng chạy. Ngay lúc đó, một chiếc tàu đánh cá của Thái Lan cập lại tiếp cứu. Họ cung cấp nước uống và thức ăn cho thuyền nhân, cho người giúp sửa máy tàu và dùng dây kéo chiếc tàu tị nạn theo họ vào bờ. Đám ngư phủ Thái Lan tốt bụng chỉ có thể giúp sửa tàu mà không thể đưa họ vào bờ vì ngại gặp rắc rối với cảnh sát và chính phủ Thái Lan đang cố tâm đẩy những người vượt biển ra khơi mỗi khi gặp tàu họ tiến gần bờ. Chiếc ghe tị nạn giã từ những ân nhân của mình

vào một buổi hoàng hôn, hướng về phía Chantaburi: "*We held our hands together, bowing them our respectful goodbye. We started our engine. They waited until they heard our boat run, then left us. We waved until the boat disappeared.*" (tr. 269) Chưa đi được xa chiếc ghe lại gặp một chiếc tàu lớn khác, mọi người hân hoan lầm tưởng rằng mình sẽ được một chiếc tàu khác đến cứu. Nhưng khi nghe một người trên chiếc tàu lớn bảo họ là cảnh sát, niềm hy vọng vụt tắt ngúm. Mấy người Thái lên ghe, cướp giựt nữ trang, tiền bạc và vật dụng quý giá của mọi người. Chúng dùng dao hăm dọa đám thanh niên, rồi cho người tháo gỡ một vài bộ phận chính yếu trong máy tàu. Chúng bắt đàn bà con gái đứng thành một nhóm riêng, trong khi mấy người đàn ông thanh niên tị nạn chống chọi một cách vô vọng trước đám đông người Thái hung dữ với vũ khí đầy đủ. Bọn chúng thay phiên nhau cưỡng hiếp đàn bà con gái, rồi dùng tàu thúc vào hông chiếc ghe khiến nhiều người mất thăng bằng rớt xuống biển. Sau một hồi cướp phá, bọn chúng bỏ đi, đám thuyền nhân tìm cách chèo ghe vào bờ.

Đến 5 giờ sáng, chiếc ghe đến bờ. Thuyền nhân phá tàu, tránh bị nhà cầm quyền đẩy trở lại ra khơi. Mọi người lên được bờ, thương tích đầy mình, đói khát và đau đớn. Cảnh sát cô lập mọi người vào một nơi, không cho tiếp xúc với dân địa phương. Ở lại đây một tháng, và trong thời gian đó còn có thêm hai tàu tị nạn khác đến bờ. Đầu tháng Tư, có một ký giả có vợ người Việt đến thăm và chỉ cho họ cách trốn cảnh sát để vào trại tạm cư. Hôm sau họ đến trại Leamsing, nhưng phải chờ cho đến khi có phái đoàn của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp quốc đến can thiệp, họ mới được nhập trại. Những ngày tiếp theo sống trong trại tị nạn, tác giả bắt đầu suy nghĩ đến những ngày lưu vong trước mặt: "*... This would be our place to rest, to settle for a while, and to begin our new life as a people without a country, as wandering souls who had lost their home just as surely as those lying beneath us had lost their lives....I sat down on the ground, inhaled the fresh air, looked further into the ocean, and wondered what was beyond.*" (tr.274)

Tháng 11 năm đó, tác giả liên lạc được với một người anh ruột khác là Tường, trước là phi công đã thoát sang Mỹ năm 1975, nên rời trại sang định cư ở Corinth, Mississippi, mặc dù trước đó hai anh em tác giả được phái đoàn Canada nhận cho định cư. Sau một chuyến bay dài ngừng ở nhiều nơi, anh em tác giả đã hội ngộ với thân nhân tại phi trường Mem-

phis.

Những ngày đầu tiên trên đất Mỹ sống cùng gia đình anh chị ở một thị trấn nhỏ, tuy qua trước nhưng vẫn không mấy khá giả, đã khiến tác giả lo âu. Thu xếp xong những thủ tục giấy tờ, tác giả ghi danh theo học lớp Anh ngữ, và tìm việc làm hầu giúp anh chị trang trải chi phí. Lan, người anh cùng vượt biên với tác giả, có ý định đi California tìm việc làm và gần gũi với bạn bè hơn và cũng khuyến khích tác giả nên làm theo vì cả hai đều không muốn mình là một gánh nặng cho ai, kể cả việc xin trợ cấp xã hội, như lời người anh cả nói: "*We have to make it on our own; no one is going to help us if we cannot help ourselves. If we survived the Vietnam War, we will not die here, he [Tuong] sighed. "Besides, using welfare is like putting ourselves down. We have dignity, grace, and we're proud to be Vietnamese...*" (tr. 284)

Sau khi Lan đi California, tác giả vẫn ở lại với anh chị thêm một thời gian nữa. Một hôm đi nhà thờ—tác giả thật sự muốn đi chùa nhưng chẳng tìm đâu ra chùa ở Corinth—anh được một người Mỹ giúp xin làm ở MacDonald, lương $1.90 một giờ, nhưng cũng không làm việc được lâu vì bị chủ kỳ thị mặc dù anh làm đủ việc theo lệnh, từ nướng thịt, gói bánh cho đến lau chùi cầu tiêu mà không hề phàn nàn, ngay cả ở lại làm thêm giờ mà không được trả tiền phụ trội. Đời sống kinh tế gia đình anh chị ngày càng khó khăn, công việc ở sở của anh giảm sút đến độ hai vợ chồng có tuần chỉ làm việc một hai ngày. Đến California, Lan xin được vào lớp học nghề trong chương trình CETA, lại nhận được thư nhà qua Hanh đang định cư ở Ý. Vì thế tác giả càng có lý do rời xa anh chị tìm công ăn việc làm, vừa để tự túc vừa để giúp đỡ cho gia đình ở Việt Nam đang khốn khổ. Nhưng nghĩ đến việc phải xa người thân, anh lại tự hỏi tại sao anh lại chưa vui sum họp, đã sầu chia ly: "*I knew I had to leave here even though I loved my brother's family a lot. But why was it that I had to leave every time I met my loved ones or the one I loved? I had to be strong since my family was calling for help. I consoled myself by remembering that I could come back to visit and that I could call them. This was America and not Vietnam.*" (tr. 288)

Rời Corinth đến San José, California, tác giả ghi danh vào học nghề thợ tiện và học thêm Anh ngữ. Một năm rưỡi sau, anh xin được việc làm với số lương $4.25 một giờ, làm từ 5 giờ chiều đến 5 giờ sáng bảy ngày một tuần. Ngoài giờ làm việc, anh còn kiếm thêm tiền bằng cách đi hái

dâu kiếm thêm thu nhập, giúp đỡ những người tị nạn mới đến. Với số tiền hai anh em dành dụm, họ gởi giúp cha mẹ và thu xếp cho gia đình người chị, hai em trai, một em gái và một cháu trai trốn thoát qua Nam Dương năm 1980. Năm sau họ đến Mỹ để lại cha mẹ và hai người anh của tác giả ở Việt Nam. Trong một lần đến xin bông sữa cho cháu ở văn phòng xã hội, tác giả như bị dội một gáo nước lạnh vào mặt khi nhân viên ở đây thẳng thừng bảo là họ không muốn tiếp xúc với người Việt Nam. Từ đó, tác giả nghĩ là mình phải làm gì để thay đổi tình trạng này, và muốn thay đổi, chỉ còn một việc là phải học, nên ghi danh vào học ở trường đại học cộng đồng ở địa phương. Nhưng khi thấy tình trạng sinh viên Việt Nam ở đó đã không chú tâm vào việc học, cộng thêm với sự kỳ thị, tác giả quyết định phải đi nơi khác :"*The lack of seriousness of a few Vietnamese students and difficulty with racial politics made me decide to move on, for the time being.*"(tr. 290). Thu xếp với anh chị về việc giúp đỡ gia đình còn ở lại Việt Nam xong, tác giả gom góp tiền tiết kiệm, một ít áo quần và thức ăn, rồi cùng hai em trai và đứa cháu chen chúc nhau trên chiếc Pontiac đời 67 đi về một nơi vô định: "*I decided I had to move away from our community in San Jose to find a good place for school and a better place to call home for them. I asked my brothers and my sisters, who by this time had jobs, to help my parents back home in Vietnam while I began an adventure into an uncertain future....We said farewell to my family members, and headed north. Where to, I didn't know—but I had a good felling about our journey.*" (tr.290-291)

Cuộc hành trình bắt đầu từ San Jose, theo xa lộ I-80 đi về hướng đông, băng qua những vùng đồi núi miền Bắc California, qua những sa mạc nóng bỏng của Nevada, Salt Lake City rồi vào cảnh núi trùng trùng điệp của Utah, đến Casper và Cheyene cuả Wyoming. Ngày đi đêm nghỉ ở những trạm dọc đường, mấy anh em cậu cháu tiến đần về Nebraska. Dọc đường nhóm thanh niên gặp một cặp vợ chồng già ở Nebraska khuyến dụ họ cùng về Valentine nơi họ cư ngụ, chỉ vì họ thấy một đám thanh niên trong khi ở Valentine con gái lại thừa. Lịch sự từ chối lời mời, họ lại nhắm hướng đông thẳng tiến, băng qua vùng trồng trọt phì nhiêu nhất của Mỹ. Khi đến Iowa, họ ngừng ở một tiệm Burger King để ăn trưa. Sau khi gọi thức ăn, tác giả cần một chiếc nĩa nên đã hỏi cô bán hàng, nhưng vì chưa phát âm đúng nên đã nói "*May I have a f-a-a-a-r-k*" ? (tr. 294). Cô bán hàng mất trợn tròng tức giận, trả lời là "tôi rất

bận," trong khi chung quanh có tiếng cười oà mà tác giả không hiểu lý do tại sao. Anh lại cố gắng giải thích bằng cách chỉ vào chiếc bánh táo (apple pie) rồi ra dấu. Cô bán hàng vở lẽ ra là anh cần một cái nĩa — *fork*—, nên lấy cho anh một chiếc mà mặt vẫn còn đỏ tía. Thực khách trong tiệm lại phá lên cười một lần nữa.

Cuộc hành trình tiếp tục, đi qua những tiểu bang Michigan, Ohio, New York, rồi ngược lên hướng Bắc đến Vermont, New Hampshire và Maine. Nhưng khi đến Bennington, Vermont, chiếc xe cũ hỏng máy, sửa chữa tốn kém trong khi trong túi chỉ còn $250 nên họ đã quyết định ở lại đây. Nhờ may mắn, họ thuê được một căn chúng cư nhỏ, vừa túi tiền, đủ cho mấy anh em tá túc. Khi tác giả đến ghi danh cho hai em và cháu ở trường trung học Mt. Anthony, anh đã gặp Joan Costin, một chuyên viên khải đạo làm ở trường giúp đỡ. Về sau, hai vợ chồng Joan và Ken Costin trở thành ân nhân của cả mấy anh em tác giả. Thu xếp việc học cho hai em và cháu xong, tác giả nghĩ đến việc học của mình. Nhờ Joan và Ken giúp đỡ, anh nạp đơn xin nhập học vào các trường Bennington College, Castleton College và Đại Học Vermont. Trường Bennington gọi anh đến phỏng vấn, và trong lúc đối thoại, anh đã vạch ra con đường tương lai cho mình:

"What do you plan to do at Bennington College?"

"I plan to study English first, then get into British and American Literature."

"Why literature? The counselor asked. "That would be very hard since English isn't your native language."

"I used to study Vietnamese literature which is older than British and American literature. I think we are limited only by our imagination."

"What do you want to be then?"

"I want to be a Vietnamese novelist," I answered with all my heart. (tr.299).

Thu qua, đông đến trong sự chờ đợi kết quả, tác giả cố sống những ngày bình thường, tuy cô đơn nhưng rất bận rộn chăm sóc cho hai em và cháu. Thỉnh thoảng, qua sự giới thiệu của Joan và Ken Costin, tác giả làm quen với một người con gái làm việc ở một cửa hàng cho thuê dụng cụ trượt tuyết. Lần đầu tiên trượt tuyết, anh vấp ngã nhiều lần, nên mãi đến tối mới xuống được chân đốc. Người bạn gái đang chờ ở đó ngạc

nhiên hỏi lý do chậm trễ, tác giả bảo là anh, thay vì trượt như người khác, đã đi từng bước từ trên xuống, và đếm rõ từng bước một mình đã đi!

Mùa đông năm đó, tác giả nhận được thư báo của hai trường Bennington và Castleton nhận anh vào học. Trường Bennington cấp học bổng toàn phần, nên vào mùa Xuân 1984, anh dọn vào ở trong ký túc xá của trường. Trước viễn ảnh một cuộc đời mới có phần sáng sủa hơn, tác giả vẫn không quên được gia đình, những người thân yêu giờ lưu lạc nhiều nơi: "*I left my mother, my family. I had a family—a father, a mother, brothers, and sisters. We had such a happy family, even though there was pain, we had each other and we shared the bitterness of lie. Now, each of us had taken a different path. Nine of us were refugees scattered around the U.S. trying to make a living and holding on to our lives. We left our parents and two older brothers behind in Vietnam....What have we done or completed? We were just a bunch of people who betrayed our parents, especially our mother? Am I the one who left in the middle of the game? Am I the one who gave up*?" (tr. 304)

South Wind Changing chấm dứt với những ray rứt và nhớ thương của tác giả về một bà mẹ già bỏ lại đàng sau. Một bà mẹ làm tròn bổn phận làm dâu, làm mẹ, săn sóc lo lắng cho gia đình, con cái mà không hề nghĩ đến bản thân mình. Lúc trái gió trở trời, lúc chiến tranh tang tóc, trái tim của mẹ phập phồng theo tiếng cười tiếng khóc của đàn trẻ, theo tiếng nổ của đạn bom. Lời nào diễn tả hết được cuộc đời của mẹ? *How can I describe that live in words*? tác giả tự hỏi.

Câu chuyện Jade Ngọc Quang Huỳnh thuật lại qua tác phẩm đầu tay của mình chắc chắn sẽ gây được nhiều xúc động cho người đọc. Biết bao biến cố, thảm kịch xảy ra cho anh, cho gia đình cũng như thân nhân bè bạn, nhưng anh vẫn luôn luôn có một quyết tâm làm lại từ đầu, thách thức mọi khó khăn và nghịch cảnh. Bàng bạc trong cuốn sách từ đầu cho đến cuối là hình ảnh những người mẹ Việt Nam khốn khổ trong cảnh tre khóc măng như mẹ của người tù tên Hung, hay hình ảnh người mẹ Tam nhớ đến trước lúc chết vì bị rắn độc cắn, hay mẹ của Hanh tần tảo chắt chiu lo cho bầy con trong những ngày sau khi miền Nam đổi chủ. Nhưng rõ ràng nhất, nổi bật nhất vẫn là mẹ của tác giả. Nhưng tiếc thay những

truân chuyên của anh và gia đình anh gánh chịu trong mấy mươi năm chiến tranh đã mất hẳn những nét đặc thù chỉ vì tác giả cố gắng thâu tóm hầu như toàn bộ những biến cố, những sự kiện xã hội, văn hoá, chính trị, quân sự, từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, vào quãng đời mình thu gọn lại trong 300 trang sách. Người đọc nhận ra rất nhiều chi tiết được tác giả thuật lại là chính mình đã là nạn nhân hay tai nghe mắt thấy, rồi từ đó đặt ra câu hỏi liệu bao nhiêu biến cố đó có thật sự xảy ra cho chính tác giả hay không. Hay là vì muốn lột tả hết được những bi thảm của chiến tranh và số phận của người Việt nên anh phải dùng hết số lượng thông tin đó? Hơn nữa, bố cục của cuốn sách lại càng khiến cho người đọc cảm thấy như mình đang đọc một bản tóm lược cuộc chiến Việt Nam qua hình ảnh của gia đình anh. Vì bị phân chia thành nhiều chương ngắn (55 chương, ba phần), có chương dài chưa đầy một trang giấy, có chương chỉ hai ba trang, trung bình hơn 5 trang, nên cấu trúc của cuốn sách đã mất hẳn tính liên tục, bị cắt xén thành từng mảng nhỏ. Tuy dùng tiếng Anh để diễn tả, tác giả đã thú nhận là mình suy nghĩ bằng tiếng Việt[2], rồi sau đó mới viết ra tiếng Anh, cho nên cách hành văn, cách dùng chữ nhiều nơi vẫn còn mang âm hưởng của tiếng Việt. Ý tứ từ đó được diễn tả một cách gượng gạo, chẳng hạn lúc ngồi nói chuyện với Di, tác giả dùng cụm từ "*searching for poetry*" để hỏi người bạn gái có phải là đang đi **tìm thơ** không! (tr. 37); hay lúc thương thảo việc vượt biển với chủ ghe, dịch lại nguyên văn câu tiếng Việt "chúng tôi không chịu trách nhiệm." là "*We will have no responsibility* (tr. 213). Tuy không sai, nhưng diễn ý như vậy qua tiếng Anh thì cứng cỏi quá. Và có lẽ cũng vì "nghĩ bằng tiếng Việt, viết bằng tiếng Anh" mà nhiều sự kiện được thuật lại trước sau bất nhất. Ở trang 1, tác giả nói cha mẹ anh có tất cả mười bảy người con "... *born into a family of* ***seventeen*** *children*" nhưng từ chương 6 trở đi, bắt đầu ở trang 71, tác giả viết " *She had* ***eleven*** *children and eight of them were in jail.*" Một vài sự kiện được tác giả ghi lại với những sai lầm sơ đẳng, như khi nói rằng Chú Từ **tập kết** ra Bắc năm **1945** (từ **tập kết** chỉ được dùng để chỉ những người cộng sản ở miền Nam ra Bắc sau hiệp định Genève năm 1954), hay anh ruột ông Thiệu làm đại sứ ở **Hong Kong** (đúng là **Đài Loan**) chẳng hạn, hoặc lá cờ mà Cộng sản treo ở Dinh Độc lập ngày họ cưỡng chiếm miền Nam là **lá cờ của Mặt Trận Giải Phóng (xanh, đỏ, giữa có sao vàng)** chứ không phải **cờ đỏ sao vàng** của Cộng Sản Bắc Việt. Các đơn vị đo lường cũng

được tác giả dùng một cách tùy tiện, khi thì theo hệ thống mét (metric system), khi thì theo hệ thống của Mỹ, mặc dù đang nói đến những việc xảy ra ở Việt Nam. Hình như tác giả không có khái niệm rõ ràng về các đại lượng như chiều dài, chiều sâu. Trong trại cải tạo, tác giả viết là tù nhân đào hai cái giếng sâu **24 thước**, bằng tay không và chỉ với cuốc xẽng! Hay trong đoạn tả đám tang của ông nội, cha tác giả xem sách coi ngày lành tháng tốt để chôn cất, tác giả mô tả những cuốn **sách dài một thước, rộng nửa thước**, chất thành đống cao ở trên tủ (tr. 39), hay tả một con rắn dài **8 feet, thân có đường kính 6 inch** (*It was eight feet long and six inches thick.)* (tr. 96). Ở cỡ đó, nó không còn là một con rắn, mà là một con trăn. Mà trăn thì lại ít khi ở hang vì độ lớn và chiều dài của nó! Những sự bất nhất về các đại lượng như thế ít nhiều đã làm cho người đọc nghi ngờ về tính chân thật của sự việc được mô tả.

Lối xưng hô của người Việt Nam, nhất là đối với một người có học như tác giả nhiều lần xác nhận mình là (học sinh xuất sắc toàn niên, vì là trí thức nên bị bắt đi cải tạo), hẳn phải biết rõ là chẳng bao giờ người ta dùng tục danh trong việc thưa gởi, nhất là khi xưng hô hay nói đến bậc trưởng thượng. Ở đây tác giả dùng tên gọi khi viết về ông cố, ông nội của mình (tr. 1), nhưng lại gọi tên phó quản trại là Chú Tư, và khi nói chuyện với vị linh mục ở họ đạo trong lúc tìm đường vượt biển cũng lại chỉ dùng tên tục. Tác giả thuật lại là lúc nhỏ mình theo học một trường công giáo nên hẳn phải biết là ngay cả những người ngoại đạo không ai dùng tên tục của một ông Cha để gọi bao giờ.(tr. 210)

Ngoài ra, cuốn sách còn bàn đến nhiều vấn đề có tầm vóc lớn như chính trị, tôn giáo, chiến tranh, đạo đức, triết lý, v.v cùng những ý kiến của tác giả về các vấn đề đó khiến người đọc nhiều khi có cảm tưởng mình đang đọc một cuốn tiểu luận hơn là một cuốn hồi ký. Chúng tôi sẽ phân tích chi tiết khi so sánh hai tác phẩm *Where The Ashes Are* và *South Wind Changing* trong phần sau.⊙

(còn tiếp)

thạch hãn

[1]Jade Ngọc Quang Hùynh. *South Wind Changing*, Grey Wolf Press, St. Paul, Minnesota, 1994, tr.19. Tất cả những trích dẫn từ đây trở đi đều từ ấn bản này.

[2] Phan Thanh Tâm. "South Wind Changing và Jade Ngọc Quang Hùynh", *Thế Kỷ 21*, Số 63, Tháng 7/1994, tr. 64.

tòa soạn với bạn đọc

Thư nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ...:
Nguyễn Đình Cường, Cerritos CA; Ecole de langues orientales, France; Thiên Huong Nguyen Phan Freemont; Ty Ty Le Fairview Heights, Liêu Quốc Vũ San Diego, Đàm Quang Lâm Philadelphia, Phan Minh Nga Anaheim, Diem D. Nguyen Seattle, Nguyên D. Mai San Jose; Hoang TRọng Lâm Calgary Canada; Pham Duc Lawndale; Anh N. Mather Horseshoe Bay TX; Linh Duy Nguyen San Diego; Nguyên v. Than Irvine; Huynh Huu Cuu Westminster; Trần Đức Hoan Westminster; Ton That Chieu Langley Park MD; Nguyen Nhu Hue Paris France; Vo van Dan Vancover Canada; Hồ Phổ Lại Gatineau Canada; Nguyễn Hoàng Lân Seattle

Báo bị trả về: Nhà sách Tinh Hoa, Houston.

Ông Mai Đỗ Nguyên, San Jose: Thành thật cảm ơn ông. Lý do gửi dư hai số báo vừa qua dúng như ông viết trong thư. Ông bỏ công gửi lại cho Tòa soạn, thật quá cẩn thận. Nếu các bạn đọc khác cũng quí mến trân trọng tờ báo như ông, Văn Học đã không vất vả như chín năm nay. Xin nhận nơi dây lòng cảm tạ của Văn Học.

Bài nhận được trong tháng: Lên non, Giọt nước gửi từ San Diego; Thực hư, Phương Anh, Tâm động gửi từ Garden Grove; Đi thăm quê tình Hà Nguyên Dũng, ở nhà một mình, Đa tình, Montreal, Viếng núi Mont Royal, Con gái gửi từ Montreal Canada; Nói và Gởi, gửi từ Mt. Waverley Australia; Đến với ngày hẹn tháng Tám gửi từ Springfield VA; Để nhớ ngày em nhận lời yêu tôi, Đêm trăng chia tay cùng em mọi nhỏ gửi từ Sài gòn; Người tử tù truyện dịch của Saki gửi từ Paris France; Còn lại cây sáo trúc gửi từ Santa Ana CA; Đại nội gửi từ Midway City CA; Nắng chiều trên Thái Bình dương gửi từ San Francisco; Hồng Nhan gửi từ Vancover Canada; Lô sơn yên tỏa gửi từ Worcester MA; Người mãi xa người gửi từ Westminster, Tao đàn nhị thập bát tú tiếng Đức gửi từ Germany; Ngày bệnh gửi từ Springfield VA; Lên chùa gửi từ San Francisco; Mù sương cũng biết mơ, Cho quên người ai quên gửi từ Falls Church.

sách mới nhận được trong tháng

📖 *20 poems & 1000 thoughts of Huy Luc Khoi Tien Bui*, tập sách viết bằng Anh ngữ sưu tập 20 bài thơ và 1000 suy nghĩ của nhà thơ Huy Lực về nhiều vấn đề, in tuyệt đẹp, bìa cứng đúng như tiêu chuẩn của sách Mỹ. Huy Lực là một nhà thơ quen biết của miền Nam trước 1975. Sau 1975 di tản sang Hoa kỳ, định cư tại Houston, ông liên lạc mật thiết với giới cầm bút Hoa kỳ, viết nhiều bài thơ tiếng Anh, tham dự nhiều cuộc hội thảo văn chương do các cơ quan văn hoá Hoa kỳ tổ chức. Nhờ thế, Huy Lực được văn giới Hoa kỳ biết đến nhiều hơn những bạn thơ bạn văn của ông

Giá mỗi tập sách là 25 MK. Địa chỉ liên lạc: Mr Khoi Bui, P.O. Box 720236 Houston TX 77272.

📖 *Sự chuyển động toàn diện của tâm thức trong tư tưởng Phật giáo. Những bước chân nhẹ nhàng trở về sự im lặng*, của Phạm Công Thiện, Viện Triết lý Việt Nam và Triết học Thế giới xuất bản, California USA 1994. Sách dày 260 trang, giá 14 MK. Sách mới của Phạm Công Thiện sau một thời gian dài tác giả vắng bóng trong sinh hoạt chữ nghĩa. Theo lời tác giả :"Quyển sách được viết chậm rãi thong dong trên mười năm nay, từ năm 1983 tại Los Angeles, California Hoa kỳ...(Trong) những cơn động đất thường xuyên của đời mình, cái "tôi" ở trên đã trở thành một cái gì khác. Không biết là cái gì? Cũng chẳng bận tâm biết tới để làm gì, chỉ biết ở đây và ở đó vẫn còn động đậy nhẹ nhàng những bước chân thầm kín, những bước chân lặng lẽ thong dong bình thản trở về Im lặng..."

📖 *Đạo Đức kinh của Lão tử*, Huỳnh Kim Quang dịch, Viện Triết lý Việt Nam và Triết học Thế giới xuất bản, sách dày 284 trang, giá 12 MK. Theo lời giới thiệu của nhà xuất bản, dịch giả đã căn cứ vào một bản Đạo Đức kinh mới khám phá tại ngôi mộ Mã vương Thôi ở tỉnh Hồ Nam-Trung hoa năm 1973, bản xuất hiện 500 năm trước tất cả các bản hiện lưu hành. Bản dịch có in kèm nguyên bản.

Địa chỉ liên lạc: Viện Triết lý VN & Triết học Thế giới, 424 S. Ramona Avenue, Monterey Park CA 91754. USA. Phone: (818) 288-5359.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và Tên. . . . . .
Địa chỉ. . . . . .
. . . . . .
Thành phố. . . . . .Tiểu Bang. . . . . .
Zip Code. . . . . .Quốc Gia. . . . . .
Đặt mua dài hạn Văn Học từ số. . . . . .đến số. . . . . .

Giá một năm báo tại Hoa Kỳ

Gửi hạng tư. $36.00
Gửi hạng nhất. $42.00

Giá một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư. $40.00
Gửi hạng nhất. $46.00

Giá một năm báo tại Âu, Á và Úc Châu

Gửi hạng tư. $48.00
Gủi hạng nhất. $84.00

Trả bằng Mỹ Kim (US Dollar). Ngoài Hoa Kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân, chi phiếu xin đề **Văn Học.**

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn tặng .... năm báo Văn Học cho:

Họ và Tên. . . . . .
Địa chỉ. . . . . .
Thành phố. . . . . .Tiểu Bang. . . . . Zip . . . . . .

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- **SÀI GÒN TẠP PÍN LÙ** — **15 Mỹ kim**
  tức Sài Gòn Năm Xưa II, III
  Vương Hồng Sển

- **LUẬN NGỮ** — **13 Mỹ kim**
  Nguyễn Hiến Lê dịch chú thích
  (sách mới in lần đầu viết sau 75)

- **LỊCH SỬ THẾ GIỚI cuốn I** — **20 Mỹ kim**

- **LỊCH SỬ THẾ GIỚI cuốn II** — **20 Mỹ kim**
  Nguyễn Hiến Lê và èn Giang

Bộ Lịch Sử Thế Giới của hai tác giả Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang được viết cách đây 40 năm là một bộ sử nghiên cứu công phu, đồ sộ, rất cần thiết cho các độc giả cần một kiến thức tổng quát về lịch sử thế giới mà tới nay chưa có bộ thứ hai.
Sách dày gần 900 trang chia làm hai tập đóng bìa cứng.
Bộ sử này in đúng 500 bộ. Xin liên lạc với nhà sách quen hoặc mua thẳng với nhà xuất bản.

Thư Mục Văn Nghệ có hơn 400 mặt sách.
Xin liên lạc để nhận thư mục.

Giá $3.50